

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY – TỈNH HẬU GIANG

Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY – TỈNH HẬU GIANG

Ngày ... tháng ... năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH HẬU GIANG

Ngày ... tháng ... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY – TỈNH HẬU GIANG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) huyện.....	1
2. Mục đích, yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	2
3. Nguyên tắc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	3
4. Các căn cứ pháp lý và tài liệu để lập kế hoạch sử dụng đất	3
5. Tổ chức triển khai và thời gian thực hiện.....	5
6. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	5
7. Các sản phẩm của dự án	6
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	7
1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên	7
1.1.1. Vị trí địa lý.....	7
1.1.2. Địa hình	8
1.1.3. Khí hậu, thời tiết	8
1.1.4. Thủy văn	9
1.1.5. Tài nguyên đất	10
1.1.6. Tài nguyên nước	10
1.2. Khái quát về phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2023	11
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	16
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	16
2.1.1. Đánh giá tình hình thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	17
2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023	22
2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.....	28
2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023	29
2.1.5. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	31
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023	32
2.3. Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	32
2.3.1. Nguyên nhân khách quan	32
2.3.2. Nguyên nhân chủ quan	33
2.4. Công trình dự án 03 năm nhưng chưa thực hiện.....	33

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	34
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh	34
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	34
3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất các năm trước chuyển sang ...	34
3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	36
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	38
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024.....	50
3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024	52
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	54
3.7. Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất trong năm 2024:	54
3.8. So sánh chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 ..	54
3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2024.....	55
3.9.1. Căn cứ pháp lý	55
3.9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai.....	58
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	60
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường.....	60
4.1.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường	60
4.1.2. Tăng cường hoạt động giám sát môi trường	60
4.1.3. Giải pháp bảo vệ và cải tạo đất đai.....	60
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	61
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	62
4.4. Các giải pháp khác	63
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
KẾT LUẬN	64
KIẾN NGHỊ:.....	64

DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Phân chia các khu vực ngập lũ – huyện Vị Thủy	9
Bảng 2: Diện tích các loại đất trên địa bàn huyện	10
Bảng 3: Danh mục công trình đã thực hiện xong trong năm 2023	17
Bảng 4: Danh mục công trình dự án đang thực hiện trong năm kế hoạch 2023.	18
Bảng 5: Danh mục công trình dự án chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2023.	20
Bảng 6: Danh mục công trình, dự án không triển khai, đề nghị hủy bỏ không chuyển tiếp sang KHSDD năm 2024	22
Bảng 7: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.....	22
Bảng 8: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023.....	28
Bảng 9: Danh mục các công trình dự án đã thực hiện thu hồi đất năm 2023	30
Bảng 10: Kết quả thu hồi đất năm 2023.....	30
Bảng 11: Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023	35
Bảng 12: Công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024	37
Bảng 13: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.....	38
Bảng 14: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đơn vị hành chính	48
Bảng 15: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024.....	51
Bảng 16: Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024	53
Bảng 17: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030.....	54
Bảng 18: Bảng cân đối thu, chi từ đất.....	59

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải	Từ viết tắt	Diễn giải
BNV	Bộ Nội vụ	MG	Mẫu giáo
BVMT	Bảo vệ môi trường	NCTH	Nghiên cứu tổng hợp
CHQS	Chỉ huy Quân sự	NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
BTC	Bộ Tài Chính	NN	Nông nghiệp
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	NGTK	Niên giám thống kê
CCQLĐĐ	Chi cục quản lý đất đai	NQ-CP	Nghị quyết – Chính phủ
CĐT	Chủ đầu tư	NTM	Nông thôn mới
CMĐ	Chuyển mục đích	NTTS	Nuôi trồng thủy sản
CSSKSS	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	NVH	Nhà văn hóa
Đất NN	Đất nông nghiệp	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
Đất PNN	Đất phi nông nghiệp	QĐ	Quyết định
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long	QH	Quốc hội
ĐH	Đường huyện	QHSDĐ	Quy hoạch sử dụng đất
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân	QHXD	Quy hoạch xây dựng
DT	Diện tích	QL	Quốc lộ
DTTN	Diện tích tự nhiên	STNMT	Sở Tài nguyên và Môi trường
ĐT	Đường tỉnh	TCQLĐĐ	Tổng cục quản lý đất đai
ĐVT	Đơn vị tính	TD-TT	Thẻ dực – Thẻ thao
FAO	Tổ chức Nông Lương Liên hợp quốc	SWOT	Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo	TH	Tiểu học
GDTX	Giáo dục thường xuyên	THCS	Trung học cơ sở
GIS	Hệ thống thông tin địa lý	THPT	Trung học phổ thông
GTSX	Giá trị sản xuất	Tr.đ	Triệu đồng
GTNT	Giao thông nông thôn	TT	Thị trấn
HĐND	Hội đồng nhân dân	TTCN	Tiểu thủ công nghiệp
HGD, CN	Hộ gia đình, cá nhân	TTTTM	Trung tâm thương mại
KHCN	Khoa học công nghệ	TTVH	Trung tâm văn hóa
KHSDD	Kế hoạch sử dụng đất	TT VH-TT	Trung tâm văn hóa-thể thao
KT-XH	Kinh tế - xã hội	UBND	Ủy ban nhân dân
KV	Khu vực	UNEP	Chương trình môi trường liên hợp quốc
KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình	XH	Xã hội

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết lập kế hoạch sử dụng đất (KHSDĐ) huyện

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đất đai luôn giữ một vị trí, vai trò rất quan trọng – là cơ sở của mọi quá trình sản xuất, là địa bàn phân bố dân cư, xây dựng những công trình kinh tế, xã hội, giao thông, thủy lợi phục vụ cho đời sống của người dân và là nguồn của cải, tài sản cố định để tích lũy hoặc đầu tư.

Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc giữ gìn, bảo vệ và sử dụng nguồn tài nguyên quý giá đất đai ở trước mắt cũng như lâu dài; đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ các nhu cầu dân sinh, nhu cầu văn hóa xã hội. Đồng thời, xây dựng quy hoạch sử dụng đất còn giúp hạn chế sự chòng chéo, tránh gây lãng phí quỹ đất, ngăn chặn những hành vi tiêu cực đến đất đai như hủy hoại, lấn chiếm, phá vỡ cân bằng sinh thái,... là cơ sở pháp lý để giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Tại Điều 14, Luật Đất đai năm 2013 quy định “Nhà nước quyết định mục đích sử dụng đất thông qua quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất”. Theo Khoản 1, Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định “Kỳ quy hoạch sử dụng đất là 10 năm” và “Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để các cấp tổ chức triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Tại khoản 1, Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định như sau: “2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện. Cơ quan quản lý đất đai cấp huyện có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.”

Với vị trí là cửa ngõ phía Đông của thành phố Vị Thanh, với các tuyến giao thông thủy, bộ quan trọng, đóng vai trò huyết mạch của tỉnh Hậu Giang nên huyện Vị Thủy có vị thế rất lớn trong giao lưu kinh tế, thông thương với các địa phương khác của tỉnh, cũng như các tỉnh, thành trong vùng.

Để đánh giá đầy đủ toàn diện về thực trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện trong năm 2023 và xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2024 làm căn cứ cho việc thu hồi đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Vì vậy, Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy đã có Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc chủ trương thực hiện dự án: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy.

Từ những lý do nêu trên, việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy là rất cần thiết nhằm đảm bảo kịp thời phân bổ, bố trí quỹ đất phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Mục đích, yêu cầu của lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

2.1. Mục đích

- Tiến hành kiểm kê, đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện về thực trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện Vị Thủy, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Đánh giá tình hình quản lý và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Hậu Giang đã phân bổ cho huyện Vị Thủy trong năm 2024 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.
- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2024 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.
- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm 2024 và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.
- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong năm 2024 đến từng đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.
- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất trong năm 2024.
- Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm 2024 trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.
- Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm 2024.
- Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

2.2. Yêu cầu

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn huyện một cách đầy đủ và sâu sắc làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Xác định đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện Vị Thủy; đồng thời các dự án phải đảm bảo tính khả thi.
- Xác định cụ thể, đảm bảo tính khả thi của các vùng phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang các khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu ngân sách từ đất.
- Các giải pháp thực hiện phải đảm bảo phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của huyện Vị Thủy, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

3. Nguyên tắc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Theo Khoản 1, Điều 6, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, quy định:

- Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh;
- Kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cùng cấp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- Sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả;
- Khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu;
- Bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương có sử dụng đất phải bảo đảm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Các căn cứ pháp lý và tài liệu để lập kế hoạch sử dụng đất

4.1. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2013;
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

- Thông tư số 01/2021/TT- BTNMT ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Căn cứ Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất Đai;

- Căn cứ Công văn số 1247/QHPTTND-PGDCTĐ ngày 27 tháng 06 năm 2023 của Cục Quy hoạch và Phát triển Tài nguyên đất và văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật về trồng trọt trong hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích khác theo quy định tại Điều 68a bổ sung tại Nghị định số 10/2023/NĐ-CP;

- Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang năm 2024;

- Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Vị Thủy;

- Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định 1279/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc cho phép thực hiện và cập nhật công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc bổ sung 01 (một) công trình, dự án vào Quy

hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Vị Thủy và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy về việc chủ trương thực hiện dự án: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy;

- Công văn số 2216/STNMT-CCQLĐĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang về việc triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện năm 2024.

4.2. Các tài liệu, số liệu liên quan đến kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Báo cáo thuyết minh và bản đồ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Vị Thủy;

- Báo cáo thuyết minh và bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2020, năm 2021, năm 2022, năm 2023 của huyện Vị Thủy (đã được công bố trên cổng thông tin điện tử của huyện Vị Thủy);

- Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội huyện Vị Thủy năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024;

- Thống kê đất đai năm 2022 của huyện Vị Thủy;

- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành, lĩnh vực;

- Niên giám thống kê năm 2022 huyện Vị Thủy;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện và các xã, thị trấn;

- Bản đồ giải thửa của các xã, thị trấn;

- Tài liệu, số liệu làm việc với các Phòng – Ban của huyện Vị Thủy và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn về việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất.

5. Tổ chức triển khai và thời gian thực hiện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện được đầu tư và thực hiện bởi các cơ quan sau:

- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện.

- Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư Vĩnh Thịnh

- Cơ quan thẩm định: Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các Sở, ngành của tỉnh.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Hậu Giang.

- Thời gian lập: Năm 2023.

6. Phương pháp lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Phương pháp tiếp cận từ trên xuống: nắm bắt các chủ trương, chính sách và chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ từ cấp tỉnh cho huyện; tiếp cận từ dưới lên: làm

việc với các tổ chức có nhu cầu sử dụng đất, các phòng, ban, các xã, thị trấn để thu thập các nhu cầu và khả năng sử dụng đất, từ đó cân đối phương án sử dụng đất các đơn vị trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Phương pháp Điều tra:

+ Điều tra sơ cấp: Điều tra, thu thập nhu cầu chuyển mục đích của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân: phối hợp với UBND các xã, cán bộ Địa chính để hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình cá nhân đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024.

+ Điều tra thứ cấp: làm việc với các phòng, ban cấp huyện, UBND các xã để nắm bắt nhu cầu sử dụng đất của các ngành cấp huyện và cấp xã.

- Phương pháp bản đồ: xác định vị trí, tọa độ, quy mô diện tích của các công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất để khoanh vẽ, xây dựng bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Phương pháp chuyên gia: tham khảo ý kiến của nhà quản lý, các cơ quan chuyên môn, các chuyên gia,...trong quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Phương pháp thống kê: để xử lý các số liệu và dự báo về kinh tế, xã hội, tình hình sử dụng đất.

7. Các sản phẩm của dự án

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (kèm theo Quyết định phê duyệt): 05 bộ.

- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất đến năm 2024: 05 bộ.

- Bản đồ kết quả rà soát kế hoạch sử dụng đất năm 2023: 05 bộ.

- Bản đồ chuyên đề: 05 bộ.

- File lưu trữ báo cáo, số liệu và bản đồ: 05 bộ.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1 Khái quát về điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

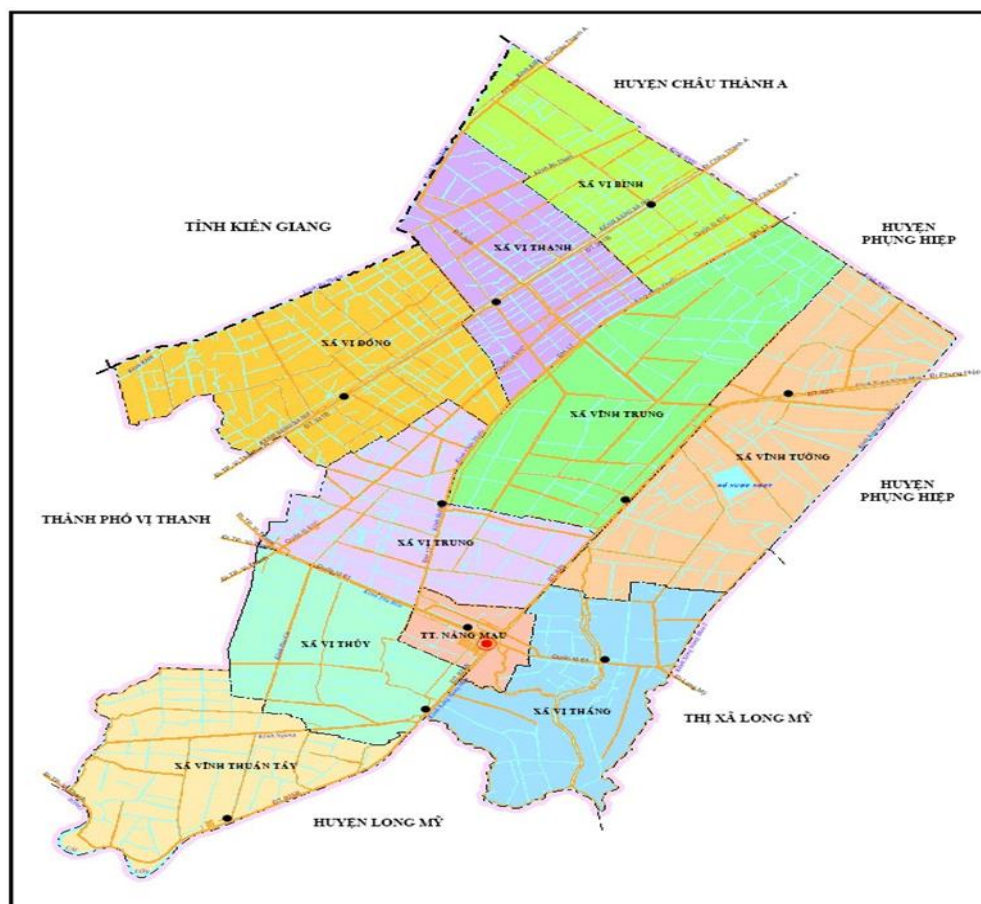
Huyện Vị Thủy nằm ở phía Tây Bắc của tỉnh Hậu Giang, là cửa ngõ phía Đông của thành phố Vị Thanh, cách trung tâm của thành phố Vị Thanh khoảng 8km, toạ độ địa lý của huyện được xác định:

- Từ 9°41'9" đến 9°54'42" vĩ độ Bắc;
- 105°27'18" đến 105°37'48" kinh độ Đông.

Địa giới hành chính được giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Châu Thành A và tỉnh Kiên Giang;
- Phía Nam giáp huyện Long Mỹ và thị xã Long Mỹ;
- Phía Đông giáp huyện Phụng Hiệp;
- Phía Tây giáp TP. Vị Thanh.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện theo thống kê đất đai năm 2022 là 22.931,61ha và dân số đến năm 2022 là 89.973 người. Gồm 10 đơn vị hành chính (1 thị trấn và 9 xã), trung tâm huyện là thị trấn Nàng Mau.



Sơ đồ vị trí huyện Vị Thủy

Với vị trí liền kề trung tâm tỉnh lỵ (TP. Vị Thanh), nông nghiệp của huyện

có khả năng phát triển như một trung tâm giao dịch về nông sản và công nghệ - kỹ thuật nông ngư nghiệp. Về phát triển đô thị, có khuynh hướng phát triển hướng về TP. Vị Thanh, hình thành một cụm đô thị lớn với hệ thống cơ sở hạ tầng đang được đầu tư nâng cấp như: Quốc lộ 61, đường Quốc lộ 61C, đường tỉnh 932 cùng với các kênh rạch lớn tạo thế giao thông thủy - bộ liên vùng.

1.1.2. Địa hình

Địa hình huyện có cao độ trung bình từ 0,5m – 0,7m, dạng địa hình trung bình và thấp, có cao trình biến đổi từ 0,2 m đến 0,3 m. Nhìn chung địa hình của huyện tương đối bằng phẳng, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và giao thông vận tải.

Huyện và tỉnh Hậu Giang nằm trong khu vực có nguồn gốc trầm tích của các loại Sông - Đầm lầy, Sông Biển, Đầm lầy - Biển và trầm tích Biển được hình thành trong khoảng 6.000 năm trở lại đây (tuổi Holocene). Các vật liệu bồi tích chủ yếu là Sét, Cát, bột mịn cùng các di tích thực vật, mảnh vỏ sò...

1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Khí hậu khu vực huyện mang đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long với các đặc điểm:

- Độ ẩm không khí trung bình của các tháng trong năm 81,3%, cao nhất 84%, thấp nhất 77,0%, chênh lệch độ ẩm giữa các tháng không lớn. Lượng bốc hơi bình quân 1.200 mm/năm, bằng 25-30% lượng mưa, các tháng mùa khô lượng bốc hơi trên 50 mm, tháng có lượng bốc hơi nhỏ nhất là tháng 11 dương lịch.

- Nhiệt độ không khí ổn định ở mức cao (trung bình 26⁰C). Khoảng chênh lệch nhiệt độ lớn nhất giữa các tháng trung bình là 3⁰C, còn chênh lệch nhiệt độ ngày và đêm từ 8-14⁰C. Các trị số nêu trên là khoảng nhiệt tối ưu mà nhiều loại cây trồng đạt hiệu suất quang hợp lớn nhất, nên rất thuận lợi cho thâm canh tăng năng suất và nâng cao chất lượng nông sản.

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào cuối tháng 11, chiếm trên 95% tổng lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau. Lượng mưa trung bình năm khá lớn, khoảng 1.946 mm, số ngày mưa trung bình 189 ngày/năm.

- Ánh sáng là nguồn năng lượng đặc biệt quan trọng cho cây quang hợp và các hoạt động sản xuất khác. Số giờ nắng đạt cao nhất là giai đoạn gần cuối mùa khô, trung bình cao nhất vào tháng 2 khoảng 251,5 giờ, thấp nhất vào tháng 7 khoảng 127,9 giờ.

Từ những đặc điểm khí hậu, thời tiết như trên nhìn chung là rất thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp đa canh và thâm canh, nhưng cũng có khó khăn cho hoạt động canh tác, cơ cấu cây trồng, kế hoạch thời vụ, phòng chống thiên tai, phòng trừ dịch bệnh... Do đó cần chú ý đến yếu tố chọn tạo giống mới, chuyển đổi cơ cấu, kỹ thuật canh tác để thu hoạch trái vụ. Ngoài ra, yếu tố độ

ẩm cao, lượng mưa tập trung trong mùa mưa đòi hỏi phải đầu tư trang bị kỹ thuật cho khâu phơi sấy, tồn trữ và bảo quản nông sản.

1.1.4. Thủy văn

a. Ngập úng

Ngập úng là hiện tượng thủy văn xảy ra thường xuyên do: Lũ từ thượng nguồn sông Mê Kông tràn về không kịp tiêu ra biển, mưa tại chỗ với vũ lượng lớn vào thời điểm triều cường biển Đông và Biển Tây xâm nhập vào nội đồng. Liên tiếp vào các năm 1978, 1984, 1991 và 1994-1997 và năm 2000-2002, ngập lũ đã gây tác hại rất lớn đối với ĐBSCL nói chung và huyện Vị Thủy nói riêng. Tuy nhiên, do huyện nằm cuối nguồn nên lũ thường đến muộn, cường độ lũ và nước ngập không lớn, song do huyện nằm trong vùng giáp nước giữa thủy triều biển Đông và biển Tây nên lũ tiêu thoát chậm và mức ngập có xu hướng tăng dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây. Trên địa bàn huyện, mức độ ngập lũ hàng năm phụ thuộc vào lượng mưa, nước lũ từ sông Mê Kông và triều biển Đông. Diễn biến lũ trên địa bàn huyện bắt đầu vào tháng 7, đạt đỉnh lũ vào tháng 10 và chấm dứt vào cuối tháng 12.

Bảng 1: Phân chia các khu vực ngập lũ – huyện Vị Thủy

Độ sâu ngập (cm)	Thời gian ngập	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
0 – 30	20/IX, 20/X	Vị Thanh, ven kênh Xà No	5.000	21,72	Lúa 2-3 vụ, cây ăn trái, thủy sản
30 – 60	20/IX, 10/XI	Hầu hết các xã còn lại	15.423	66,99	Lúa 2-3 vụ, cây ăn trái
Trên 60	20/IX, 10/XI	Vĩnh Tường, Vị Thủy, Vĩnh Trung	2.600	11,29	Lúa 2 vụ, cây lâu năm, thủy sản
Cộng			23.023	100,00	

Nguồn: Quy hoạch nông nghiệp huyện Vị Thủy đến năm 2030

Thời gian ngập từ 1 - 2 tháng (khoảng tháng 9 đến tháng 11 hàng năm). Thời gian và độ sâu ngập giữa các năm có sự biến đổi nhưng không lớn. Khu vực phía Nam QL61 (xã Vị Thủy, Vĩnh Thuận Tây,...) tuy ngập sâu nhưng tiêu thoát nước nhanh do gần sông Cái, khu vực phía Bắc thị trấn Nàng Mau (xã Vĩnh Tường, Vĩnh Trung,...) thời gian ngập lâu hơn do địa hình trũng thấp khó tiêu thoát nước hơn các vùng khác.

Lũ lụt cũng có mặt lợi là góp phần bồi đắp thêm phù sa cho diện tích sản xuất nông nghiệp, rửa phèn mặn và tàn dư của các loại thuốc hoá học sử dụng trong nông nghiệp và sản xuất khác như thuốc trừ sâu, bệnh,...

b. Thủy triều

Vị Thủy chịu ảnh hưởng của 2 chế độ thủy triều:

- Chế độ bán nhật triều không đều của biển Đông thông qua sông Hậu. Phần ảnh hưởng của chế độ bán nhật triều có biên độ lớn, nên có thể lợi dụng tưới tiêu tự chảy trên phạm vi dọc theo theo sông Hậu và sâu vào khoảng 10 km tùy theo địa hình.

- Chế độ nhật triều biển Tây qua sông Cái Lớn. Đối với vùng bị ảnh

hướng triều biển Tây, tuy chỉ cách biển khoảng 40 km, song biên độ triều thấp 30 - 35 cm, đỉnh triều cũng chỉ 70 - 90 km nên không thể lợi dụng thủy triều để tưới tiêu.

Do chịu ảnh hưởng của hai chế độ thủy triều và nằm trong vùng giáp nước, nhất là địa bàn xã Vĩnh Thuận Tây, nên để giải quyết việc tiêu thoát nước tốt, rửa phèn, tăng khả năng dẫn nước ngọt cho nông nghiệp cần quan tâm đầu tư xây dựng mới, nạo vét hệ thống thủy nông và đê bao hoàn chỉnh để chủ động điều tiết nguồn nước.

1.1.5. Tài nguyên đất

Theo bản đồ đất huyện Vị Thủy tỷ lệ 1/25.000 thì trên địa bàn huyện có 03 nhóm đất chính được chia thành 10 đơn vị chủ dẫn bản đồ (đơn vị bản đồ đất), cụ thể như sau:

Bảng 2: Diện tích các loại đất trên địa bàn huyện

STT	Tên đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm đất phù sa		9.063,3	39,51
1	Đất phù sa đang phát triển Gley	Pg	195,0	0,85
2	Đất phù sa đang phát triển, có đóm ri - Gley	Pg(f)	8.868,4	38,66
II	Nhóm đất phèn		9.642,6	42,04
II.1	Đất phèn tiềm tàng		493,1	2,15
3	Đất phèn tiềm tàng nông	Sp ₁	493,1	2,15
II.2	Đất phèn hoạt động		9.147,2	39,88
4	Đất phèn hoạt động nông, đang phát triển, tầng phèn sâu 0-50cm	Sj ₁	917,5	4,00
5	Đất phèn hoạt động sâu, đã phát triển, tầng phèn sâu >50cm, tầng sinh phèn sâu >50cm	Sj ₂ P ₂	2.977,2	12,98
6	Đất phèn hoạt động rất sâu, đã phát triển, tầng phèn sâu >80cm, tầng sinh phèn sâu >120cm	Sj ₃	3.569,0	15,56
7	Đất phèn hoạt động bị thủy phân, đã phát triển, tầng phèn bị thủy phân sâu >50cm	Srj ₂	1.683,6	7,34
III	Nhóm đất nhân tác		4.018,5	17,52
8	Đất phù sa lên líp	Vp	1.399,1	6,10
9	Đất phèn lên líp	Vs	1.672,1	7,29
10	Đất líp xây dựng	Vt	947,3	4,13
IV	Sông, kênh rạch		212,3	0,93
Tổng diện tích tự nhiên			22.936,7	100,00

Nguồn: Quy hoạch nông nghiệp huyện Vị Thủy đến năm 2030

1.1.6. Tài nguyên nước

Huyện có nguồn tài nguyên nước khá dồi dào bao gồm tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước ngầm.

Tài nguyên nước mặt: Tổng diện tích mặt nước toàn huyện khoảng 1.385,81 ha, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 359,52 ha. Huyện có hệ thống sông rạch phân bố khá đều với các sông, kênh trục chính như sông Cái Lớn, kênh Xà No, kênh Nàng Mau, kênh Chín Thước, kênh KH9 vừa làm nhiệm vụ cấp nước, vừa làm nhiệm vụ tiêu thoát nước cho huyện. Ngoài ra huyện còn có hệ thống kênh rạch nối từ các sông rạch chính phân phối nước đến khắp địa

bàn huyện. Hệ thống sông, kênh rạch vừa thuận lợi cho giao thông thủy vừa cung cấp nước ngọt quanh năm cho sản xuất, sinh hoạt cũng như cải tạo đất. Độ sâu của các kênh rạch dao động từ 1 – 9 m, kênh xáng Xà No 3,5 – 4 m, sông Cái Lớn 4 – 9 m, kênh xáng Nàng Mau 2,5 – 4,5m.

Tài nguyên nước ngầm: Theo tài liệu của Liên đoàn Địa chất thủy văn VIII và xí nghiệp Khai thác nước ngầm số 5, cho thấy nước ngầm ở Hậu Giang có 6 tầng: *Holocen*, *Pleistocen giữa – muộn*, *Pleistocen sớm*, *Pliocen muộn*, *Pliocen sớm* và *Miocen muộn*, trong đó: các tầng *Pleistocen* có trữ lượng cao nhất, chất lượng sử dụng tốt và nằm ở độ sâu vừa phải 70 – 130 m, phù hợp với khả năng khai thác hiện nay. Các tầng *Pliocen* nằm ở độ sâu trên 300 m có chất lượng không tốt, tầng *Miocen muộn* nằm ở độ sâu 400 – 500m, nước có chứa khoáng và có trữ lượng lớn, có thể khai thác và sử dụng trong tương lai.

1.1.7. Tài nguyên rừng

Rừng ở huyện Vị Thủy là rừng trồng, diện tích năm 2021 là 63,60 ha chiếm 0,31% diện tích đất nông nghiệp (là khu vực rừng tràm tập trung ở xã Vĩnh Tường).

Hệ thực vật chủ yếu là lúa, cây hàng năm, tràm, tre, trúc, dừa nước...

Hệ động vật trên cạn: chỉ có một số loài chim như gà nước, le le, trích nước, giẻ giun..., một số loài bò sát như rắn, rùa...

Hệ thủy sinh vật tương đối đa dạng hơn nhiều với 173 loài cá, 14 loài tôm, 198 loài thực vật nổi, 129 loài động vật nổi, 43 loài động vật đáy; trong đó đáng lưu ý nhất là loài cá đặc sản thát lát đã bắt đầu hình thành thương hiệu địa phương.

Tuy nhiên, do quá trình khai thác nông nghiệp, đô thị hóa và dân số tăng nhanh, sinh vật tự nhiên hiện tại không nhiều.

1.2. Khái quát về phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm 2023

a. Lĩnh vực kinh tế

*** Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:**

- Trồng trọt:

Lúa: Đã thu hoạch dứt điểm vụ lúa Hè Thu 2023, với diện tích 17.097/17.000 ha, đạt 100,57% kế hoạch, năng suất 6,4 tấn/ha, sản lượng 109.421 tấn, vượt kế hoạch được giao cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Trong vụ Hè thu 2023, huyện liên kết thu mua trên 2.635 ha/2.706 hộ với các HTX tham gia sản xuất và liên kết thu mua là HTX NN và DV Kiến Thành, HTX Kiến Trung, HTX Tân Long, HTX NN Vị Thủy 1, HTX NN và DV Vị Thắng, HTX Thuận Tiến, HTX Thạnh Phát và Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Trung An, Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam. Vụ lúa Thu Đông năm 2023 đã xuống giống được 9.738/9.040 ha, đạt 107,72% kế hoạch, lúa đang phát triển tốt.

+ Diện tích rau màu đã xuống giống 2.790,9/3.050ha rau màu các loại, đạt

91,50% kế hoạch, trong đó: diện tích thu hoạch là 2.305,8ha và 485,1ha đang sinh trưởng phát triển tốt.

+ Diện tích vườn cây ăn trái 2.417/2.270ha, đạt 106,5% kế hoạch, trong đó, diện tích cho thu hoạch là 1.837ha, diện tích chưa cho sản phẩm là 580,29ha hiện đang sinh trưởng và phát triển tốt.

- Chăn nuôi: tổng đàn gia súc 19.824/13.959 con, đạt 142,01% kế hoạch, tăng 89 con so với tháng trước; tổng đàn gia cầm 637.430/652.000 con, đạt 97,76% kế hoạch, tăng 46.907 con so với tháng trước. Ngoài ra hiện nay, trên địa bàn huyện có 11 hộ/13 nhà nuôi yến, công tác quản lý việc nuôi yến được thực hiện đúng theo quy định.

- Thủy sản: Diện tích nuôi thủy sản trong tháng được 705,19ha, lũy kế 8 tháng tổng diện tích nuôi thủy sản là 1.871,21/1.360ha, đạt 137,57% kế hoạch giao, tăng 21,55% so với cùng kỳ năm 2022.

- Kinh tế tập thể, hợp tác xã: Toàn huyện có 30 hợp tác xã (27 HTX nông nghiệp, 03 HTX phi nông nghiệp); 54 tổ hợp tác; 01 Làng nghề truyền thống trồng trầu tại ấp 5, xã Vị Thủy; 01 Làng nghề đan lát tại ấp 10, xã Vị Thắng. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất chọn 02 Hợp tác xã (Hợp tác xã Kim Ngoan, Hợp tác xã Nông nghiệp và dịch vụ Kiến Thành) tham gia Đề án phát triển nông nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 theo Công văn số 1849/UBND-NCTH ngày 29 tháng 9 năm 2021 và Công văn số 285/UBND-NCTH ngày 01 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang, với tổng mức đầu tư là 25 tỷ đồng. Trong tháng phối hợp với Liên minh Hợp tác xã tỉnh mở lớp tập huấn nâng cao năng lực nhận thức về kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn huyện, có 40 học viên tham dự; tổ chức kiểm tra tình hình hoạt động các HTX trên địa bàn huyện.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): Toàn huyện có 18 sản phẩm đạt chuẩn OCOP, trong đó: có 4 sản phẩm đạt 4 sao (chiếm 22,22%); 14 sản phẩm đạt 3 sao (chiếm 77,78%), với 11 chủ thể tham gia (trong đó: 9,09% doanh nghiệp; 63,64% Hợp tác xã; 27,27% hộ kinh doanh cá thể). Tiếp tục chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp các ngành chức năng, hướng dẫn các chủ thể trên địa bàn huyện xây dựng sản phẩm của mình đạt chuẩn OCOP.

- Công tác xây dựng xã nông thôn mới: Tính đến nay toàn huyện có 6/9 xã đạt xã nông thôn mới, đạt 66,7% tổng số xã, gồm: Vị Thanh, Vị Thủy, Vị Thắng, Vị Trung, Vĩnh Thuận Tây và Vị Bình, các xã còn lại đạt từ 13 – 16 tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới. Tập trung thực hiện các tiêu chí còn lại phân đầu đến cuối năm 2023 xã Vị Thanh đạt 19/19 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; tuyên truyền vận động người dân nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi gia đình, mỗi cá nhân trong xây dựng nông thôn mới, chung tay cùng Chính quyền địa phương dọn dẹp vệ sinh cảnh quan xung quanh nơi ở, trồng hoa kiểng, làm cột cờ, hàng rào, xây dựng hố xử lý rác thải gia đình,... tạo cảnh

quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp; đơn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng các nhà văn hóa ấp, Trung tâm văn hóa xã Vị Đông.

- Công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn: Thường xuyên chỉ đạo các ngành chuyên môn và địa phương theo dõi tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống lũ và ứng phó thiên tai. Đợt bão, mưa lớn có kèm theo dông, lốc, gió giật mạnh đã làm 01 phòng học và 13 căn nhà bị tốc mái, siêu vẹo, sập hoàn toàn, 2 nhà kho và đường điện trung thế, diện tích lúa bị đổ ngã khoảng 1.673,23ha, diện tích rau màu thiệt hại 3,69ha. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai-Tìm kiếm cứu nạn huyện phối hợp với địa phương xuống hiện trường xác minh, giúp bà con dọn dẹp, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra. Ước tổng thiệt hại khoảng 783.000.000 đồng.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm: Tiếp tục chỉ đạo ngành chuyên môn thường xuyên tuyên truyền, đơn đốc, kiểm tra, giám sát công tác tiêm phòng trên đàn gia cầm, gia súc, vệ sinh thú y, kiểm soát giết mổ, kiểm soát vận chuyển gia súc, gia cầm ra vào địa bàn huyện; đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm không để xảy ra dịch bệnh.

Công tác xây dựng mã số vùng trồng: Trong tháng, xây dựng 01 mã số vùng trồng bưởi (60ha) xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Tường. Nâng tổng số trên địa bàn huyện hiện có 04 mã số vùng trồng đã được cấp gồm: 01 mã số vùng trồng Dưa hấu tại HTX sản xuất Dưa hấu VietGAP xã Vĩnh Thuận Tây với diện tích 11,4ha/13 hộ, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tại thị trường Trung Quốc; 01 mã số vùng trồng Lúa tại HTX Tân Long, xã Vĩnh Tường với diện tích 57,12ha/28 hộ, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tại thị trường EU; 01 mã số vùng trồng Xoài cát Hồng tại HTX Xoài cát Hồng xã Vĩnh Trung, diện tích 10,02ha/9hộ, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu tại thị trường Trung Quốc; 01 mã số vùng trồng bưởi với diện tích 60ha, tại ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Tường, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ.

*** Hoạt động sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại - dịch vụ; quản lý điện nông thôn**

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tháng thực hiện được 31,34 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng thực hiện được 245/355 tỷ đồng (*giá so sánh*), đạt 69,01% kế hoạch, tăng 2,06% so với cùng kỳ 2022. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trong tháng đạt 387 tỷ đồng, lũy kế 8 tháng đạt 3.027/3.800 tỷ đồng, đạt 79,65% kế hoạch, tăng 39,87% so với cùng kỳ 2022. Trong tháng, phối hợp tổ chức Hội chợ Nông nghiệp và Thương mại huyện Vị Thủy năm 2023, quy mô 150 gian hàng.

Thường xuyên chỉ đạo ngành chuyên môn phối hợp cùng ngành điện tuyên truyền an toàn điện, bảo vệ hành lang an toàn lưới điện cao áp, tiết kiệm điện, vi phạm sử dụng điện và dịch vụ khách hàng. Đồng thời, phát quang hành lang an toàn lưới điện cao áp, kiểm tra hệ thống đo đếm và thay mới theo định kỳ. Đến nay, có 24.382/24.398 hộ có điện sử dụng, đạt 99,93% trên tổng số hộ

dân, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện an toàn 99,26%, tỷ lệ hộ dân sử dụng điện nông thôn 99,22%.

*** Về giao thông, thủy lợi:**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến dịch Giao thông nông thôn - Thủy lợi và Bảo vệ môi trường nông thôn năm 2023, kết quả đến nay như sau: *Phần đường giao thông: Làm mới 21.150/7000m², đạt 302,14% kế hoạch tỉnh giao; Nâng cấp, mở rộng 27.195/25.000m², đạt 108,78% kế hoạch; Duy tu sửa chữa 154.872/6.000m², đạt 2.581% kế hoạch. Phần cầu giao thông: làm mới 1.556/300m², đạt 518,8% kế hoạch; Nâng cấp, mở rộng: 1.017,5/100m², đạt 1.017,5% kế hoạch; Duy tu, sửa chữa 1.016/200m², đạt 508% kế hoạch. Phần môi trường nông thôn: thực hiện được 7.016/6.000m² về sinh thái, đạt 118,4% kế hoạch; khai thông dòng chảy 63.518/60.000m², đạt 105,9% kế hoạch; bảo vệ môi trường nông thôn 44.400/30.000m², đạt 148% kế hoạch. Phần Thủy lợi: khép kín mới 615/100ha, đạt 615% kế hoạch; nâng chất mới 380/200ha, đạt 190% kế hoạch. Phần trồng cây: Trồng được 4.900/1.000 cây xanh, đạt 490% kế hoạch. Tổng giá trị thực hiện: 32,77 tỷ đồng, trong đó, Nhà nước: 21,98 tỷ đồng, xã hội hóa: 10,79 tỷ đồng.*

Công tác quy hoạch, xây dựng cơ bản: thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ngành chuyên môn và địa phương thực hiện nghiêm túc công tác quản lý Nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện. trong tháng đã thông qua các quy hoạch: Quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp xã Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (thông qua lần 2); Quy hoạch Khu dân cư nông thôn mới – Chợ Hội Đồng (thông qua lần 3). Trong tháng đã cấp 03 giấy phép xây dựng về nhà ở với tổng diện tích đất 356,4m², tổng diện tích sàn 356,4m². Lũy kế đến nay đã cấp 31 giấy với tổng diện tích đất 3.963,3m², tổng diện tích sàn 4.794,4m².

Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng trên địa bàn huyện. Tiếp tục phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025; Nâng cấp, mở rộng Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang; Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)...

Kế hoạch vốn đầu tư công của huyện đến nay là 96,468 tỷ đồng (bao gồm: Kế hoạch vốn năm 2022 kéo dài sang năm 2023 là 2,226 tỷ đồng; Kế hoạch vốn năm 2023 là 94,242 tỷ đồng). Tổng khối lượng thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 74,804/96,468 tỷ đồng, đạt 77,54% kế hoạch; giá trị giải ngân 74,804/96,468 tỷ đồng, đạt 77,54% kế hoạch (trong đó, nguồn vốn kéo dài 2,184/2,226 tỷ đồng, đạt 98,11%, nguồn vốn phân bổ năm 2023 là 72,620/94,242 tỷ đồng, đạt 77,05%).

Công tác chỉnh trang đô thị: Chỉ đạo các địa phương thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân tổng vệ sinh cảnh quan môi trường khu vực nhà ở,

cắt tỉa hàng rào cây xanh,... tạo môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, phục vụ các sự kiện trên địa bàn huyện. Thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường làm nơi kinh doanh, buôn bán, nhất là tập trung tại các khu vực chợ, Quốc lộ 61, Quốc lộ 61C và khu vực nội ô thị trấn Nàng Mau.

b. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

*** Hoạt động Văn hoá - Thông tin - Thể thao**

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, huyện; các ngày lễ, kỷ niệm trong tháng: 78 năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2023) và Quốc khánh Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945-2/9/2023), 78 năm Ngày truyền thống Công an Nhân dân Việt Nam (19/8/1945-19/8/2023 và 18 năm Ngày Hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (19/8/2005-19/8/2023). Tham dự Hội thi Đón ca Tài tử Nam bộ tỉnh Hậu Giang năm 2023.

*** Y tế - Dân số - KHHGD**

Công tác khám, chữa bệnh cho người dân được đảm bảo. Trong tháng, đã tiếp nhận và điều trị 20.093 lượt người, điều trị nội trú là 725 lượt người; lũy kế đến nay đã tiếp nhận và điều trị 130.623 lượt người, điều trị nội trú là 5.936 lượt người. Chỉ đạo ngành chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện. Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh, giám sát dịch bệnh COVID-19. Thường xuyên tuyên truyền các biện pháp phòng, chống bệnh Sốt xuất huyết và Tay-chân-miệng. Trong tháng, không có ca Sốt xuất huyết, 16 ca Tay-chân-miệng; lũy kế đến nay có 38 ca Sốt xuất huyết (*tăng 30 ca so với cùng kỳ*), 35 ca Tay-chân-miệng (*tăng 7 ca so với cùng kỳ*).

Trong tháng không có tiêm mới trong công tác tiêm ngừa Covid-19. Đến nay, tiêm ngừa Covid-19 cho người từ đủ 18 tuổi trở lên tổng số: 58.767 (Mũi 1: 63.368/58.767 đạt 107,83%; Mũi 2: 63.585/58.767 đạt 108,20%; Mũi 3: 50.692/58.767 đạt 86,26%, Mũi 4: 23.943/26.726 đạt tỷ lệ 89,59%). Tiêm ngừa Covid-19 cho trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi, tổng số: 8.242 (Mũi 1: 8.466/8.242 đạt 102,72%; Mũi 2: 8.581/8.242 đạt 104,11%; Mũi 3: 7.602/8.242 đạt 92,23%). Tiêm ngừa Covid-19 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi, tổng số: 11.063 (Mũi 1: 11.112/11.063 đạt 100,4%; Mũi 2: 10.902/11.063 đạt 98,5%).

Trong tháng, đã tổ chức 06 cuộc tuyên truyền vận động người dân về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế, đặc biệt là tập trung tuyên truyền việc tăng mức đóng BHYT từ ngày 01/7/2023, có 644 người dân tham dự. Ngoài ra còn tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thủ tục, quy trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN tới người lao động và các đơn vị sử dụng lao động nhằm giúp người dân hiểu đúng, hiểu rõ về tính nhân văn của các chính sách bảo hiểm, đến nay, tổng số người dân tham gia BHYT trên toàn huyện là 79.871/89.884 người, đạt 88,86% dân số (*tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2022*).

Trong tháng, huyện đã tổ chức sơ kết Chiến dịch truyền thông vận động sinh đủ 02 con lồng ghép với cung cấp dịch vụ CSSKSS-KHHGD và nâng cao chất lượng dân số huyện Vị Thủy năm 2023. Tiếp tục tuyên truyền, vận động đối tượng đăng ký sử dụng các biện pháp tránh thai, đến nay toàn huyện có 6.028/6.267 trường hợp thực hiện các biện pháp tránh thai, đạt 96,19% chỉ tiêu được giao.

*** Giáo dục và Đào tạo**

Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo và các ngành có liên quan phối hợp tổ chức tổng kết năm học 2022-2023; triển khai phương hướng, nhiệm vụ năm học 2023-2024. Kiểm tra công tác tựu trường, khai giảng năm học 2023-2024. Tổ chức các lớp tập huấn: hồ sơ chuyên môn, Steam, xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, môn Âm nhạc đối với cấp tiểu học; công tác chuyên môn đối với bậc học mầm non.

c. Lĩnh vực Quốc phòng – An ninh

- *Về quốc phòng*: Các đơn vị, địa phương duy trì nghiêm các kíp trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra canh gác, bảo vệ an toàn các mục tiêu quan trọng theo kế hoạch. Chỉ đạo luyện và diễn tập KVPT chính thức đối với xã Vị Thắng, Vị Thủy, Vĩnh Thuận Tây. Tổ chức huấn luyện cán bộ khung B, dự bị động viên theo kế hoạch. Tổ chức Đoàn kiểm tra, nắm nguồn thanh niên sẵn sàng nhập ngũ năm 2024 đối với các xã, thị trấn.

- *Về an ninh*: Tình hình an ninh trên các lĩnh vực, địa bàn tiếp tục được giữ vững ổn định chưa phát hiện vụ việc phức tạp, nghi vấn liên quan đến an ninh quốc gia; trong đó, các hoạt động tôn giáo diễn ra đúng nội dung, chương trình xin phép và tuân thủ các quy định của pháp luật; không xảy ra đình công, lãn công, tập trung đông người gây phức tạp về an ninh, trật tự. Công tác bảo vệ bí mật nhà nước được thực hiện cơ bản đảm bảo. Chỉ đạo các địa phương Tổ chức Ngày hội toàn dân bảo vệ ANTQ năm 2023 đúng qui định.

- *Trật tự an toàn xã hội*: Trong tháng xảy ra 03 vụ tội phạm trật tự xã hội, điều tra làm rõ 03 vụ, bắt xử lý 03 đối tượng; trong 8 tháng đã xảy ra 17 vụ, điều tra làm rõ 17 vụ, bắt xử lý 27 đối tượng. Tội phạm về ma túy không xảy ra; lũy kế đến nay triệt phá 05 vụ, bắt 05 đối tượng có hành vi mua bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- *Lĩnh vực an toàn giao thông*: Trong tháng xảy ra 02 vụ, làm chết 02 người, bị thương 01 người; lũy kế 8 tháng đã xảy ra 09 vụ, làm chết 07 người, bị thương 03 người (so với cùng kỳ 2022: số vụ tăng 05, tăng 04 người chết, số người bị thương tương đương).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Ủy ban nhân dân huyện Vị Thủy đã lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt tại Quyết định số

2245/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022. Sau đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2023; Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 15/8/2023; Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 2/10/2023 về việc cho phép thực hiện và cập nhật công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để UBND huyện Vị Thủy tiến hành công tác giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

2.1.1. Đánh giá tình hình thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vị Thủy đăng ký thực hiện 62 công trình, dự án. Trong đó, Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 phê duyệt có 59 công trình, dự án (*bao gồm: 23 công trình, dự án thu hồi đất; 3 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất; 33 công trình, dự án giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*); Quyết định 1279/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 bổ sung 1 công trình, dự án với diện tích 0,39 ha (Cửa hàng xăng dầu Đại Danh tại xã Vĩnh Thuận Tây) và Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2023 bổ sung 1 công trình, dự án với diện tích 0,18 ha (Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy); Quyết định 1679/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 bổ sung 1 công trình dự án với diện tích 0,06 ha (Dự án thành phần đoạn Cần Thơ – Hậu Giang thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (đi dời Đường dây 110kV 172 Vị Thanh -131 ĐMT Hậu Giang – 171 Long Mỹ). Kết quả thực hiện như sau:

a. Công trình, dự án đã và đang thực hiện

Có 25/62 công trình đã và đang triển khai thực hiện (trong đó có 7 công trình thực hiện xong, 18 công trình thực hiện được 1 phần chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thực hiện) (chiếm 40,32% kế hoạch) trong đó có 19/23 công trình thu hồi đất, 03/05 công trình chuyển mục đích sử dụng đất, 03/33 công trình giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bảng 3: Danh mục công trình đã thực hiện xong trong năm 2023

ĐVT: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
I	Công trình thu hồi đất		
1	Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	29,52
2	Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Xã Vị Thắng	6,10
3	Kè kênh Xăng Nàng Mau (Giai đoạn 2)	TT. Nàng Mau	3,60
II	Công trình chuyển mục đích sử dụng đất		
4	Cửa hàng xăng dầu Thành Văn	Xã Vĩnh Trung	0,07
II	Hạng mục giao đất, cho thuê đất, khai thác quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất		

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
5	Mở rộng mặt bằng trường bắn, Trường bắn e114/Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Thắng	2,00
6	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vị Thắng, huyện Vị Thủy (Nâng công suất từ 50m ³ /h lên 100m ³ /h)	Xã Vị Thắng	0,08
7	Đầu tư khai thác bến xe Hậu Giang và Khu đô thị mới	xã Vị Trung	9,90

Bảng 4: Danh mục công trình dự án đang thực hiện trong năm kế hoạch 2023

ĐVT: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Ghi chú
I	Công trình, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
1	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	TT. Nàng Mau	3,60		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
2	Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy	Xã Vị Trung	42,82		Đang đề nghị thông qua hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh lại diện tích thu hồi
3	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang	TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng	6,01	4,08	Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
4	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường	36,50		Cắm mốc ranh giới thu hồi đất
5	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây	9,00		Thu hồi được 4,63 ha
6	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (trên địa bàn huyện Vị Thủy)	xã Vị Thủy	1,64	1,54	Đang thực hiện, còn vướng 1 hộ chưa ban hành quyết định thu hồi đất
7	Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	2,20		Cắm mốc ranh giới thu hồi đất
8	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	5,32		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Ghi chú
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Xã Vị Bình	0,69		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
10	Trung tâm văn hóa xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0,29		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
11	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Xã Vị Bình	0,16		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
12	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Xã Vị Đông	0,10		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
13	Nhà văn hóa ấp 5	Xã Vị Đông	0,04		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
14	Nhà văn hóa ấp 8	Xã Vị Đông	0,05		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
15	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã	Xã Vị Đông	0,30		Đã thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
16	Trường phổ thông liên cấp (Tiểu học - Trung học cơ sở - Phổ thông trung học)	Xã Vị Trung	5,40		Đang ra thông báo thu hồi đất
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất				
17	Trung tâm sát hạch lái xe	Xã Vị Trung	5,42	2,92	Đang thực hiện (đã chuyển mục đích sử dụng đất 2,92ha)
18	Cửa hàng xăng dầu Đại Danh	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,39		Đang làm thủ tục chuyển mục đích

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trong năm 2023, gồm:

- + Đất ở nông thôn tại các xã đã thực hiện 0,87/8,50 ha đạt 10,24% kế hoạch.
- + Đất ở tại đô thị đã thực hiện 0,29/0,80 ha đạt 36,25% kế hoạch.

b. Công trình, dự án chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Có 34/62 công trình, dự án chưa triển khai thực hiện (chiếm 54,84% kế hoạch) trong đó có 02 công trình thu hồi đất, 02 công trình chuyển mục đích sử dụng đất, 30 công trình giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bảng 5: Danh mục công trình dự án chưa thực hiện trong năm kế hoạch 2023

DVT: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích KH	Diện tích HT	Ghi chú
I	Công trình, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
1	Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên	xã Vị Trung	37,11		Chưa kêu gọi được nhà đầu tư
2	Dự án thành phần đoạn Cần Thơ- Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (đi dờ Đường dây 110kV 172 Vị Thanh - 131 ĐMT Hậu Giang - 171 Long Mỹ)	Xã Vị Thắng	0,06		Chưa triển khai thực hiện dự án
II	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất				
3	Dự án liên kết phát triển nấm ăn ứng dụng công nghệ cao	Xã Vị Trung	1,40		Chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất
4	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	0,18		Chưa thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất
III	Hạng mục giao đất, cho thuê đất, khai thác quỹ đất, đấu giá quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				
5	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	xã Vĩnh Thuận Tây	0,80		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
6	Trường THCS Vị Bình	xã Vị Bình	1,00		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
7	Trường tiểu học Vị Thủy 1	xã Vị Thủy	0,30		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
8	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường	TT. Nàng Mau	0,08		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
9	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 2	Xã Vị Bình	0,09		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
10	Nhà văn hóa ấp 1	Xã Vị Đông	0,03		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
11	Nhà văn hóa ấp 2	Xã Vị Đông	0,19		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
12	Nhà văn hóa ấp 3	Xã Vị Đông	0,03		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích KH	Diện tích HT	Ghi chú
13	Nhà văn hóa ấp 3A	Xã Vị Đông	0,14		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
14	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Xã Vị Đông	0,19		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
15	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,20		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
16	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
17	Nhà Văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
18	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
19	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
20	Nhà Văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
21	Nhà Văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
22	Công an xã Vị Đông	xã Vị Đông	0,19		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
23	Trường tiểu học Vị Đông 1	xã Vị Đông	1,02		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
24	Trường tiểu học Vị Đông 3	Xã Vị Đông	0,10		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
25	Trường tiểu học Vị Đông 4	Xã Vị Đông	0,20		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
26	Trường THCS Vị Đông	Xã Vị Đông	0,10		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
27	Trường mầm non Vàng Anh	Xã Vị Thanh	0,10		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
28	Công an xã Vị Bình	xã Vị Bình	0,07		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
29	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy	Xã Vị Thanh	0,09		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
30	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy và xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A	Xã Vị Thanh	0,10		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
31	Nhà máy nước Nàng Mau	TT. Nàng Mau	0,16		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
33	Công an xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	0,13		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
33	Công an xã Vị Trung	Xã Vị Trung	0,85		Chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
IV	Hạng mục khai thác quỹ đất				
34	Khai thác Quỹ đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp	TT. Nàng Mau	0,03		Chưa thực hiện

c. Công trình không triển khai, đề nghị hủy bỏ không đưa vào KHSDD năm 2024

Có 3/62 công trình, dự án hủy bỏ không đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (chiếm tỉ lệ 4,84% kế hoạch), bao gồm:

Bảng 6: Danh mục công trình, dự án không triển khai, đề nghị hủy bỏ không chuyển tiếp sang KHSDD năm 2024

DVT: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích KH	Diện tích HT	Ghi chú
I	Công trình, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất				
1	Nhà văn hóa ấp 9A1	Xã Vị Bình	0,04		Thực hiện trên đất công, thay đổi vị trí thực hiện
2	Nhà văn hóa ấp 9A2	Xã Vị Bình	0,07		Thực hiện trên đất công, thay đổi vị trí thực hiện
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 6	Xã Vị Đông	0,09		Không thực hiện trong năm 2024

2.1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023

Bảng 7: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện 2023		
			Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6-5)	(8)=(6/5)*100
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		22.931,61	22.931,61	22.931,61		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.154,40	20.153,95	20.316,26	162,31	100,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	17.136,80	17.136,35	17.256,93	120,58	100,70
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>17.136,80</i>	<i>17.136,35</i>	<i>17.256,93</i>	<i>120,58</i>	<i>100,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	139,08	139,08	140,92	1,84	101,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.702,11	2.702,11	2.754,60	52,49	101,94
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	63,60	63,60	63,60		100,00
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	73,62	73,62	73,59	-0,03	99,96
1.6	Đất nông nghiệp khác	NKH	39,19	39,19	26,62	-12,57	67,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.777,21	2.777,60	2.615,35	-162,25	94,16
2.1	Đất quốc phòng	CQP	13,24	13,24	13,13	-0,11	99,17
2.2	Đất an ninh	CAN	12,36	12,36	12,07	-0,29	97,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,97	21,36	6,06	-15,30	28,37
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,82	3,82	3,60	-0,22	94,24
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động	SKS					

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện 2023		
			Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
	khoáng sản						
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.931,84	1.931,72	1.854,35	-77,37	95,99
-	Đất giao thông	DGT	563,18	563,18	506,45	-56,73	89,93
-	Đất thủy lợi	DTL	1.237,75	1.237,75	1.236,97	-0,78	99,94
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,21	2,21	0,36	-1,85	16,29
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,91	5,91	3,24	-2,67	54,82
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	66,22	66,22	56,70	-9,52	85,62
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,25	12,07	12,25		100,00
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,39	0,45	0,39	-0,06	86,67
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,39	0,39		100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,14	0,14	0,14		100,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,57	3,57	3,57		100,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,93	8,93	8,93		100,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,75	22,75	22,75		100,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	5,94	5,94		-5,94	
-	Đất chợ	DCH	2,21	2,21	2,21		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,91	4,91	4,13	-0,78	84,11
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	14,34	14,34	8,07	-6,27	56,28
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	503,14	503,14	447,62	-55,52	88,97
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	54,04	54,04	47,77	-6,27	88,40
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,46	9,64	9,46		100,00
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26	0,26		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,35	1,35	1,35		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	207,48	207,48	207,48		100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					

Nguồn: (1) Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

(2) Quyết định số 1279/QĐ-UBND ngày 27 tháng 07 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

(3) Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 15 tháng 08 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

*** Đất nông nghiệp:** Kế hoạch được duyệt là 20.154,4ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung giảm còn 20.153,95ha. Kết quả thực hiện 20.316,26ha, cao hơn 162,31ha (cao hơn 0,81%) so với diện tích kế hoạch. Cụ thể như sau:

- **Đất trồng lúa:** Kế hoạch được duyệt là 17.136,8ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung giảm còn 17.136,35ha. Kết quả thực hiện 17.256,93ha, cao hơn 120,58ha (cao hơn 0,7%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân là trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký 31 công trình có thực hiện lấy đất lúa chuyển sang các loại đất khác, kết quả thực hiện được 23/31 công trình, vì vậy diện tích đất trồng lúa cao hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Các công trình sử dụng đất lúa chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (*Cải tạo nâng cấp , kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng mau, tỉnh Hậu Giang; Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây); Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy; Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang...*).

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Kế hoạch được duyệt là 139,08ha. Kết quả thực hiện 140,92ha, cao hơn 1,84ha (cao hơn 1,32%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký 6 công trình thực hiện lấy đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang các loại đất khác, kết quả thực hiện được 2 công trình, vì vậy diện tích đất trồng cây hàng năm khác cao hơn chỉ tiêu kế hoạch được duyệt. Các công trình lấy đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (*Cải tạo nâng cấp , kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng mau, tỉnh Hậu Giang; Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến xã Vĩnh Thuận Tây); Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 6*).

- **Đất trồng cây lâu năm:** Kế hoạch được duyệt là 2.702,11ha. Kết quả thực hiện 2.754,6ha, cao hơn 52,49ha (cao hơn 1,94%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký 36 công trình thực hiện lấy đất trồng cây lâu năm chuyển sang các loại đất khác, kết quả thực hiện được 4 công trình, vì vậy diện tích đất trồng cây lâu năm cao hơn chỉ tiêu được duyệt. Các công trình lấy đất cây lâu năm chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 (*Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang; Cải tạo nâng cấp , kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng mau, tỉnh Hậu Giang; Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến xã Vĩnh Thuận Tây); Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Dự án liên kết phát triển nấm ăn ứng dụng công nghệ cao...*).

- **Đất rừng sản xuất:** Kế hoạch được duyệt là 63,6ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Kế hoạch được duyệt là 73,62ha. Kết quả thực hiện 73,59ha, thấp hơn 0,03ha (đạt 99,96%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký 1 thực hiện có lấy đất nuôi trồng thủy sản, kết quả chưa thực hiện.

- **Đất nông nghiệp khác:** Kế hoạch được duyệt là 39,19ha. Kết quả thực

hiện 26,62ha, thấp hơn 12,57ha (đạt 67,93%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký 1 công trình đất nông nghiệp khác và nhu cầu chuyển mục đích của gia đình cá nhân trên địa bàn các xã, kết quả chưa thực hiện (*Dự án liên kết phát triển năm ăn ứng dụng công nghệ cao và chuyển mục đích sử dụng đất từ các loại đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân sang đất nông khác chưa thực hiện trong năm 2023*).

* **Đất phi nông nghiệp:** Kế hoạch được duyệt là 2.777,21ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 2.777,66ha. Kết quả thực hiện 2.615,35ha, thấp hơn 162,31ha (đạt 94,16%) so với diện tích kế hoạch. Cụ thể các loại đất như sau:

- **Đất quốc phòng:** Kế hoạch được duyệt là 13,24ha. Kết quả thực hiện 13,13ha, thấp hơn 0,11ha (đạt 99,17%) so với diện tích kế hoạch. Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ cho công trình Mở rộng mặt bằng trường bán, Trường bán e114/Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang, kết quả đã thực hiện.

- **Đất an ninh:** Kế hoạch được duyệt là 12,36ha. Kết quả thực hiện 12,07ha, thấp hơn 0,29ha (đạt 97,65%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong năm 2023 đăng ký thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ cho 4 công trình công an: Vị Đông, Vị Bình, Vị Thanh, Vị Trung nhưng chưa thực hiện.

- **Đất thương mại dịch vụ:** Kế hoạch được duyệt là 20,97ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 21,36ha. Kết quả thực hiện 6,06ha, thấp hơn 15,3ha (đạt 28,37%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong năm 2023 đăng ký thực hiện 4 công trình đất thương mại dịch vụ và nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ của người dân trên địa bàn các xã, thị trấn. Kết quả thực hiện được 1 công trình (*Cửa hàng xăng dầu Thanh Văn*), 3 công trình chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (*Đất thương mại, dịch vụ trong Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Đất thương mại, dịch vụ trong Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy; Cửa hàng xăng dầu Đại Danh*).

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Kế hoạch được duyệt là 3,82ha. Kết quả thực hiện 3,6ha, thấp hơn 0,22ha (đạt 94,24%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong năm 2023 đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp nhưng chưa thực hiện (*Chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp theo đơn đăng ký của hộ gia đình, cá nhân tại các xã Vị Thắng, Vĩnh Trường*).

- **Đất phát triển hạ tầng:** Kế hoạch được duyệt là 1.931,84ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung giảm còn 1.931,72ha. Kết quả thực hiện 1.854,35ha, thấp hơn 77,37ha (đạt 95,99%) so với diện tích kế hoạch. Trong đó:

+ **Đất giao thông:** Kế hoạch được duyệt là 563,18ha. Kết quả thực hiện 506,45ha, thấp hơn 56,73ha (đạt 89,93%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 7 công trình đất giao thông, kết quả thực hiện xong 2 công trình (*Dự án thành phần đoạn Cần*

Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025); 5 công trình đang và chưa thực hiện chuyển sang Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng mau, tỉnh Hậu Giang; Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây); Đường giao thông trong dự án Nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (trên địa bàn huyện Vị Thủy); Trung tâm sát hạch lái xe; Đất giao thông trong Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, đất giao thông trong Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy).

+ **Đất thủy lợi:** Kế hoạch được duyệt là 1.237,75ha. Kết quả thực hiện 1.236,97ha, thấp hơn 0,78ha (đạt 99,94%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 2 công trình, kết quả thực hiện xong 1 công trình (Kè kênh Xáng Nàng Mau (giai đoạn 2)), công trình còn lại chuyển tiếp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang).

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Kế hoạch được duyệt là 2,21ha. Kết quả thực hiện 0,36ha, thấp hơn 1,85ha (đạt 16,29%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 22 công trình đất xây dựng cơ sở văn hóa. Kết quả thực hiện thu hồi đất được 6 công trình nhưng chưa thực hiện giao đất, cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Trung tâm văn hóa xã Vị Bình; Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 9B; Nhà văn hóa – khu thể thao ấp 4; Nhà văn hóa ấp 5; Nhà văn hóa ấp 8; Xây dựng trung tâm văn hóa xã Vị Đông).

+ **Đất cơ xây dựng sở y tế:** Kế hoạch được duyệt là 5,91ha. Kết quả thực hiện 3,24ha, thấp hơn 2,67ha (đạt 54,82%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 1 công trình đất y tế (Đất y tế trong Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy) nhưng chưa thực hiện.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Kế hoạch được duyệt là 66,22ha. Kết quả thực hiện 56,7ha, thấp hơn 9,52ha (đạt 85,62%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 10 công trình đất giáo dục (2 công trình thu hồi đất và 8 công trình giao đất, cấp giấy CNQSDĐ). Kết quả thực hiện xong công tác thu hồi đất 1 công trình (Nâng cấp, sửa chữa trường tiểu học Vị Bình 1), chưa thực hiện giao đất và cấp giấy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 1 công trình đang thực hiện thu hồi đất (trường phổ thông liên cấp (tiểu học – trung học cơ sở - phổ thông cơ sở); Đất giáo dục trong Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy).

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Kế hoạch được duyệt là 12,25ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung giảm còn 12,07ha. Kết quả thực hiện

12,25ha, cao hơn 0,18ha (cao hơn 1,49%) so với diện tích kế hoạch bổ sung. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 1 công trình lấy đất cơ sở thể dục thể thao nhưng chưa thực hiện (*Trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy*).

+ **Đất công trình năng lượng:** Kế hoạch được duyệt là 0,39ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 0,45ha. Kết quả thực hiện 0,39ha, thấp hơn 0,06ha (đạt 86,67%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký bổ sung thực hiện công trình Dự án thành phần đoạn Cần Thơ- Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (đi dôi Đường dây 110kV 172 Vị Thanh - 131 ĐMT Hậu Giang - 171 Long Mỹ) nhưng chưa thực hiện.

+ **Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Kế hoạch được duyệt là 0,39ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

+ **Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Kế hoạch được duyệt là 0,14ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Kế hoạch được duyệt là 3,57ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** Kế hoạch được duyệt là 8,93ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Kế hoạch được duyệt là 22,75ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

+ **Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:** Kế hoạch được duyệt là 5,94ha. Kết quả vẫn chưa thực hiện. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 1 công trình đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội. Kết quả thực hiện công tác thu hồi đất xong nhưng chưa thực thi giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang*).

+ **Đất chợ:** Kế hoạch được duyệt là 2,21ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Kế hoạch được duyệt là 4,91ha. Kết quả thực hiện 4,13ha, thấp hơn 0,78ha (đạt 84,11%) so với diện tích kế hoạch.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Kế hoạch được duyệt là 14,34ha. Kết quả thực hiện 8,07ha, thấp hơn 6,27ha (đạt 56,28%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân là trong năm 2023 đăng ký thực hiện đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong các dự án khu đô thị mới trên địa bàn huyện nhưng chưa thực hiện (*Khu vui chơi giải trí công cộng trong Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên; Khu vui chơi giải trí trong Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy*).

- **Đất ở tại nông thôn:** Kế hoạch được duyệt là 503,14ha. Kết quả thực hiện 447,62ha, thấp hơn 55,52ha (đạt 88,97%) so với diện tích kế hoạch.

Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 2 công trình đất ở nông thôn (*Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên; Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy*) và đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân với diện tích 8,5 ha. Kết quả chỉ thực hiện được 0,87/8,5 ha chuyển mục đích.

- **Đất ở tại đô thị:** Kế hoạch được duyệt là 54,04ha. Kết quả thực hiện 47,77ha, thấp hơn 6,27ha (đạt 88,4%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký thực hiện 2 công trình và đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn là 0,8 ha. Kết quả thực hiện xong công tác thu hồi đất nhưng chưa thực hiện giao đất, cấp giấy CNQSDĐ (*Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy; Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025*) và chuyển mục đích của hộ gia đình cá nhân 0,29/0,8ha.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Kế hoạch được duyệt là 9,46ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 9,64ha. Kết quả thực hiện 9,46ha, thấp hơn 0,18ha (đạt 98,13%) so với diện tích kế hoạch. Nguyên nhân trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đăng ký bổ sung 1 công trình đất xây dựng trụ sở cơ quan nhưng chưa thực hiện (Trụ sở bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy).

- **Đất xây dựng của tổ chức sự nghiệp:** Kế hoạch được duyệt là 0,26ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

- **Đất tín ngưỡng:** Kế hoạch được duyệt là 1,35ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Kế hoạch được duyệt là 207,48ha. Kết quả thực hiện bằng với diện tích kế hoạch (đạt 100,0%).

* **Đất chưa sử dụng:** Năm 2023, trên địa bàn huyện Vị Thủy không có diện tích đất chưa sử dụng.

2.1.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Bảng 8: Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2023

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	170,51	170,96	33,09	-137,87	19,36
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	102,06	102,51	8,14	-94,37	7,94
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	102,06	102,51	8,14	-94,37	7,94
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,02	2,02	1,05	-0,97	51,98

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích được duyệt (ha)	Diện tích bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	66,43	66,43	23,9	-42,53	35,98
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		15,90	15,90		-15,90	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	5,11	5,11		-5,11	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	10,79	10,79		-10,79	
2.3	Đất trồng rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR(a)					
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN/NKR(a)					
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT					

- Năm 2023, Diện tích chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 170,51ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 170,96ha. Kết quả thực hiện 33,09ha, thấp hơn 137,87ha (đạt 19,36%) so với diện tích kế hoạch. Trong đó:

+ Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt là 102,06ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 102,51ha. Kết quả thực hiện 8,14ha, thấp hơn 94,37ha (đạt 7,94%) so với diện tích kế hoạch.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt là 2,02ha. Kết quả thực hiện 1,05ha, thấp hơn 0,97ha (đạt 51,98%) so với diện tích kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt là 66,43ha. Kết quả thực hiện 23,9ha, thấp hơn 42,53ha (đạt 35,98%) so với diện tích kế hoạch.

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt là 15,9ha. Kết quả vẫn chưa thực hiện.

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt là 5,11ha. Kết quả vẫn chưa thực hiện.

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt là 10,79ha. Kết quả vẫn chưa thực hiện.

2.1.4. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2023

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện đã thực hiện được 14 công trình thu hồi đất, cụ thể như sau:

Bảng 9: Danh mục các công trình dự án đã thực hiện thu hồi đất năm 2023

DVT: ha

Số TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích
1	Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	29,52
2	Dự án thành phần đoạn Hậu Giang - Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025	Xã Vị Thắng	6,10
3	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	TT. Nàng Mau	3,60
4	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang	TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng	1,93
5	Kè kênh Xáng Nàng Mau (Giai đoạn 2)	TT. Nàng Mau	3,60
6	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây	4,63
7	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	5,32
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Xã Vị Bình	0,69
9	Trung tâm văn hóa xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0,29
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Xã Vị Bình	0,16
11	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Xã Vị Đông	0,10
12	Nhà văn hóa ấp 5	Xã Vị Đông	0,04
13	Nhà văn hóa ấp 8	Xã Vị Đông	0,05
14	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã	Xã Vị Đông	0,30
Tổng			56,33

Bảng 10: Kết quả thu hồi đất năm 2023

DVT: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích được duyệt	Diện tích bổ sung	Diện tích	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	147,15	147,21	41,6	-105,61	28,26
1.1	Đất trồng lúa	LUA	84,05	84,11	16,63	-67,48	19,77
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	84,05	84,11	16,63	-67,48	19,77
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1,76	1,76	1,06	-0,7	60,23
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	61,34	61,34	23,91	-37,43	38,98

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích được duyệt	Diện tích bổ sung	Diện tích	So sánh	
						Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19,96	19,96	14,73	-5,23	73,80
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	13,32	13,32	10,65	-2,67	79,95
2.2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH					
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	6,63	6,63	3,53	-3,10	53,24
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT			0,54	0,54	
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,01	0,01	0,01		100,00
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON					

- Năm 2023, Diện tích đất nông nghiệp thu hồi đất theo kế hoạch được duyệt là 147,15ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 147,21ha. Kết quả thu hồi 41,6ha, thấp hơn 105,61ha (đạt 28,26%) so với diện tích kế hoạch. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ Đất trồng lúa: kế hoạch được duyệt là 84,05ha, sau khi cập nhật các công trình bổ sung tăng lên 84,11ha. Kết quả thu hồi 16,63ha, thấp hơn 67,48ha (đạt 19,77%) so với diện tích kế hoạch.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: kế hoạch được duyệt là 1,76ha. Kết quả thu hồi 1,06ha, thấp hơn 0,7ha (đạt 60,23%) so với diện tích kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: kế hoạch được duyệt là 61,34ha. Kết quả thu hồi 23,91ha, thấp hơn 37,43ha (đạt 38,98%) so với diện tích kế hoạch.

- Diện tích đất phi nông nghiệp thu hồi đất theo kế hoạch được duyệt là 19,96ha. Kết quả thu hồi 14,73ha, thấp hơn 5,23ha (đạt 73,8%) so với diện tích kế hoạch. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: kế hoạch được duyệt là 13,32ha. Kết quả thu hồi 10,65ha, thấp hơn 2,67ha (đạt 79,95%) so với diện tích kế hoạch. Trong đó:

Đất giao thông: Kế hoạch được duyệt là 5,07ha. Kết quả thu hồi 3,95ha, thấp hơn 1,12ha (đạt 77,91%) so với diện tích kế hoạch.

Đất thủy lợi: Kế hoạch được duyệt là 8,24ha. Kết quả thu hồi 6,69ha, thấp hơn 1,55ha (đạt 81,19%) so với diện tích kế hoạch.

- Đất ở tại nông thôn: Kế hoạch được duyệt là 6,63ha. Kết quả thu hồi 3,53ha, thấp hơn 3,1ha (đạt 53,24%) so với diện tích kế hoạch.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch được duyệt là 0,01ha. Kết quả thu hồi bằng với chỉ tiêu kế hoạch (đạt 100,0%).

2.1.5. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Trong thời gian qua công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện đã từng bước đi vào nề nếp. Nguồn tài nguyên đất đai đã được khai thác có hiệu quả, Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được duyệt đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện, nhất là trong công tác giao đất, cho

thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Thông qua kế hoạch sử dụng đất, huyện đã chủ động dành quỹ đất phục vụ cho phát triển các ngành, các lĩnh vực theo như định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần tích cực trong việc phân bổ và sử dụng tài nguyên đất đai hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường sinh thái.

Bước đầu đã kiểm soát được việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, cơ bản đáp ứng nhu cầu đất đai cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất đã đi vào nề nếp, thực hiện đúng quy định của pháp luật trên cơ sở kế hoạch được duyệt.

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đến năm 2023 đạt một số kết quả khả quan. Hạn chế rõ rệt việc sử dụng đất lúa sai mục đích; chuyển nhượng đất nông nghiệp, tách thửa, phân lô không đúng quy định pháp luật. Đồng thời, là cơ sở trong việc định hướng phát triển đô thị, khu dân cư nông thôn định hướng theo phát triển xây dựng nông thôn mới, hạn chế tình trạng sử dụng đất làm gây ô nhiễm môi trường.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện có tỷ lệ thực hiện đạt được còn thấp so với kế hoạch được duyệt, còn một số tồn tại như sau:

- Đối với kết quả thực hiện thu hồi đất: Đang còn vướng một số công trình lớn trên địa bàn nên việc thực hiện thu hồi đất trên địa bàn chưa đạt kết quả cao: Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy (42,82 ha); Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang (36,5 ha); Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy (37,11 ha).

- Đối với chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất: Nhiều công trình đã thu hồi đất, chuyển sang giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn chưa thực hiện (thực hiện được 3/33 công trình, dự án): các công trình trường học, nhà văn hóa chưa thực hiện. Ngoài ra việc chuyển mục đích của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2023 đạt tỷ lệ thấp.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Qua đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho thấy có một số nguyên nhân dẫn đến kết quả một số chỉ tiêu thực hiện thấp như sau:

2.3.1. Nguyên nhân khách quan

- Chính sách pháp luật về đất đai có sự thay đổi khá lớn liên quan đến giá đất, thu tiền sử dụng đất, chế độ bồi thường, hỗ trợ tái định cư,... Giá đất được điều chỉnh tăng cao đã tác động đến quá trình thực hiện các dự án trong năm kế hoạch.

- Cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện còn yếu, cần vốn đầu tư lớn. Nhưng

hiện nay việc huy động vốn để thực hiện các dự án công còn gặp nhiều khó khăn, đồng thời khả năng cân đối ngân sách địa phương cũng có hạn, nên nhiều công trình dự án chưa thực hiện được.

- Khả năng thu hút vốn đầu tư của huyện thấp.

- Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trong dân đạt thấp, nguyên nhân do người dân chưa hiểu đầy đủ về luật đất đai, thường chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất lúa sang đất cây lâu năm, hoặc từ đất nông nghiệp sang đất ở mà không thực hiện các thủ tục pháp lý về chuyển mục đích.

2.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Quỹ đất dự trữ để xây dựng các công trình phúc lợi công cộng ở địa phương còn nhiều hạn chế nên khi thực hiện phải thu hồi đất của dân và bồi thường làm ảnh hưởng đến kinh phí đầu tư và thời gian thực hiện.

- Cơ chế, chính sách trong ưu đãi, khuyến khích đầu tư, phát huy nguồn nội lực đã được cải thiện đáng kể nhưng vẫn còn nhiều hạn chế nhất định.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, bất cập làm chậm tiến độ thực hiện các dự án.

- Chưa dự tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước... dẫn đến một số dự án, công trình chưa triển khai thực hiện được.

- Một số công trình để mời gọi được đầu tư cần phải có quỹ đất phù hợp và phải có trong quy hoạch, kế hoạch gắn với quy hoạch tổng thể của địa phương. Do đó cần thiết phải đăng ký nhu cầu trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện nhằm tạo điều kiện thu hút đầu tư. Tuy nhiên, các công trình, dự án mời gọi đầu tư trên địa bàn huyện chậm triển khai thực hiện nguyên nhân chủ yếu do trong năm vẫn chưa có nhà đầu tư tham gia đầu tư.

- Nguồn vốn đầu tư (ngoài ngân sách) tình hình huy động các nguồn lực trong nhân dân nhằm thực hiện các dự án có nhu cầu sử dụng đất còn rất hạn chế, số lượng còn ít chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp, người dân không bố trí được khả năng tài chính nên hoạt động chuyển mục đích sử dụng đất của các doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân chậm thực hiện.

2.4. Công trình dự án 03 năm nhưng chưa thực hiện

Theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất*”. Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Vị Thủy, có 01 công trình, dự án

đăng ký thực hiện từ kế hoạch sử dụng đất năm 2020 là công trình Trường tiểu học Vị Thủy 1 với diện tích 0,30 ha, tuy nhiên công trình này đã thực hiện thu hồi đất nên tiếp tục chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 để thực hiện công tác giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy được tổng hợp trên cơ sở danh mục các công trình, dự án kế hoạch sử dụng đất 2023 chuyển tiếp, danh mục công trình được thực hiện dựa trên các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa và nhu cầu sử dụng đất khác của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn huyện Vị Thủy.

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất các năm trước chuyển sang

Căn cứ tiến độ thực hiện các công trình dự án theo kế hoạch được duyệt năm 2023; căn cứ nhu cầu sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội, kiến nghị sẽ chuyển tiếp 52 công trình, dự án trong năm kế hoạch sang kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (*Trong đó có 9 công trình thu hồi đất chưa thực hiện xong; 9 công trình thu hồi đất xong chuyển qua giao đất, cấp giấy CNQSDĐ; 4 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất; 30 công trình giao đất, cho thuê đất, cấp giấy CNQSDĐ*). Cụ thể các công trình chuyển tiếp như sau:

Bảng 11: Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023*ĐVT: ha*

Số TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng
I	Công trình, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
1	Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy	xã Vị Trung	42,82	
2	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường	36,50	
3	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây	9,00	4,63
4	Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy	xã Vị Trung	37,11	
5	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (trên địa bàn huyện Vị Thủy)	xã Vị Thủy	1,64	1,54
6	Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	2,20	
7	Trường phổ thông liên cấp (Tiểu học - Trung học cơ sở - Phổ thông trung học)	Xã Vị Trung	5,40	
8	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang	TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng	6,01	4,08
9	Dự án thành phần đoạn Cần Thơ- Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (di dời Đường dây 110kV 172 Vị Thanh - 131 ĐMT Hậu Giang - 171 Long Mỹ)	Xã Vị Thắng	0,06	
II	Công trình đã thực hiện thu hồi đất xong, chuyển sang giao đất, cấp giấy CNQSDĐ			
10	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	TT. Nàng Mau	3,60	3,60
11	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	5,32	5,32
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Xã Vị Bình	0,69	0,69
13	Trung tâm văn hóa xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0,29	0,29
14	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Xã Vị Bình	0,16	0,16
15	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Xã Vị Đông	0,10	0,10
16	Nhà văn hóa ấp 5	Xã Vị Đông	0,04	0,04
17	Nhà văn hóa ấp 8	Xã Vị Đông	0,05	0,05
18	Xây dựng Trung tâm Văn hóa xã	Xã Vị Đông	0,30	0,30
III	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
19	Trung tâm sát hạch lái xe	Xã Vị Trung	5,31	2,92
20	Dự án liên kết phát triển nấm ăn ứng dụng công nghệ cao	Xã Vị Trung	1,40	
21	Cửa hàng xăng dầu Đại Danh	xã Vĩnh Thuận Tây	0,39	
22	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	0,18	
IV	Hạng mục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy CNQSDĐ			
23	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	xã Vĩnh Thuận Tây	0,80	0,80

Số TT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng
24	Trường THCS Vị Bình	xã Vị Bình	1,00	1,00
25	Trường tiểu học Vị Thủy 1	xã Vị Thủy	0,30	0,30
26	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường	TT. Nàng Mau	0,08	0,08
27	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 2	Xã Vị Bình	0,09	0,09
28	Nhà văn hóa ấp 1	Xã Vị Đông	0,03	0,03
29	Nhà văn hóa ấp 2	Xã Vị Đông	0,19	0,19
30	Nhà văn hóa ấp 3	Xã Vị Đông	0,03	0,03
31	Nhà văn hóa ấp 3A	Xã Vị Đông	0,14	0,14
32	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Xã Vị Đông	0,19	0,19
33	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,20	0,20
34	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	0,25
35	Nhà Văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	0,05
36	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	0,25
37	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	0,25
38	Nhà Văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	0,05
39	Nhà Văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	0,05
40	Công an xã Vị Đông	xã Vị Đông	0,19	0,19
41	Trường tiểu học Vị Đông 1	xã Vị Đông	1,02	1,02
42	Trường tiểu học Vị Đông 3	Xã Vị Đông	0,10	0,10
43	Trường tiểu học Vị Đông 4	Xã Vị Đông	0,20	0,20
44	Trường THCS Vị Đông	Xã Vị Đông	0,10	0,10
45	Trường mầm non Vàng Anh	Xã Vị Thanh	0,10	0,10
46	Công an xã Vị Bình	xã Vị Bình	0,07	0,07
47	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy	Xã Vị Thanh	0,09	0,09
48	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy và xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A	Xã Vị Thanh	0,10	0,10
49	Nhà máy nước Nàng Mau	TT. Nàng Mau	0,16	0,16
50	Công an xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	0,13	0,13
51	Công an xã Vị Trung	Xã Vị Trung	0,85	0,85
*	Hạng mục khai thác quỹ đất			
52	Khai thác Quỹ đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp	TT. Nàng Mau	0,03	0,03

3.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

a) Các công trình dự án đăng ký mới trong năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, trên địa bàn huyện Vị Thủy có 11 công trình, dự án đăng ký mới, bao gồm:

Bảng 12: Công trình, dự án đăng ký mới trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

DVT: ha

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích tăng thêm	Ghi chú
I	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
1	Cụm công nghiệp Vị Bình	Xã Vị Bình	50,00	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
2	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vị Thủy, huyện Vị Thủy (Nâng cấp công suất từ 35m ³ /h lên 300m ³ /h)	Xã Vị Thủy	0,20	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
3	Đầu tư GPMB hai bên đường tỉnh 931 để thực hiện dự án: Khu dân cư nông thôn mới xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy	xã Vĩnh Thuận Tây	9,03	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
4	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	0,05	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
5	Đường dây 22kV đấu nối Nhà máy điện rác Hậu Giang vào Trạm biến áp 110kV Vị Thanh	Xã Vị Thắng	0,04	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			
6	Cửa hàng xăng dầu Trọng Nhân 2	xã Vĩnh Thuận Tây	0,38	Quyết định 903/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
7	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã Kim Ngoan	Xã Vị Thắng	0,76	Quyết định 1846/UBND-NCTH ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang
8	Cửa hàng xăng dầu Trứ Nhung	Xã Vị Thanh	0,14	
9	Khu du lịch cộng đồng Thanh Xuân Farm Stay	Xã Vị Trung	1,30	Quyết định 1692/UBND-NCTH ngày 2/22/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang
10	Dự án nuôi trồng, sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi	Xã Vị Trung	1,80	Quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang

TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích tăng thêm	Ghi chú
11	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Liên hiệp Hợp tác xã Lúa gạo Xà No Mê Kông	Xã Vĩnh Tường	0,18	Công văn 4193/VP.UBND-NCTH ngày 16 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
IV	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân			
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm	Các xã, thị trấn	5,56	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác	Các xã, thị trấn	17,10	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị	TT. Nàng Mau	1,20	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn	Các xã	9,81	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ	Các xã, thị trấn	1,55	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Nhu cầu chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Các xã, thị trấn	0,03	Đơn đăng ký nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở các công trình, dự án đăng ký trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 chưa thực hiện mà vẫn đảm bảo tính khả thi khi chuyển qua; các công trình, dự án đăng ký mới và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại địa phương trong năm 2024; tiến hành tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 của huyện Vị Thủy như sau:

Bảng 13: Chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng SDD năm 2023		Kế hoạch SDD năm 2024		Tăng (+), Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		22.931,61	100,00	22.931,61	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.316,26	88,60	20.104,01	87,67	-212,25
1.1	Đất trồng lúa	LUA	17.256,93	75,25	17.084,73	74,50	-172,20
	<i>Trong đó: Đất chuyên lúa nước</i>	<i>LUC</i>	17.256,93	75,25	17.084,73	74,50	-172,20
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	140,92	0,61	137,61	0,60	-3,31
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.754,60	12,01	2.697,71	11,76	-56,89
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	63,60	0,28	63,60	0,28	
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>						
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	73,59	0,32	73,44	0,32	-0,15
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	26,62	0,12	46,92	0,20	20,30

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng SDD năm 2023		Kế hoạch SDD năm 2024		Tăng (+), Giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.615,35	11,40	2.827,60	12,33	212,25
2.1	Đất quốc phòng	CQP	13,13	0,06	13,13	0,06	
2.2	Đất an ninh	CAN	12,07	0,05	12,33	0,05	0,26
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			50,00	0,22	50,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,06	0,03	25,67	0,11	19,61
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,60	0,02	4,22	0,02	0,62
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.854,35	8,09	1.926,23	8,40	71,88
	<i>Trong đó:</i>						
-	Đất giao thông	DGT	506,45	2,21	560,11	2,44	53,66
-	Đất thủy lợi	DTL	1.236,97	5,39	1.234,48	5,38	-2,49
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	0,36	0,002	1,15	0,01	0,79
-	Đất cơ sở y tế	DYT	3,24	0,01	5,91	0,03	2,67
-	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	56,70	0,25	68,02	0,30	11,32
-	Đất cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,25	0,05	12,07	0,05	-0,18
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,39	0,002	0,49	0,002	0,10
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,002	0,39	0,002	
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,14	0,001	0,14	0,001	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,57	0,02	3,57	0,02	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,93	0,04	8,93	0,04	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,75	0,10	22,75	0,10	
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	DKH					
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			6,01	0,03	6,01
-	Đất chợ	DCH	2,21	0,01	2,21	0,01	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,13	0,02	5,31	0,02	1,18
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	8,07	0,04	14,20	0,06	6,13
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	447,62	1,95	505,28	2,20	57,66
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	47,77	0,21	52,50	0,23	4,73
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,46	0,04	9,64	0,04	0,18
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,001	0,26	0,001	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1,35	0,01	1,35	0,01	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	207,48	0,90	207,48	0,90	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					

*** Nhóm đất nông nghiệp**

Diện tích năm 2024 là 20.104,01 ha, giảm 212,25 ha so với hiện trạng và chiếm 87,67% diện tích tự nhiên. Cụ thể các loại đất như sau:

- *Đất trồng lúa*: Diện tích năm 2024 là 17.084,73 ha, giảm 172,2 ha so với hiện trạng và chiếm 74,5% diện tích tự nhiên. Diện tích giảm do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 5,11ha, đất nông nghiệp khác 16,04ha, đất an ninh 0,19ha, đất cụm công nghiệp 43ha, đất thương mại, dịch vụ 14,04ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,36ha, đất giao thông 34,84ha, đất thủy lợi 0,43ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,61ha, đất xây dựng cơ sở y tế 2,17ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 8,67ha, đất công trình năng lượng 0,06ha, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 3,58ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,23ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 5,58ha, đất ở tại nông thôn 32,87ha, đất ở tại đô thị 4,42ha.

- *Đất trồng cây hàng năm khác*: Diện tích năm 2024 là 137,61 ha, giảm 3,31 ha so với hiện trạng và chiếm 0,6% diện tích tự nhiên. Diện tích giảm do chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,45ha, đất nông nghiệp khác 0,26ha, đất cụm công nghiệp 0,3ha, đất thương mại, dịch vụ 0,5ha, đất giao thông 0,77ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,03ha, đất ở tại nông thôn 1ha.

- *Đất trồng cây lâu năm*: Diện tích năm 2024 là 2.697,71 ha, giảm 56,89 ha so với hiện trạng và chiếm 11,76% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 2.692,15 ha;

+ Diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 4ha, đất an ninh 0,07ha, đất cụm công nghiệp 5ha, đất thương mại, dịch vụ 4,78ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,21ha, đất giao thông 10,48ha, đất thủy lợi 1,3ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,13ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,5ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 2,48ha, đất công trình năng lượng 0,04ha, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 2,23ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,91ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,54ha, đất ở tại nông thôn 28,93ha, đất ở tại đô thị 0,85ha.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 5,11ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,45ha để thực hiện nhu cầu chuyển mục đích sang đất trồng cây lâu năm là 5,56ha tại các xã, thị trấn.

- *Đất rừng sản xuất*: Diện tích năm 2024 là 63,6 ha, chiếm 0,28% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

- *Đất nuôi trồng thủy sản*: Diện tích năm 2024 là 73,44 ha, giảm 0,15 ha so với hiện trạng và chiếm 0,32% diện tích tự nhiên.

- *Đất nông nghiệp khác*: Diện tích năm 2024 là 46,92 ha, tăng 20,3 ha so với hiện trạng và chiếm 0,2% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 16,04ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,26ha, đất trồng cây lâu năm 4ha để thực hiện công trình Dự án liên kết phát triển nấm ăn ứng dụng công nghệ cao, tại xã Vị Trung với diện tích 1,40ha; Dự án nuôi trồng, sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi diện tích 1,80 ha và nhu cầu chuyển mục đích của các hộ, gia đình, cá nhân là 12,90ha.

*** Nhóm đất phi nông nghiệp**

Diện tích năm 2024 là 2.827,6 ha, tăng 212,25 ha so với hiện trạng và

chiếm 12,33% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 151,05ha, đất trồng cây hàng năm khác 2,6ha, đất trồng cây lâu năm 58,45ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,15ha. Trong đó:

- Đất quốc phòng: Diện tích năm 2024 là 13,13 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

- Đất an ninh: Diện tích năm 2024 là 12,33 ha, tăng 0,26 ha so với hiện trạng và chiếm 0,05% diện tích tự nhiên.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 12,07 ha;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,19ha, đất trồng cây lâu năm 0,07ha.

Năm 2024, huyện đăng ký thực hiện 04 công trình để thực hiện thủ tục giao đất, bao gồm:

DVT: ha

STT	Tên công trình	Vị trí	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Công an xã Vị Đông	Xã Vị Đông	0,19	Chuyển tiếp từ KHSDĐ 2023. Giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
2	Công an xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0,07	
3	Công an xã Vị Thanh	Xã Vị Thanh	0,13	
4	Công an xã Vị Trung	Xã Vị Trung	0,85	

- Đất cụm công nghiệp: Diện tích năm 2024 là 50 ha, tăng 50 ha so với hiện trạng và chiếm 0,22% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 43ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,3ha, đất trồng cây lâu năm 5ha, đất giao thông 0,2ha, đất ở tại nông thôn 1,5ha để thực hiện công trình Cụm công nghiệp Vị Bình.

- Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích năm 2024 là 25,67 ha, tăng 19,61 ha so với hiện trạng và chiếm 0,11% diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 6,06 ha;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 14,04ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,5ha, đất trồng cây lâu năm 4,78ha, đất ở tại nông thôn 0,29ha.

DVT: ha

STT	Tên công trình	Vị trí	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Cửa hàng xăng dầu Đại Danh	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,39	Quyết định 1279/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã Kim Ngoan	Xã Vị Thắng	0,76	Quyết định 1846/UBND-NCTH ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang
3	Cửa hàng xăng dầu Trọng Nhân 2	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,38	Quyết định 903/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hậu Giang

STT	Tên công trình	Vị trí	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
4	Cửa hàng xăng dầu Trứ Nhung	Xã Vị Thanh	0,14	
5	Khu du lịch cộng đồng Thanh Xuân Farm Stay	Xã Vị Trung	1,30	Quyết định 1692/UBND-NCTH ngày 2/22/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang
6	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Liên hiệp Hợp tác xã Lúa gạo Xà No Mê Kông	Xã Vĩnh Tường	0,18	Công văn 4193/VP.UBND-NCTH ngày 16 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích năm 2024 là 4,22 ha, tăng 0,62 ha so với hiện trạng và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

+ Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 3,60 ha;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,36ha, đất trồng cây lâu năm 0,21ha, đất ở tại nông thôn 0,05ha để thực hiện công trình Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình cá nhân. Năm 2024, huyện đăng ký thực hiện 04 công trình để thực hiện thủ tục giao đất gồm:

ĐVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Ghi chú
1	Nâng cấp mở rộng trạm cấp nước tập trung xã Vị Thủy	Xã Vị Thủy	0,20		Thu hồi đất
2	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy	Xã Vị Thanh	0,09	0,09	Giao đất, Cấp giấy CNQSDĐ
3	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy và xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A	Xã Vị Thanh	0,10	0,10	
4	Nhà máy nước Nàng Mau	TT. Nàng Mau	0,16	0,16	
-	Nhu cầu chuyển mục đích của HGD, CN		0,03		

- Đất phát triển hạ tầng: Diện tích năm 2024 là 1.926,23 ha, tăng 71,88 ha so với hiện trạng và chiếm 8,4% diện tích tự nhiên.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 50,36ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,77ha, đất trồng cây lâu năm 17,16ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,15ha, đất ở tại nông thôn 3,28ha, đất ở tại đô thị 0,54ha.

+ Diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,2ha, đất giao thông 4,27ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,15ha, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 0,1ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18ha. Cụ thể từng loại đất như sau:

+ *Đất giao thông*: Diện tích năm 2024 là 560,11 ha, tăng 53,66 ha so với

hiện trạng và chiếm 2,44% diện tích tự nhiên.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 506,25 ha;

Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 34,84ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,77ha, đất trồng cây lâu năm 10,48ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,15ha, đất thủy lợi 4,27ha, đất ở tại nông thôn 2,81ha, đất ở tại đô thị 0,54ha.

Diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 0,2ha.

Năm 2024, đăng ký thực hiện 05 công trình, dự án gồm:

DVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Ghi chú
1	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường	36,50		Thu hồi đất
2	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	Xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây	9,00	4,63	Thu hồi đất
3	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (trên địa bàn huyện Vị Thủy)	Xã Vị Thủy	1,64	1,54	Thu hồi đất
5	Trung tâm sát hạch lái xe	Xã Vị Trung	5,42	2,92	Chuyển mục đích sử dụng đất

+ *Đất thủy lợi*: Diện tích năm 2024 là 1.234,48 ha, giảm 2,49 ha so với hiện trạng và chiếm 5,38% diện tích tự nhiên.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 1.232,45 ha;

Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,43ha, đất trồng cây lâu năm 1,3ha, đất ở tại nông thôn 0,3ha.

Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 4,27ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,15ha, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 0,1ha.

Năm 2024, đăng ký thực hiện 01 công trình, dự án bao gồm:

DVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	2,20	Thu hồi đất

+ *Đất cơ sở văn hóa*: Diện tích năm 2024 là 1,15 ha, tăng 0,79 ha so với hiện trạng và chiếm 0,005% diện tích tự nhiên.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 0,36 ha;

Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,61ha, đất trồng cây lâu năm 0,13ha, đất ở tại nông thôn 0,05ha.

Năm 2024, huyện đăng ký thực hiện 3 công trình, dự án bao gồm:

DVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Bình	Xã Vị Bình	0,29	Giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
2	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,20	
3	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Đông	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,30	

+ **Đất cơ sở y tế:** Diện tích năm 2024 là 5,91 ha, tăng 2,67 ha so với hiện trạng và chiếm 0,03% diện tích tự nhiên.

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng là 3,24 ha;

Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 2,17ha, đất trồng cây lâu năm 0,5ha để thực hiện đất cơ sở y tế trong dự án Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên tại xã Vị Trung.

+ **Đất cơ sở giáo dục và đào tạo:** Diện tích năm 2024 là 68,02 ha, tăng 11,32 ha so với hiện trạng và chiếm 0,3% diện tích tự nhiên. Trong đó:

Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 56,70 ha;

Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 8,67ha, đất trồng cây lâu năm 2,48ha, đất thủy lợi 0,15ha, đất ở tại nông thôn 0,02ha.

Năm 2024, trên địa bàn huyện đăng ký thực hiện 10 công trình, dự án. Bao gồm:

DVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Trường tiểu học Vị Đông 1	Xã Vị Đông	1,02	Giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
2	Trường tiểu học Vị Đông 3	Xã Vị Đông	0,10	
3	Trường tiểu học Vị Đông 4	Xã Vị Đông	0,20	
4	Trường THCS Vị Đông	Xã Vị Đông	0,10	
5	Trường mầm non Vàng Anh	Xã Vị Thanh	0,10	
6	Trường tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	Xã Vị Đông	0,80	
7	Trường THCS Vị Bình	Xã Vị Thanh	1,00	
8	Trường tiểu học Vị Thủy 1	Xã Vị Đông	0,30	
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	Xã Vị Bình	0,69	Thu hồi đất
10	Trường phổ thông liên cấp (Tiểu học - Trung học cơ sở - Phổ thông cơ sở)	Xã Vị Trung	5,40	

+ **Đất cơ sở thể dục thể thao:** Diện tích năm 2024 là 12,07 ha, giảm 0,18 ha so với hiện trạng và chiếm 0,05% diện tích tự nhiên. Diện tích giảm do chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,18ha để xây dựng trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy.

+ *Đất công trình năng lượng*: Diện tích năm 2024 là 0,49 ha, tăng 0,1 ha so với hiện trạng và chiếm 0,002% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,06ha, đất trồng cây lâu năm 0,04ha để thực hiện công trình (*Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (đi dôi Đường dây 110kV 172 Vị Thanh - 131 ĐMT Hậu Giang - 171 Long Mỹ) và công trình đường dây điện trung thế 3 pha 22KV đầu nối từ nhà máy điện rác Hậu Giang và trạm biến áp 110kV Vị Thanh (Hướng tuyến 22KV Điện Rác Hậu Giang -TBA 110 kV Vị Thanh).*

+ *Đất công trình bưu chính, viễn thông*: Diện tích năm 2024 là 0,39 ha, chiếm 0,002% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

+ *Đất có di tích lịch sử - văn hóa*: Diện tích năm 2024 là 0,14 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

+ *Đất bãi thải, xử lý chất thải*: Diện tích năm 2024 là 3,57 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

+ *Đất cơ sở tôn giáo*: Diện tích năm 2024 là 8,93 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

+ *Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng*: Diện tích năm 2024 là 22,75 ha, chiếm 0,1% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

+ *Đất cơ sở dịch vụ xã hội*: Diện tích năm 2024 là 6,01 ha, tăng 6,01 ha so với hiện trạng và chiếm 0,03% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 3,58ha, đất trồng cây lâu năm 2,23ha, đất thủy lợi 0,1ha, đất ở tại nông thôn 0,1ha để thực hiện công trình giao đất, cấp giấy CNQSDĐ nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang, tại TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng.

+ *Đất chợ*: Diện tích năm 2024 là 2,21 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

- *Đất sinh hoạt cộng đồng*: Diện tích năm 2024 là 5,31 ha, tăng 1,18 ha so với hiện trạng và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 0,23ha, đất trồng cây hàng năm khác 0,03ha, đất trồng cây lâu năm 0,91ha, đất ở tại nông thôn 0,01ha để thực hiện 17 công trình, dự án.

ĐVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Thắng	Xã Vị Thắng	0,05	Thu hồi đất
2	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 2	Xã Vị Bình	0,09	Giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
3	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	Xã Vị Bình	0,16	
4	Nhà văn hóa ấp 1	Xã Vị Đông	0,03	
5	Nhà văn hóa ấp 2	Xã Vị Đông	0,19	

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
6	Nhà văn hóa ấp 3	Xã Vị Đông	0,03	
7	Nhà văn hóa ấp 3A	Xã Vị Đông	0,14	
8	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	Xã Vị Đông	0,10	
9	Nhà văn hóa ấp 5	Xã Vị Đông	0,04	
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	Xã Vị Đông	0,19	
11	Nhà văn hóa ấp 8	Xã Vị Đông	0,05	
12	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	
13	Nhà văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	
14	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	
15	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,25	
16	Nhà văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	
17	Nhà Văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Thuận Tây	0,05	

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích năm 2024 là 14,2 ha, tăng 6,13 ha so với hiện trạng và chiếm 0,06% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 5,58ha, đất trồng cây lâu năm 0,54ha, đất ở tại nông thôn 0,01ha để thực hiện đất khu vui chơi, giải trí công cộng trong các dự án khu đô thị mới trên địa bàn huyện (*Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy*).

- Đất ở tại nông thôn: Diện tích năm 2024 là 505,28 ha, tăng 57,66 ha so với hiện trạng và chiếm 2,2% diện tích tự nhiên. Trong đó: Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 32,87ha, đất trồng cây hàng năm khác 1ha, đất trồng cây lâu năm 28,93ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất cụm công nghiệp 1,5ha, đất thương mại, dịch vụ 0,29ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 0,05ha, đất giao thông 2,81ha, đất thủy lợi 0,3ha, đất xây dựng cơ sở văn hóa 0,05ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02ha, đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội 0,1ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,01ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,01ha.

Năm 2024, huyện đăng ký thực hiện 02 công trình, dự án và nhu cầu chuyển mục đích sang đất ở nông thôn của các hộ gia đình, cá nhân là 8,50ha:

ĐVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
1	Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy	Xã Vị Trung	42,82	Thu hồi đất
2	Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy	Xã Vị Trung	37,11	Thu hồi đất

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Ghi chú
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn của hộ gia đình, cá nhân phù hợp quy hoạch	Các xã	9,81	Chuyển mục đích sử dụng đất của HGD, cá nhân

- Đất ở tại đô thị: Diện tích năm 2024 là 52,5 ha, tăng 4,73 ha so với hiện trạng và chiếm 0,23% diện tích tự nhiên. Diện tích tăng do chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước 4,42ha, đất trồng cây lâu năm 0,85ha. Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,54ha. Năm 2024, trên địa bàn huyện đăng ký thực hiện 03 công trình và nhu cầu chuyển mục đích đất ở đô thị của các hộ gia đình, cá nhân là 0,80ha, bao gồm:

ĐVT: ha

STT	Hạng mục công trình	Địa điểm	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Ghi chú
1	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	TT. Nàng Mau	3,60		Giao đất, cấp giấy CNQSDĐ
2	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	TT. Nàng Mau	5,32		
3	Khai thác Quỹ đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp	TT. Nàng Mau	0,03	0,03	
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đô thị của hộ gia đình, cá nhân phù hợp quy hoạch	TT. Nàng Mau	1,20		

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích năm 2024 là 9,64 ha, tăng 0,18 ha so với hiện trạng và chiếm 0,04% diện tích tự nhiên.

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao 0,18ha để thực hiện dự án (*Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy với diện tích 0,18 ha*).

- Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích năm 2024 là 0,26 ha, chiếm 0,001% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng. Năm 2024, đăng ký thực hiện dự án (*Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường tại thị trấn Nàng Mau với diện tích 0,08ha để làm thủ tục giao đất*).

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích năm 2024 là 1,35 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích năm 2024 là 207,48 ha, chiếm 0,9% diện tích tự nhiên và không thay đổi so với hiện trạng.

Bảng 14: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo đơn vị hành chính

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				TT. Nàng Mau	X. Vị Trung	X. Vị Thủy	X. Vị Thắng	X. Vĩnh Thuận Tây	X. Vĩnh Trung	X. Vĩnh Tường	X. Vị Đông	X. Vị Thanh	X. Vị Bình
(a)	(b)	(c)	(d)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Loại đất		22.931,61	534,30	2.231,80	1.837,07	2.217,57	2.297,91	3.264,54	3.437,12	2.989,10	2.025,64	2.096,56
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.104,01	361,22	1.833,87	1.676,41	1.947,59	2.054,50	2.978,06	2.983,90	2.693,03	1.775,82	1.799,61
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	17.084,73	258,39	1.592,63	1.312,59	1.571,61	1.727,18	2.674,52	2.555,14	2.305,91	1.522,30	1.564,46
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	17.084,73	258,39	1.592,63	1.312,59	1.571,61	1.727,18	2.674,52	2.555,14	2.305,91	1.522,30	1.564,46
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	137,61	1,35	1,36	24,74	1,45	25,98	2,56	43,04	15,09	3,14	18,90
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.697,71	96,22	208,66	335,84	340,13	283,69	294,56	310,88	369,19	245,35	213,19
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	63,60							63,60			
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN											
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	73,44	4,26	26,02	1,64	11,55	14,25	3,82	7,11	1,74	1,90	1,15
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	46,92	1,00	5,20	1,60	22,85	3,40	2,60	4,13	1,10	3,13	1,91
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.827,60	173,08	397,93	160,66	269,98	243,41	286,48	453,22	296,07	249,82	296,95
	Trong đó:												
2.1	Đất quốc phòng	CQP	13,13	2,74			10,39						
2.2	Đất an ninh	CAN	12,33	1,63	10,44						0,19		0,07
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	50,00										50,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	25,67	1,78	15,46	0,80	1,20	1,97	0,20	0,41	1,01	1,95	0,89
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	4,22	0,24	0,38	0,20	0,23	0,81	0,23	0,04	0,96	0,87	0,26
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.926,23	97,16	255,85	94,55	167,16	139,26	237,20	347,75	208,22	188,65	190,43
	Trong đó:												
-	Đất giao thông	DGT	560,11	39,14	80,53	25,32	83,82	43,37	55,30	116,45	30,38	40,99	44,81

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				TT. Nàng Mau	X. Vị Trung	X. Vị Thủy	X. Vị Thắng	X. Vĩnh Thuận Tây	X. Vĩnh Trung	X. Vĩnh Tường	X. Vị Đông	X. Vị Thanh	X. Vị Bình
(a)	(b)	(c)	(d)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
-	Đất thủy lợi	DTL	1.234,48	30,61	120,27	65,08	76,87	88,17	178,24	224,34	171,03	139,17	140,70
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,15					0,30		0,07	0,37	0,08	0,33
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,91	2,14	2,82	0,09	0,16	0,18	0,02	0,12	0,18	0,12	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	68,02	7,87	34,28	1,47	1,38	3,36	2,48	3,28	4,26	6,01	3,63
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,07	8,75	0,49	1,10	0,05					1,68	
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,49	0,39			0,10						
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,39	0,13	0,02	0,01	0,04			0,03	0,01	0,14	0,01
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG											
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,14	0,14									
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,57		3,57								
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	8,93	1,07	1,50	0,63	0,82	1,80	0,33	2,29	0,20	0,01	0,28
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	22,75	0,68	12,19	0,62	3,46	2,08	0,68	0,90	1,55		0,59
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH											
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	6,01	5,71			0,30						
-	Đất chợ	DCH	2,21	0,53	0,18	0,23	0,16		0,15	0,27	0,24	0,45	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL											
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,31		0,25	0,87	0,42	1,04	0,13	0,22	0,50	1,33	0,55
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	14,20	0,48	11,33						2,39		
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	505,28		95,03	33,13	69,91	65,13	36,32	73,74	55,12	37,75	39,15
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	52,50	52,50									
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,64	5,48	0,33	0,40	0,69	0,33	0,48	0,71	0,30	0,59	0,33
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26									
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG											
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,35			0,93	0,38	0,01				0,03	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	207,48	10,81	8,86	29,78	19,60	34,86	11,92	30,35	27,38	18,65	15,27
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
3	Đất chưa sử dụng	CSD											

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024

- Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp năm 2024 là 212,25ha, trong đó: TT. Nàng Mau (15,21ha), xã Vị Trung (96,18ha), xã Vị Thủy (4,31ha), xã Vị Thắng (3,51ha), xã Vĩnh Thuận Tây (13,01ha), xã Vĩnh Trung (11,62ha), xã Vĩnh Tường (10,43ha), xã Vị Đông (3,59ha), xã Vị Thanh (2,33ha), xã Vị Bình (52,06ha). Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp năm 2024 là 151,05ha, trong đó: TT. Nàng Mau (12,18ha), xã Vị Trung (61,09ha), xã Vị Thủy (2,25ha), xã Vị Thắng (1,64ha), xã Vĩnh Thuận Tây (10,14ha), xã Vĩnh Trung (8,58ha), xã Vĩnh Tường (6,59ha), xã Vị Đông (2,84ha), xã Vị Thanh (1,04ha), xã Vị Bình (44,7ha).

+ Diện tích đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp năm 2024 là 2,6ha, trong đó: xã Vị Trung (0,65ha), xã Vị Thủy (0,09ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,73ha), xã Vĩnh Trung (0,12ha), xã Vĩnh Tường (0,34ha), xã Vị Đông (0,19ha), xã Vị Thanh (0,06ha), xã Vị Bình (0,42ha).

+ Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp năm 2024 là 58,45ha, trong đó: TT. Nàng Mau (3,03ha), xã Vị Trung (34,29ha), xã Vị Thủy (1,97ha), xã Vị Thắng (1,87ha), xã Vĩnh Thuận Tây (2,14ha), xã Vĩnh Trung (2,92ha), xã Vĩnh Tường (3,5ha), xã Vị Đông (0,56ha), xã Vị Thanh (1,23ha), xã Vị Bình (6,94ha).

+ Diện tích đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp năm 2024 là 0,15ha, trong đó: xã Vị Trung (0,15ha)

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp năm 2024 là 21,15ha, trong đó: TT. Nàng Mau (1,8ha), xã Vị Trung (3,44ha), xã Vị Thủy (2,08ha), xã Vị Thắng (1,2ha), xã Vĩnh Thuận Tây (2,48ha), xã Vĩnh Trung (3,05ha), xã Vĩnh Tường (2,8ha), xã Vị Đông (0,82ha), xã Vị Thanh (1,83ha), xã Vị Bình (1,65ha). Trong đó:

+ Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm năm 2024 là 5,11ha, trong đó: TT. Nàng Mau (0,8ha), xã Vị Trung (0,47ha), xã Vị Thủy (0,48ha), xã Vị Thắng (0,7ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,46ha), xã Vĩnh Trung (0,45ha), xã Vĩnh Tường (0,52ha), xã Vị Đông (0,25ha), xã Vị Thanh (0,53ha), xã Vị Bình (0,45ha).

+ Diện tích đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác năm 2024 là 16,04ha, trong đó: TT. Nàng Mau (1ha), xã Vị Trung (2,97ha), xã Vị Thủy (1,6ha), xã Vị Thắng (0,5ha), xã Vĩnh Thuận Tây (2,02ha), xã Vĩnh Trung (2,6ha), xã Vĩnh Tường (2,28ha), xã Vị Đông (0,57ha), xã Vị Thanh (1,3ha), xã Vị Bình (1,2ha).

Bảng 15: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				TT. Nàng Mau	Xã Vị Trung	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thắng	Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Tường	Xã Vị Đông	Xã Vị Thanh	Xã Vị Bình
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...+10)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	212,25	15,21	96,18	4,31	3,51	13,01	11,62	10,43	3,59	2,33	52,06
	<i>Trong đó:</i>												
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	151,05	12,18	61,09	2,25	1,64	10,14	8,58	6,59	2,84	1,04	44,70
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>151,05</i>	<i>12,18</i>	<i>61,09</i>	<i>2,25</i>	<i>1,64</i>	<i>10,14</i>	<i>8,58</i>	<i>6,59</i>	<i>2,84</i>	<i>1,04</i>	<i>44,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	2,60		0,65	0,09		0,73	0,12	0,34	0,19	0,06	0,42
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	58,45	3,03	34,29	1,97	1,87	2,14	2,92	3,50	0,56	1,23	6,94
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,15		0,15								
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		21,15	1,80	3,44	2,08	1,20	2,48	3,05	2,80	0,82	1,83	1,65
	<i>Trong đó:</i>												
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	5,11	0,80	0,47	0,48	0,70	0,46	0,45	0,52	0,25	0,53	0,45
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	16,04	1,00	2,97	1,60	0,50	2,02	2,60	2,28	0,57	1,30	1,20

3.5. Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024

- **Đất nông nghiệp:** Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 172,28ha, trong đó: xã Vị Trung (90,39ha), xã Vị Thủy (2,48ha), xã Vị Thắng (1,45ha), xã Vĩnh Thuận Tây (9,46ha), xã Vĩnh Trung (10,57ha), xã Vĩnh Tường (9,63ha), xã Vị Bình (48,3ha). Trong đó:

+ Đất trồng lúa: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 123ha, trong đó: xã Vị Trung (56,1ha), xã Vị Thủy (1,2ha), xã Vị Thắng (0,36ha), xã Vĩnh Thuận Tây (8,03ha), xã Vĩnh Trung (8,03ha), xã Vĩnh Tường (6,28ha), xã Vị Bình (43ha).

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 2,02ha, trong đó: xã Vị Trung (0,5ha), xã Vị Thủy (0,05ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,73ha), xã Vĩnh Trung (0,1ha), xã Vĩnh Tường (0,34ha), xã Vị Bình (0,3ha).

+ Đất trồng cây lâu năm: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 47,11ha, trong đó: xã Vị Trung (33,64ha), xã Vị Thủy (1,23ha), xã Vị Thắng (1,09ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,7ha), xã Vĩnh Trung (2,44ha), xã Vĩnh Tường (3,01ha), xã Vị Bình (5ha).

- **Đất phi nông nghiệp:** Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 15,6ha, trong đó: xã Vị Trung (6,94ha), xã Vị Thủy (0,72ha), xã Vị Thắng (0,4ha), xã Vĩnh Thuận Tây (1,04ha), xã Vĩnh Trung (2,03ha), xã Vĩnh Tường (2,77ha), xã Vị Bình (1,7ha). Cụ thể các loại đất như sau:

+ Đất phát triển hạ tầng: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 10,36ha, trong đó: xã Vị Trung (5,86ha), xã Vị Thủy (0,15ha), xã Vị Thắng (0,2ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,25ha), xã Vĩnh Trung (1,53ha), xã Vĩnh Tường (2,17ha), xã Vị Bình (0,2ha). Trong đó:

Đất giao thông: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 5,74ha, trong đó: xã Vị Trung (4,2ha), xã Vị Thủy (0,05ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,05ha), xã Vĩnh Trung (0,53ha), xã Vĩnh Tường (0,71ha), xã Vị Bình (0,2ha).

Đất thủy lợi: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 4,62ha, trong đó: xã Vị Trung (1,66ha), xã Vị Thủy (0,1ha), xã Vị Thắng (0,2ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,2ha), xã Vĩnh Trung (1ha), xã Vĩnh Tường (1,46ha).

+ Đất ở tại nông thôn: Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 5,24ha, trong đó: xã Vị Trung (1,08ha), xã Vị Thủy (0,57ha), xã Vị Thắng (0,2ha), xã Vĩnh Thuận Tây (0,79ha), xã Vĩnh Trung (0,5ha), xã Vĩnh Tường (0,6ha), xã Vị Bình (1,5ha).

Bảng 16: Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				TT. Nàng Mau	Xã Vị Trung	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thắng	Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Tường	Xã Vị Đông	Xã Vị Thanh	Xã Vị Bình
(a)	(b)	(c)	(d)=(1+2+...)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Đất nông nghiệp	NNP	172,28		90,39	2,48	1,45	9,46	10,57	9,63			48,30
	<i>Trong đó:</i>												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	123,00		56,10	1,20	0,36	8,03	8,03	6,28			43,00
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	123,00		56,10	1,20	0,36	8,03	8,03	6,28			43,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,02		0,50	0,05		0,73	0,10	0,34			0,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47,11		33,64	1,23	1,09	0,70	2,44	3,01			5,00
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15		0,15								
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,60		6,94	0,72	0,40	1,04	2,03	2,77			1,70
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	10,36		5,86	0,15	0,20	0,25	1,53	2,17			0,20
	<i>Trong đó:</i>												
-	Đất giao thông	DGT	5,74		4,20	0,05		0,05	0,53	0,71			0,20
-	Đất thủy lợi	DTL	4,62		1,66	0,10	0,20	0,20	1,00	1,46			
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	5,24		1,08	0,57	0,20	0,79	0,50	0,60			1,50

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trên địa bàn huyện Vị Thủy đã hết diện tích đất chưa sử dụng.

3.7. Danh mục các công trình, dự án sử dụng đất trong năm 2024:

Năm 2024, huyện Vị Thủy đăng ký thực hiện 63 công trình, dự án (*Được thể hiện chi tiết tại biểu 10/CH trong phần phụ biểu*).

3.8. So sánh chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030

Chỉ tiêu các loại đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đều phù hợp chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt tại Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021.

Cụ thể so sánh từng chỉ tiêu được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 17: So sánh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024 với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QHSDĐ năm 2030		Kế hoạch năm 2024		So sánh tăng (+) giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(4)
I	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		22.931,61	100,00	22.931,61	100,00	
1	Đất nông nghiệp	NNP	19.323,95	84,27	20.104,01	87,67	780,06
1.1	Đất trồng lúa	LUA	16.800,00	73,26	17.084,73	74,50	284,73
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	16.800,00	73,26	17.084,73	74,50	284,73
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	138,93	0,61	137,61	0,60	-1,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.124,16	9,26	2.697,71	11,76	573,55
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21,90	0,10	63,60	0,28	41,70
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	127,12	0,55	73,44	0,32	-53,68
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	111,84	0,49	46,92	0,20	-64,92
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.607,66	15,73	2.827,60	12,33	-780,06
2.1	Đất quốc phòng	CQP	46,38	0,20	13,13	0,06	-33,25
2.2	Đất an ninh	CAN	12,97	0,06	12,33	0,05	-0,64
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	71,00	0,31	50,00	0,22	-21,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	95,24	0,42	25,67	0,11	-69,57
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	28,79	0,13	4,22	0,02	-24,57
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	QHSDĐ năm 2030		Kế hoạch năm 2024		So sánh tăng (+) giảm (-)
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.231,37	9,73	1.926,23	8,40	-305,14
	Trong đó:						
-	Đất giao thông	DGT	685,07	2,99	560,11	2,44	-124,96
-	Đất thủy lợi	DTL	1.356,66	5,92	1.234,48	5,38	-122,18
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	7,87	0,034	1,15	0,01	-6,72
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,51	0,03	5,91	0,03	-0,60
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	73,24	0,32	68,02	0,30	-5,22
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	23,08	0,10	12,07	0,05	-11,01
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5,39	0,024	0,49	0,002	-4,90
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,92	0,004	0,39	0,002	-0,53
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG					
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,14	0,001	0,14	0,001	
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,58	0,02	3,57	0,02	-1,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	10,07	0,04	8,93	0,04	-1,14
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	32,65	0,14	22,75	0,10	-9,90
-	Đất XD cơ sở khoa học công nghệ	DKH					
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	9,04	0,04	6,01	0,03	-3,03
-	Đất chợ	DCH	16,15	0,07	2,21	0,01	-13,94
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,28	0,04	5,31	0,02	-2,97
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	49,85	0,22	14,20	0,06	-35,65
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	674,67	2,94	505,28	2,20	-169,39
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	126,11	0,55	52,50	0,23	-73,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,84	0,05	9,64	0,04	-2,20
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,23	0,053	0,26	0,001	-11,97
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,35	0,01	1,35	0,01	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	217,48	0,95	207,48	0,90	-10,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	20,10	0,09			-20,10
3	Đất chưa sử dụng	CSD					

3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm 2024

3.9.1. Căn cứ pháp lý

Việc tính toán các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong kế hoạch sử

dụng đất năm 2022 của huyện Vị Thủy được căn cứ vào các tài liệu hướng dẫn sau:

- Nghị định số 35/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 về quản lý sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về khung giá đất;

- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Văn bản hợp nhất số 19/VBHN-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BTC ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

- Văn bản hợp nhất số 57/VBHN-BTC ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính Quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Thông tư số 11/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung mức thu lệ phí hộ tịch và quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc ban hành quy định về bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

- Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành quy định về bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang;

- Phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy.

3.9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

a. Đối với các khoản thu

Tổng thu từ đất khoảng 421.773 triệu đồng, trong đó:

- Thu từ giao đất ở đô thị: 132.000 triệu đồng.
- Thu từ giao đất ở nông thôn: 69.080 triệu đồng
- Thu từ giao đất thương mại, dịch vụ: 35.298 triệu đồng
- Thu từ giao đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3.720 triệu đồng

b. Đối với các khoản chi

*** Chi thu hồi đất: 200.197 triệu đồng**

- Đất trồng lúa: 73.800 triệu đồng
- Đất trồng cây hàng năm: 1.560 triệu đồng
- Đất trồng cây lâu năm: 41.207 triệu đồng
- Đất ở tại nông thôn: 56.540 triệu đồng

*** Chi hỗ trợ chuyển đổi nghề, tái định cư: 130.356 triệu đồng**

- + Chi bồi thường đối với cây trồng vật nuôi: 56.964 triệu đồng
- + Chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 34.178 triệu đồng
- + Chi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề: 34.178 triệu đồng
- + Chi tái định cư tối thiểu: 4.750 triệu đồng
- + Chi hỗ trợ thuê nhà ở trong thời gian chờ tái định cư: 285 triệu đồng
- **Chi đầu tư cơ sở hạ tầng: 72.160 triệu đồng**

+ Khu đô thị: 42.160 triệu đồng

+ Cụm công nghiệp: 30.000 triệu đồng

c. Kết quả tính toán và cân đối thu, chi từ đất

Cân đối thu chi các khoản có liên quan đến đất là **19.060** triệu đồng.

Bảng 18: Bảng cân đối thu, chi từ đất

STT	Loại đất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
I	TỔNG CHI				402.713	
1	Thu hồi đất				200.197	
-	Đất trồng lúa	ha	123,00	600	73.800	
-	Đất trồng cây hàng năm	ha	2,60	600	1.560	
-	Đất trồng cây lâu năm	ha	58,45	705	41.207	
-	Đất NTTS	ha	0,15	600	90	
-	Đất ở nông thôn	ha	5,14	11.000	56.540	
-	Đất ở đô thị	ha	0,54	50.000	27.000	
2	Chi hỗ trợ				130.356	
-	Chi bồi thường đối với cây trồng vật nuôi	ha	94,94	600	56.964	50% diện tích bị thu hồi x giá đất
-	Chi hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất	ha	56,96	600	34.178	30% diện tích bị thu hồi x giá đất
-	Chi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề	ha	56,96	600	34.178	30% diện tích bị thu hồi x giá đất
-	Tái định cư tối thiểu	hộ	95	50	4.750	Bình quân 0,5 ha đất nông nghiệp/hộ, mỗi suất tái định cư 50 triệu
-	Chi hỗ trợ thuê nhà ở trong thời gian chờ tái định cư	hộ	95	3	285	3 triệu đồng/tháng
3	Chi đầu tư cơ sở hạ tầng				72.160	
-	Khu đô thị	ha	5,27	8.000	42.160	8 tỷ/ha
-	Cụm công nghiệp	ha	5,00	6.000	30.000	6 tỷ/ha
II	TỔNG THU				421.773	
-	Đất ở đô thị	ha	2,64	50.000	132.000	Đất ở đô thị chiếm 35% của QHXD, 3-5 triệu/m ²
-	Đất ở nông thôn	ha	6,28	11.000	69.080	
-	Cụm công nghiệp	ha	21,13	8.600	181.675	Đất khu, cụm công nghiệp chiếm 65% của QHXD, 8,6 tỷ đồng/ha (50 năm)
-	Thương mại - dịch vụ	ha	5,88	6.000	35.298	
-	Sản xuất kinh doanh	ha	0,62	6.000	3.720	
III	CÂN ĐỐI THU - CHI				19.060	

Trên đây là dự kiến thu chi giả định dựa trên khung giá và các văn bản hướng dẫn hiện hành tại thời điểm lập kế hoạch sử dụng đất. Thu chi thực tế sẽ phụ thuộc vào thời điểm triển khai dự án ở thời điểm nào thì trên cơ sở hướng dẫn áp dụng đơn giá, khung giá và giá cả thị trường cụ thể tại thời điểm đó cũng như cho từng dự án cụ thể.

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

4.1.1. Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường, nâng cao năng lực quản lý về môi trường cho hệ thống tổ chức trong lĩnh vực môi trường

- Đối với các dự án khi triển khai thực hiện căn cứ vào quy mô, loại hình sản xuất để tiến hành đánh giá tác động môi trường hoặc thực hiện Kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý về môi trường, xử lý nghiêm các vi phạm về ô nhiễm môi trường, đồng thời có kế hoạch kiểm tra giám sát định kỳ đối với các cơ sở sản xuất có khả năng gây ô nhiễm. Đánh giá và giám sát chặt chẽ về tác động môi trường đối với các dự án đầu tư.

- Từng bước di dời bố trí các nhà máy chế biến nông thủy sản di dời vào cụm công nghiệp Vị Bình.

4.1.2. Tăng cường hoạt động giám sát môi trường

- Trong sản xuất công nghiệp – TTCN; chế biến nông, lâm, thủy sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại để hạn chế tác hại của chất thải gây ô nhiễm đất canh tác, nguồn nước và môi trường xung quanh. Đặc biệt, trên địa bàn huyện có Cụm công nghiệp Vị Bình cần quan tâm đến vấn đề này.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trong Cụm công nghiệp Vị Bình, cũng như trong khu đô thị và khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện. Thông qua hệ thống quan trắc môi trường có thể đánh giá kịp thời, chính xác và kiểm soát được tình trạng chất lượng môi trường cũng như mức độ ô nhiễm môi trường tại các khu vực này.

- Đầu tư đồng bộ các công trình xử lý chất thải, rác thải ở các cụm công nghiệp, bệnh viện, khu đô thị, khu trung tâm cụm xã,... đảm bảo chất thải được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường, cụm công nghiệp chỉ được đưa vào hoạt động khi có khu xử lý nước thải hoàn chỉnh.

- Khuyến khích đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.1.3. Giải pháp bảo vệ và cải tạo đất đai

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất bằng cách chuyển đổi các mô hình sản xuất hiệu quả, giá trị gia tăng cao.

- Áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai thực tế trên địa

bàn huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất để sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp, tránh khai thác quá mức làm thoái hóa đất.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tổng hợp như sinh học, nông học, hóa học, cơ học... và đầu tư thâm canh sử dụng đất theo chiều sâu. Tái tạo lớp phủ thực vật để bảo vệ độ phì nhiêu của đất, thực hiện tuần hoàn hữu cơ trong đất. Trồng cây lâu năm có giá trị kinh tế, thương mại cao kết hợp quy trình canh tác đúng kỹ thuật nhằm cải tạo, làm tăng độ màu mỡ của đất, bảo vệ tài nguyên đất và môi trường sinh thái.

- Hạn chế sử dụng quá nhiều phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp – thủy sản, tích cực làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Phân bổ nguồn vốn ngân sách theo hướng tập trung ưu tiên các công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm trước. Đồng thời kiến nghị Tỉnh ưu tiên nguồn vốn và có chính sách cụ thể về thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đầu tư xây dựng các dự án như: *Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang, Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang...* Từ đó tạo động lực để tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đề ra.

- Trên cơ sở các danh mục kêu gọi đầu tư, cần xây dựng chính sách cụ thể hỗ trợ các nhà đầu tư đối với các dự án kêu gọi đầu tư (*Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy; Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy; Trường phổ thông liên cấp (tiểu học – trung học cơ sở - phổ thông trung học)* như: Ưu tiên cho vay vốn trung, dài hạn; hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi trong các thủ tục, giải phóng mặt bằng... Nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trong lĩnh vực này. Cũng như cân lựa chọn nhà đầu tư có tiềm lực tài chính cũng như kinh nghiệm tham gia trong các dự án công trình dự kiến tham gia đầu tư để quá trình triển khai có tính khả thi cao nhất.

- Tăng cường việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn Huyện; có biện pháp xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện dự án hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trong đó cần giám sát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sử dụng đất các dự án có vốn ngoài ngân sách đăng ký chuyển tiếp từ các năm trước. Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện việc cam kết thực hiện đúng theo kế hoạch sử dụng đất, đồng thời có biện pháp xử lý cụ thể đối với từng dự án thực hiện không đúng tiến độ.

- Có chính sách ưu đãi trong đầu tư đối với những hạng mục công trình có khả năng thực hiện dưới hình thức xã hội hoá. Bên cạnh đó, ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để xây dựng các công trình, địa phương sẽ tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các dự án phục vụ cho mục đích

công cộng.

- Thường xuyên cập nhật biến động đất đai, đây là cơ sở cho việc quản lý về đất đai nói chung và quy hoạch sử dụng đất nói riêng một cách hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế cao.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai đến từng người dân; Thực hiện cải cách các thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi để người sử dụng đất thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất phải thống nhất chặt chẽ từ huyện đến các xã, thị trấn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn huyện.

- Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất được duyệt để cho các tổ chức, cá nhân được biết; phổ biến công khai, tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng đất của tất cả các cơ quan, đơn vị, đất của các dự án được Nhà nước giao hoặc cho thuê. Kịp thời xử lý kiên quyết, dứt điểm đối với những dự án được giao, cho thuê đất nhưng không thực hiện đầu tư đúng thời gian quy định, sử dụng đất không hiệu quả, trái mục đích sử dụng được giao, gây lãng phí đất, tránh tình trạng lấn chiếm, sang nhượng đất trái phép.

- Thực hiện nghiêm kế hoạch sử dụng đất để công tác kế hoạch sử dụng đất thực sự trở thành công cụ quản lý nhà nước về đất đai. Việc xem xét nhu cầu sử dụng đất cho các đối tượng phải dựa trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Áp dụng các biện pháp cụ thể để quản lý, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật để người dân nắm vững Luật Đất đai, sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường. Quản lý sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt, nhất là khu vực sẽ chuyển mục đích sử dụng để tập trung cho phát triển kinh tế và chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ. Cập nhật kịp thời những thay đổi về thị trường đất đai để có kế hoạch đền bù thỏa đáng giúp sử dụng đất đúng theo kế hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất và triển khai trên từng địa phương, từng địa bàn, nhất là các địa bàn trọng điểm.

- Trong sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên, phải tạo ra được những đột phá và động lực phát triển cho từng ngành. Kết hợp tốt giữa đầu tư từ nguồn ngân sách với vốn của doanh nghiệp vào xây dựng các công trình trọng điểm về cơ sở hạ tầng, với vốn xã hội hoá về xây dựng cơ sở vật chất như trường học, bệnh viện, cơ sở văn hoá – thể thao. Riêng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và nội thị, cần phát huy mạnh mẽ phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

- Khi giao đất, cho thuê đất cần phải tính đến năng lực thực hiện các dự án của chủ đầu tư, để đảm bảo triển khai đúng tiến độ và khả thi.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm sử dụng đất đai hợp lý với hiệu quả kinh tế cao. Có biện pháp xử lý kịp thời và nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai.

4.4. Các giải pháp khác

- Tăng cường công tác đấu giá quyền sử dụng đất công nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách huyện.

- Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư nhằm thúc đẩy tiến độ thực hiện dự án, hạn chế việc khiếu nại, tố cáo của người dân. Xây dựng cơ chế tạo quỹ đất “sạch” theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Nhà nước chủ động thu hồi đất theo quy hoạch và kế hoạch, trong đó cần phải thu hồi cả phần diện tích đất phụ cận các dự án hạ tầng kỹ thuật, xây dựng, chỉnh trang khu đô thị, khu dân cư để đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh, tạo nguồn vốn cho phát triển. Đồng thời, ưu tiên cho người bị thu hồi đất được giao đất hoặc mua nhà trên diện tích đất đã thu hồi mở rộng (tái định cư tại chỗ) theo quy định của pháp luật. Khuyến khích sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, khắc phục tình trạng bỏ hoang đất đã giao và cho thuê.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi trong giao đất, cho thuê đất, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng thông thoáng, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án lớn, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ và du lịch.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai để các tổ chức và nhân dân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, để sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được xây dựng trên cơ sở tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, địa phương và căn cứ vào điều tra đánh giá hiện trạng sử dụng đất, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023; đồng thời là cơ sở để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là tài nguyên đất đai.

Báo cáo thuyết minh minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đã nghiên cứu toàn diện về: những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt và xác định những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân để làm cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 xác định được nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực, để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh, là căn cứ để thực hiện thu hồi đất chuyển mục đích sử dụng, giao đất, cho thuê đất, phát huy nguồn lực quan trọng để phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển bền vững.

Kết quả việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 xác định được ranh giới trên bản đồ, chi tiết hiện trạng sử dụng các loại đất, cụ thể từng dự án trên bản đồ,... Vì vậy, sẽ có nhiều thuận lợi trong quản lý đất đai, xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm, cập nhật biến động đất đai; tham mưu, đề xuất với các ngành, cấp trên; cơ bản đã đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương năm 2024, đảm bảo tính kế thừa, có cơ sở khoa học và mang tính khả thi.

Cơ cấu sử dụng đất năm 2024 của huyện gồm đất nông nghiệp là 20.104,01ha, giảm 212,25ha so với năm 2023 (chiếm 87,67% tổng diện tích tự nhiên); đất phi nông nghiệp 2.827,60ha, tăng 212,25ha so với năm 2023 (chiếm 12,33% tổng diện tích tự nhiên).

KIẾN NGHỊ:

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, UBND huyện kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang, các sở ban ngành quan tâm chỉ đạo, đầu tư kinh phí để thực hiện đồng bộ các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất của huyện. Đồng thời đầu tư, hỗ trợ kinh phí để huyện sớm hoàn thiện xây dựng nông thôn mới; các chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu, tình hình xâm nhập mặn; xây dựng hệ thống thu gom xử lý rác thải và bảo vệ môi trường.

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương; hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan hỗ trợ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư quan trọng, nhất là dự án về xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, xây dựng nông thôn mới, cơ sở thương mại - dịch vụ; tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại địa phương./.



PHẦN PHỤ BIỂU

*(Theo Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 01/CH:	Hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 02/CH:	Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm trước huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 06/CH:	Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 07/CH:	Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 08/CH:	Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 09/CH:	Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 10/CH	Danh mục công trình, dự án thực hiện trong năm 2024 của huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất các khu chức năng huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Biểu 13/CH:	Chu chuyển đất đai trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023 HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC
HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích kế hoạch bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6-5)	(7)=(5)/(4)*100
	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		22.931,61	22.931,61	22.931,61		100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	20.154,40	20.153,95	20.316,26	162,31	100,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	17.136,80	17.136,35	17.256,93	120,58	100,70
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>17.136,80</i>	<i>17.136,35</i>	<i>17.256,93</i>	<i>120,58</i>	<i>100,70</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	139,08	139,08	140,92	1,84	101,32
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.702,11	2.702,11	2.754,60	52,49	101,94
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	63,60	63,60	63,60		100,00
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>					
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	73,62	73,62	73,59	-0,03	99,96
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	39,19	39,19	26,62	-12,57	67,93
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.777,21	2.777,66	2.615,35	-162,31	94,16
2.1	Đất quốc phòng	CQP	13,24	13,24	13,13	-0,11	99,17
2.2	Đất an ninh	CAN	12,36	12,36	12,07	-0,29	97,65
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	20,97	21,36	6,06	-15,30	28,37
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,82	3,82	3,60	-0,22	94,24
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.931,84	1.931,72	1.854,35	-77,37	95,99
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>563,18</i>	<i>563,18</i>	<i>506,45</i>	<i>-56,73</i>	<i>89,93</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1.237,75</i>	<i>1.237,75</i>	<i>1.236,97</i>	<i>-0,78</i>	<i>99,94</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,21</i>	<i>2,21</i>	<i>0,36</i>	<i>-1,85</i>	<i>16,29</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>5,91</i>	<i>5,91</i>	<i>3,24</i>	<i>-2,67</i>	<i>54,82</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>66,22</i>	<i>66,22</i>	<i>56,70</i>	<i>-9,52</i>	<i>85,62</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>12,25</i>	<i>12,07</i>	<i>12,25</i>	<i>0,18</i>	<i>101,49</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>0,39</i>	<i>0,45</i>	<i>0,39</i>	<i>-0,06</i>	<i>86,67</i>
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,39</i>	<i>0,39</i>	<i>0,39</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>					
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	<i>0,14</i>	<i>0,14</i>	<i>0,14</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>3,57</i>	<i>3,57</i>	<i>3,57</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>8,93</i>	<i>8,93</i>	<i>8,93</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	<i>22,75</i>	<i>22,75</i>	<i>22,75</i>		<i>100,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>					
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>5,94</i>	<i>5,94</i>		<i>-5,94</i>	

STT	Chỉ tiêu	Mã	Kế hoạch được duyệt		Kết quả thực hiện		
			Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Diện tích kế hoạch bổ sung (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
						Tăng (+), Giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6-5)	(7)=(5)/(4)*100
-	Đất chợ	DCH	2,21	2,21	2,21		100,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	4,91	4,91	4,13	-0,78	84,11
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	14,34	14,34	8,07	-6,27	56,28
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	503,14	503,14	447,62	-55,52	88,97
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	54,04	54,04	47,77	-6,27	88,40
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,46	9,64	9,46	-0,18	98,13
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26	0,26	0,26		100,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,35	1,35	1,35		100,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	207,48	207,48	207,48		100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD					

Biểu 06/CH:

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				TT. Năng Mau	Xã Vị Trung	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thắng	Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Tường	Xã Vị Đông	Xã Vị Thanh	Xã Vị Bình
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(15)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	1,35			0,93	0,38	0,01				0,03	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	207,48	10,81	8,86	29,78	19,60	34,86	11,92	30,35	27,38	18,65	15,27
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC											
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
3	Đất chưa sử dụng	CSD											
II	Khu chức năng												
1	Đất khu công nghệ cao	KCN											
2	Đất khu kinh tế	KKT											
3	Đất đô thị	KDT	534,30	534,30									
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN	15.170,00	270,00	1.380,00	1.270,00	1.470,00	1.540,00	2.270,00	2.200,00	2.050,00	1.360,00	1.360,00
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN											
6	Khu du lịch	KDL											
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT											
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC	50,00										50,00
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC											
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM											
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	79,93		79,93								
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	1.376,04		246,93	97,38	147,11	151,33	123,00	214,67	154,89	123,71	117,02
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON											

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

Biểu 07/CH:

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: ha

[illegible]

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT. Nàng Mau	Xã Vị Trung	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thắng	Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Tường	Xã Vị Đông	Xã Vị Thanh	Xã Vị Bình
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU											
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	16,04	1,00	2,97	1,60	0,50	2,02	2,60	2,28	0,57	1,30	1,20
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS											
2.7	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU											
2.8	Đất trồng rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR(a)											
2.9	Đất trồng rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR(a)											
2.10	Đất trồng rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR(a)											
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR(a)</i>											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT											

Ghi chú - (a) gồm sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác.

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT. Nàng Mau	Xã Vị Trung	Xã Vị Thủy	Xã Vị Thắng	Xã Vĩnh Thuận Tây	Xã Vĩnh Trung	Xã Vĩnh Tường	Xã Vị Đông	Xã Vị Thanh	Xã Vị Bình
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(2)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp	NNP	172,28		90,39	2,48	1,45	9,46	10,57	9,63			48,30
	Trong đó:												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	123,00		56,10	1,20	0,36	8,03	8,03	6,28			43,00
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	123,00		56,10	1,20	0,36	8,03	8,03	6,28			43,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2,02		0,50	0,05		0,73	0,10	0,34			0,30
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47,11		33,64	1,23	1,09	0,70	2,44	3,01			5,00
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH											
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD											
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX											
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN											
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,15		0,15								
1.8	Đất làm muối	LMU											
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH											
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,60		6,94	0,72	0,40	1,04	2,03	2,77			1,70
	Trong đó:												
2.1	Đất quốc phòng	CQP											
2.2	Đất an ninh	CAN											
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD											
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC											
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX											
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	10,36		5,86	0,15	0,20	0,25	1,53	2,17			0,20

[illegible]

Biểu 09/CH:

KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh								
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh								
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng								
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất								
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất		0,06		0,06				
1	Dự án thành phần đoạn Cần Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021 – 2025 (đi दौर Đường dây 110kV 172 Vị Thanh - 131 ĐMT Hậu Giang - 171 Long Mỹ)	DNL	0,06		0,06	LUC	Xã Vị Thắng		Văn bản số 2084/STNMT-CCQLĐĐ về việc hoàn thiện hồ sơ cập nhật bổ sung vị trí thu hồi đất để phục vụ di dời các trụ điện ảnh hưởng Dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam, phía đông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện
2	Công trình, dự án còn lại								
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất		200,00	10,25	189,75				
*	Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023		140,68	10,25	130,43				
2	Khu đô thị mới phường V, thành phố Vị Thanh và ấp 7, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy	ONT, TMD, DGT, DKV	42,82		42,82	LUC, HNK, CLN, ONT, DTL	Xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 8	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
3	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	DGT	36,50		36,50	LUC, HNK, CLN, ONT, DTL, DGT	Xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường	Xã Vị Trung (2, 3, 4), xã Vĩnh Trung (5, 6, 7), xã Vĩnh Tường (2, 3, 11)	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
4	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	DGT	9,00	4,63	4,37	LUC, HNK, CLN, ONT, DTL, DGT	xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây	xã Vị Thủy (17), xã Vĩnh Thuận Tây (7, 8)	Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND ngày ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
5	Khu đô thị mới đường công vụ Ba Liên, huyện Vị Thủy	ONT, TMD, DGT, DKV, DYT, DGD	37,11		37,11	LUC, HNK, CLN, DTL, ONT	xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 2	Chuyển tiếp từ KHSDĐ năm 2023
6	Mở rộng, nâng cấp đô thị Việt Nam – Tiểu dự án thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (trên địa bàn huyện Vị Thủy)	DGT	1,64	1,54	0,10	CLN, ONT	xã Vị Thủy	Tờ bản đồ số 9	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
7	Nạo vét kênh trục tỉnh Hậu Giang	DTL	2,20		2,20	LUC, CLN, DTL, ONT	Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường	xã Vị Thắng (03, 04), xã Vĩnh Tường (01, 04, 06, 08, 11)	Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang
8	Trường phổ thông liên cấp (Tiểu học - Trung học cơ sở - Phổ thông trung học)	DGD	5,40		5,40	LUC, HNK, CLN, DTL	Xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 8	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
9	Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Trung tâm công tác xã hội tỉnh Hậu Giang	DXH	6,01	4,08	1,93	LUC, DTL	TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng	TT. Nàng Mau (01), xã Vị Thắng (01)	Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 17/06/2022 của HĐND tỉnh Hậu Giang

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
*	Công trình đăng ký mới năm 2024		59,32		59,32				
10	Cụm công nghiệp Vị Bình	SKN	50,00		50,00	LUC, HNK, CLN, ONT, DTL	Xã Vị Bình	tờ bản đồ số 21, 22, 26, 27, 53	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
11	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước tập trung Vị Thủy, huyện Vị Thủy (Nâng cấp công suất từ 35m3/h lên 300m3/h)	SKC	0,20		0,2	LUC	Xã Vị Thủy	Tờ bản đồ 20	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
12	Đầu tư GPMB hai bên đường tỉnh 931 để thực hiện dự án: Khu dân cư nông thôn mới xã Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy	ONT, DGT, TMD, SKC	9,03		9,03	LUC, HNK, CLN, DTL, ONT	xã Vĩnh Thuận Tây	Tờ bản đồ 22	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
13	Nhà văn hóa ấp 11, xã Vị Thắng	DVH	0,05		0,05	CLN, ONT	Xã Vị Thắng	Tờ số 3 thửa 1127, 1130 (cũ)	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
14	Đường dây 22kV đầu nối Nhà máy điện rác Hậu Giang vào Trạm biến áp 110kV Vị Thanh	DNL	0,04		0,04	CLN	Xã Vị Thắng		Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 của HĐND tỉnh Hậu Giang
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất		11,95	2,92	9,03				
*	Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023		7,39	2,92	4,47				
15	Trung tâm sát hạch lái xe	TMD, DKV, DGT	5,42	2,92	2,50	LUC, DTL	Xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 8	Chuyển tiếp từ KHSĐĐ năm 2023
16	Dự án liên kết phát triển nấm ăn ứng dụng công nghệ cao	NKH	1,40		1,40	CLN	Xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 8	Chuyển tiếp từ KHSĐĐ năm 2023
17	Cửa hàng xăng dầu Đại Danh	TMD	0,39		0,39	LUC	Xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 1024 và 1066 tờ bản đồ số 10	Quyết định 1279/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
18	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Vị Thủy	TSC	0,18		0,18	DTT	TT. Nàng Mau	Tờ 30, tờ 13 (cũ)	Quyết định 1387/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
*	Công trình đăng ký mới năm 2024		4,56		4,56				
19	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho hợp tác xã Kim Ngoan	TMD	0,76		0,76	LUC, HNK, CLN	Xã Vị Thắng	thửa 633, 645; 845 tờ bản đồ số 3	Quyết định 1846/UBND-NCTH ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh Hậu Giang
20	Cửa hàng xăng dầu Trọng Nhân 2	TMD	0,38		0,38	LUC	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 1120 và 1112 tờ bản đồ số 12	Quyết định 903/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hậu Giang
21	Cửa hàng xăng dầu Trứ Nhung	TMD	0,14		0,14	CLN, ONT	Xã Vị Thanh	Thửa 201 tờ 14; 2348 tờ 14; Thửa 1469 tờ 14; thửa 2159 tờ 14	
22	Khu du lịch cộng đồng Thanh Xuân Farm Stay	TMD	1,30		1,30	LUC, CLN	Xã Vị Trung	Thửa 556 và 1567 tờ bản đồ số 2	Quyết định 1692/UBND-NCTH ngày 2/22/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang
23	Dự án nuôi trồng, sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi	NKH	1,80		1,80	LUC	Xã Vị Trung	Thửa 24, 26, 633, 741, 832 tờ 01	Quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
24	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Liên hiệp Hợp tác xã Lúa gạo Xà No Mê Kông	TMD	0,18		0,18	LUC	Xã Vĩnh Tường	Thửa 1313 tờ bản đồ số 4	Công văn 4193/VP.UBND-NCTH ngày 16 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác		52,89	17,64	35,25				
a	Hạng mục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất								

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
*	Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2023								
25	Trường Tiểu học Vĩnh Thuận Tây 1	DGD	0,80	0,80		LUC	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 151 tờ bản đồ số 22	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
26	Trường THCS Vị Bình	DGD	1,00	1,00		LUC, CLN	xã Vị Bình	Thửa 136 tờ bản đồ số 26	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
27	Trường tiểu học Vị Thủy 1	DGD	0,30	0,30		CLN, DGD	xã Vị Thủy	Thửa 41 tờ bản đồ số 25	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
28	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường	DTS	0,08	0,08		DTT	TT. Nàng Mau	Tờ bản đồ số 13	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
29	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 2	DSH	0,09	0,09		DGD	Xã Vị Bình	Một phần thửa 53, 66 tờ bản đồ số 10	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
30	Nhà văn hóa ấp 1	DSH	0,03	0,03		DGD	Xã Vị Đông	Thửa 80 tờ bản đồ số 67	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
31	Nhà văn hóa ấp 2	DSH	0,19	0,19		DGD	Xã Vị Đông	Thửa 32 tờ bản đồ 104	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
32	Nhà văn hóa ấp 3	DSH	0,03	0,03		DGD	Xã Vị Đông	Thửa 100 tờ bản đồ số 105	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
33	Nhà văn hóa ấp 3A	DSH	0,14	0,14		DVH	Xã Vị Đông	Một phần thửa 120 tờ bản đồ số 84	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
34	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 7	DSH	0,19	0,19		DGD	Xã Vị Đông	Thửa 49 tờ bản đồ số 66	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
35	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vĩnh Thuận Tây	DVH	0,20	0,20		LUC	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 21 tờ bản đồ số 22	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
36	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 1, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,25	0,25		CLN, ONT	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 15 tờ bản đồ số 59	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
37	Nhà Văn hóa ấp 2, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,05	0,05		CLN	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 11 tờ bản đồ số 64	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
38	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 4, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,25	0,25		CLN, ONT, DSH	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 9 tờ bản đồ số 66	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
39	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp 5, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,25	0,25		CLN, ONT	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 323 (cũ) tờ bản đồ số 3	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
40	Nhà Văn hóa ấp 6, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,05	0,05		CLN, DGD	xã Vĩnh Thuận Tây	Thửa 12 tờ bản đồ số 41	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
41	Nhà Văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Tây	DSH	0,05	0,05		CLN	xã Vĩnh Thuận Tây	Tờ bản đồ số 2	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
42	Công an xã Vị Đông	CAN	0,19	0,19		LUC	xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 12	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
43	Trường tiểu học Vị Đông 1	DGD	1,02	1,02		LUC	xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 12	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
44	Trường tiểu học Vị Đông 3	DGD	0,10	0,10		LUC	Xã Vị Đông	Một phần thửa 102 tờ bản đồ số 67	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
45	Trường tiểu học Vị Đông 4	DGD	0,20	0,20		LUC	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 8	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
46	Trường THCS Vị Đông	DGD	0,10	0,10		CLN	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 6	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
47	Trường mầm non Vàng Anh	DGD	0,10	0,10		CLN, ONT	Xã Vị Thanh	Tờ bản đồ số 76	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
48	Công an xã Vị Bình	CAN	0,07	0,07		CLN, ONT	xã Vị Bình	Tờ bản đồ số 13	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
49	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy	SKC	0,09	0,09		SKC	Xã Vị Thanh	Thửa 71 tờ bản đồ số 57	Công văn số 13/HĐQT ngày 12/9/2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT Nông thôn tỉnh Hậu Giang
50	Trạm cấp nước tập trung liên xã Vị Đông, Vị Thanh, Vị Bình huyện Vị Thủy và xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A	SKC	0,10	0,10		SKC	Xã Vị Thanh	Tờ bản đồ số 14	Công văn số 13/HĐQT ngày 12/9/2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT Nông thôn tỉnh Hậu Giang
51	Nhà máy nước Nàng Mau	SKC	0,16	0,16		SKC	TT. Nàng Mau	Tờ bản đồ số 5	Công văn số 13/HĐQT ngày 12/9/2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước và VSMT Nông thôn tỉnh Hậu Giang
52	Công an xã Vị Thanh	CAN	0,13	0,13		CAN	Xã Vị Thanh	Thửa 225 tờ bản đồ số 75	Công văn số 1275/CAT-HC ngày 07/9/2022 của Công an tỉnh Hậu Giang
53	Công an xã Vị Trung	CAN	0,85	0,85		CAN	Xã Vị Trung	Tờ bản đồ số 3	Công văn số 1275/CAT-HC ngày 07/9/2022 của Công an tỉnh Hậu Giang
54	Khai thác Quỹ đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp	ODT	0,03	0,03			TT. Nàng Mau	Tờ bản đồ số 6	
*	Công trình đăng ký mới năm 2024								
55	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau phục vụ Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2021-2025	ODT, DGT, DKV, DTL	3,60	3,60		LUC, CLN, ONT	TT. Nàng Mau	Tờ bản đồ số 10	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
56	Khu tái định cư thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy	ODT, DGT	5,32	5,32		LUC	TT. Nàng Mau	Tờ bản đồ số 10	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
57	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vị Bình 1	DGD	0,69	0,69		LUC	Xã Vị Bình	Tờ 26	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
58	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Bình	DVH	0,29	0,29		LUC	Xã Vị Bình	Tờ 26	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
59	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 9B	DSH	0,16	0,16		LUC, CLN	Xã Vị Bình	Tờ bản đồ số 3	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
60	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp 4	DSH	0,10	0,10		LUC, CLN, ONT	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 1	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
61	Nhà văn hóa ấp 5	DSH	0,04	0,04		CLN, ONT	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 8	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
62	Nhà văn hóa ấp 8	DSH	0,05	0,05		HNK	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 11	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Số TT	Hạng mục	Mã loại đất	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số)	Căn cứ pháp lý
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất			
63	Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Vị Đông	DVH	0,30	0,30		LUC	Xã Vị Đông	Tờ bản đồ số 12	Công trình đã thu hồi đất, làm thủ tục giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
c	Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân								
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm	CLN	5,56		5,56	LUC, HNK	Các xã, thị trấn		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác	NKH	17,10		17,10	LUC, HNK, CLN	Các xã, thị trấn		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị	ODT	1,20		1,20	LUC, CLN	TT. Nàng Mau		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn	ONT	9,81		9,81	LUC, HNK, CLN	Các xã		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại dịch vụ	TMD	1,55		1,55	LUC, HNK, CLN	Các xã, thị trấn		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân
-	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,03		0,03	LUC, CLN	Các xã, thị trấn		Nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT CÁC KHU CHỨC NĂNG CỦA HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG[illegible]

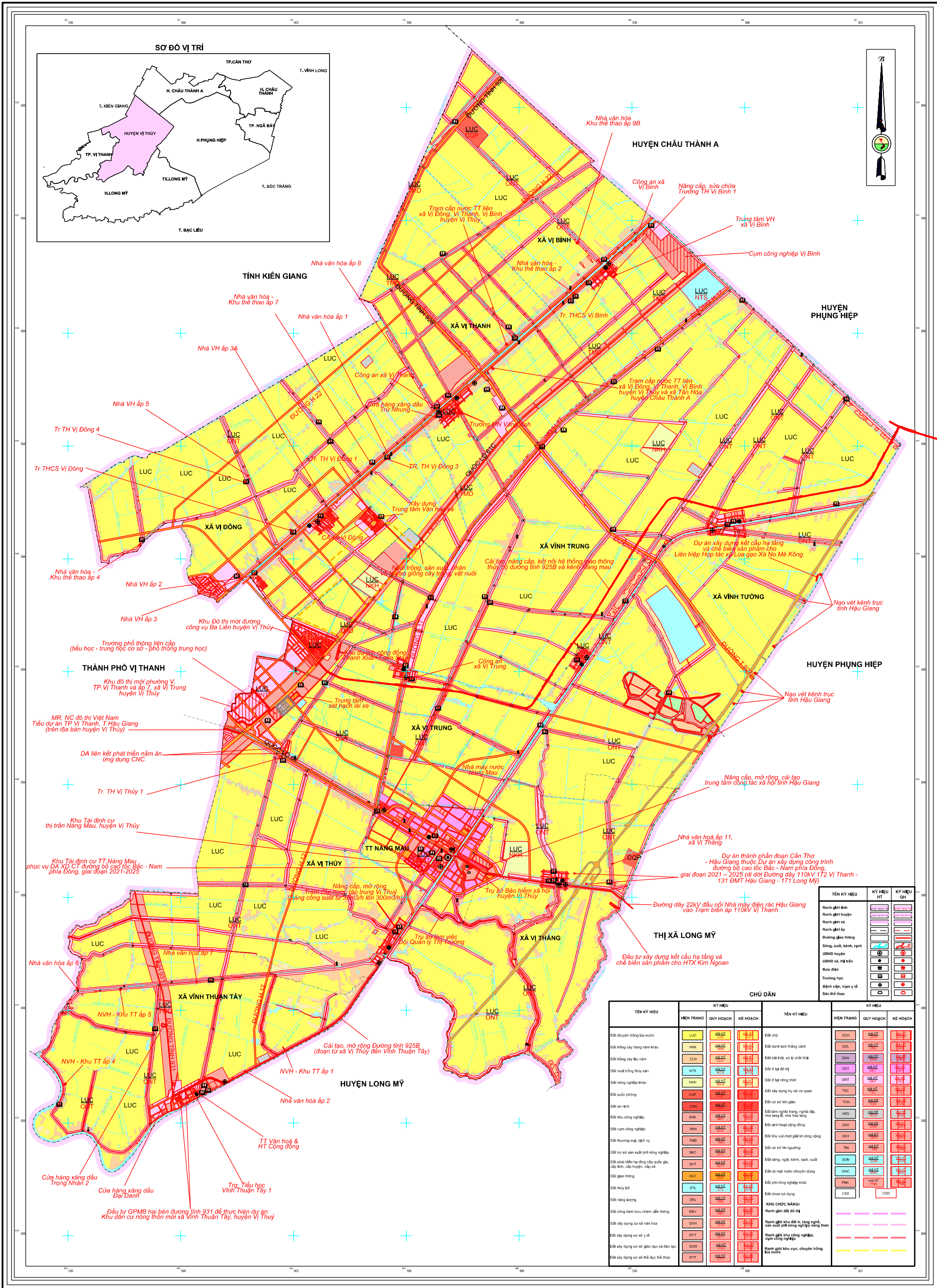
[illegible]

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

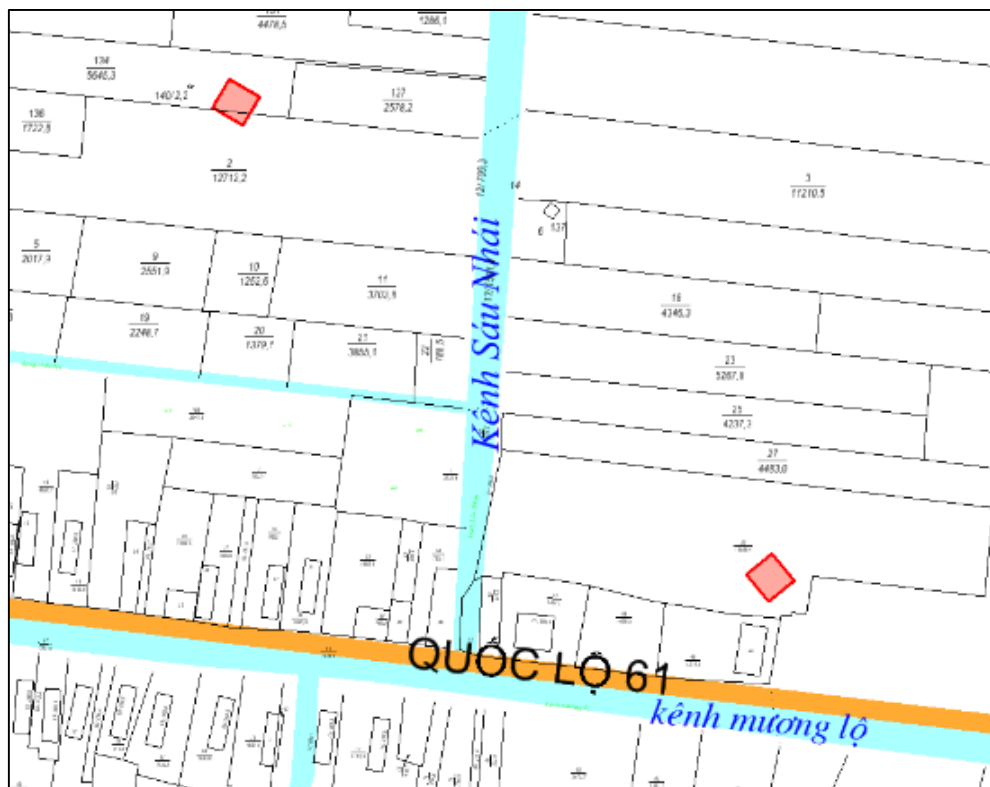
[illegible]

BẢN ĐỒ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG



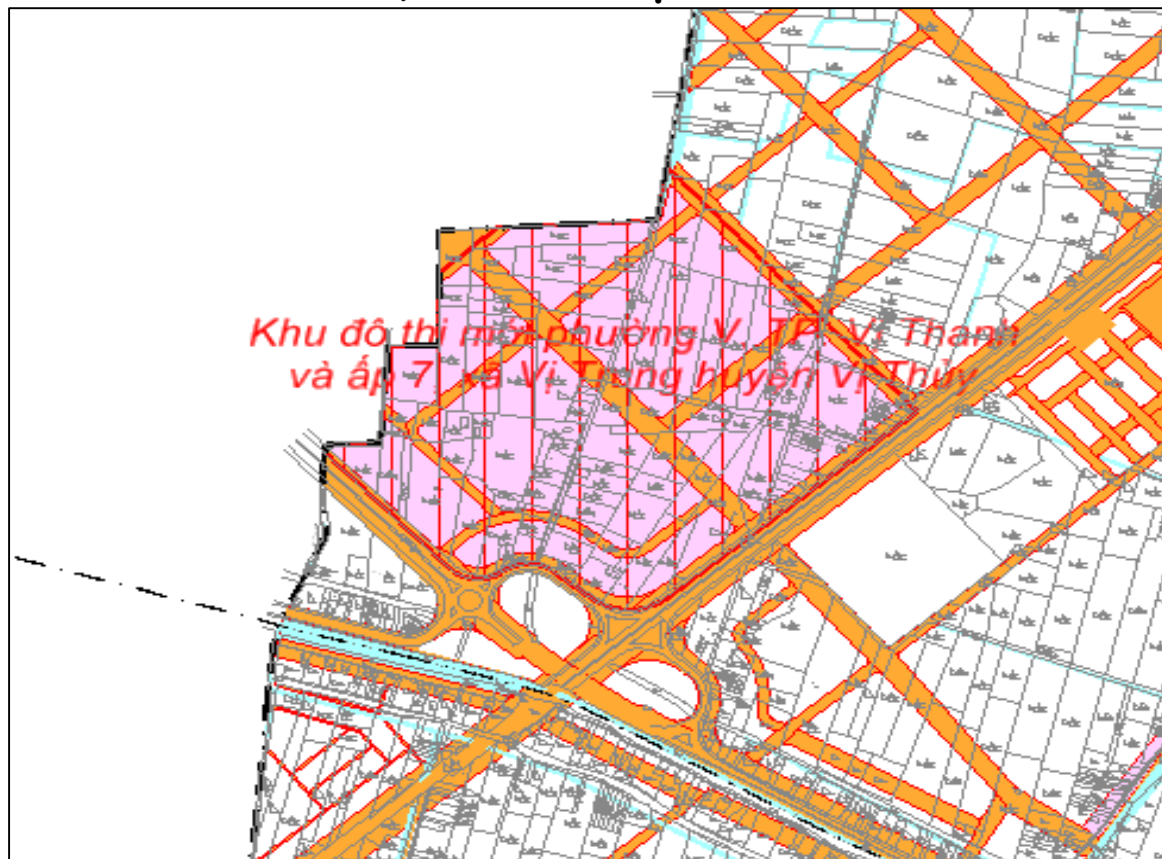
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
DỰ ÁN THÀNH PHẦN ĐOẠN CẦN THƠ
- HẬU GIANG THUỘC DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ CAO
TỐC BẮC - NAM PHÍA ĐÔNG, GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 (DI DỜI ĐƯỜNG
DÂY 110KV 172 VỊ THANH - 131 ĐMT HẬU GIANG - 171 LONG MỸ)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THẮNG



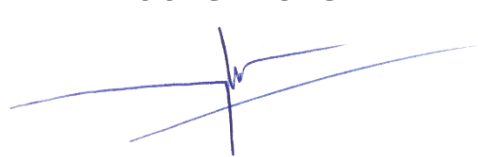
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thắng
- Số tờ bản đồ địa chính: Một phần thửa 134 tờ 9 + một phần thửa 2 tờ 15, một phần thửa 22 tờ 59
- Diện tích công trình/dự án: 0,06 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DNL

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

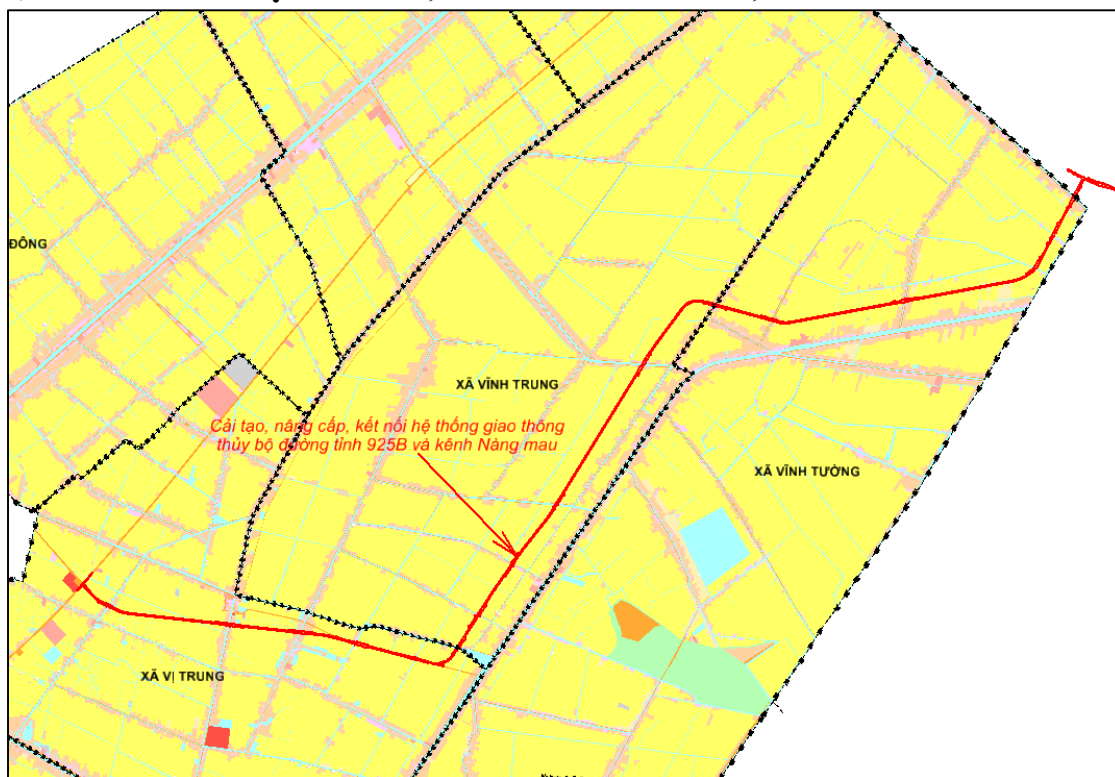
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
KHU ĐÔ THỊ MỚI PHƯỜNG V, THÀNH PHỐ VỊ THANH VÀ ÁP 7, XÃ
VỊ TRUNG, HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 08
- Diện tích công trình/dự án: 42,82 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ONT, TMD, DGT, DKV

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

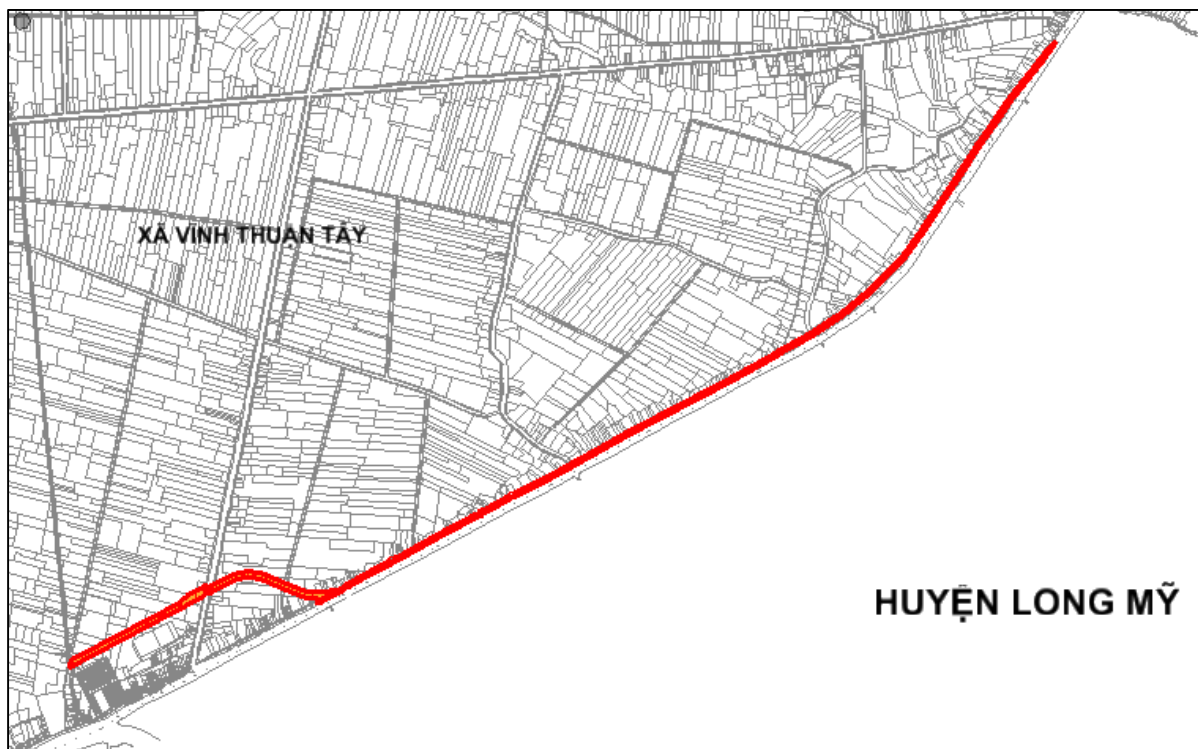
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CẢI TẠO, NÂNG CẤP, KẾT NỐI HỆ THỐNG GIAO THÔNG THỦY BỘ
ĐƯỜNG TỈNH 925B
VÀ KÊNH NÀNG MAU, TỈNH HẬU GIANG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG, XÃ VĨNH TRUNG, XÃ VĨNH TƯỜNG**



- Bản đồ hiện trạng: Xã Vị Trung, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Tường
- Số tờ bản đồ địa chính: Xã Vị Trung (tờ số 2, 3, 4), xã Vĩnh Trung (tờ số 5, 6, 7), xã Vĩnh Tường (tờ số 2, 3, 11)
- Diện tích công trình/dự án: 36,50 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGT

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

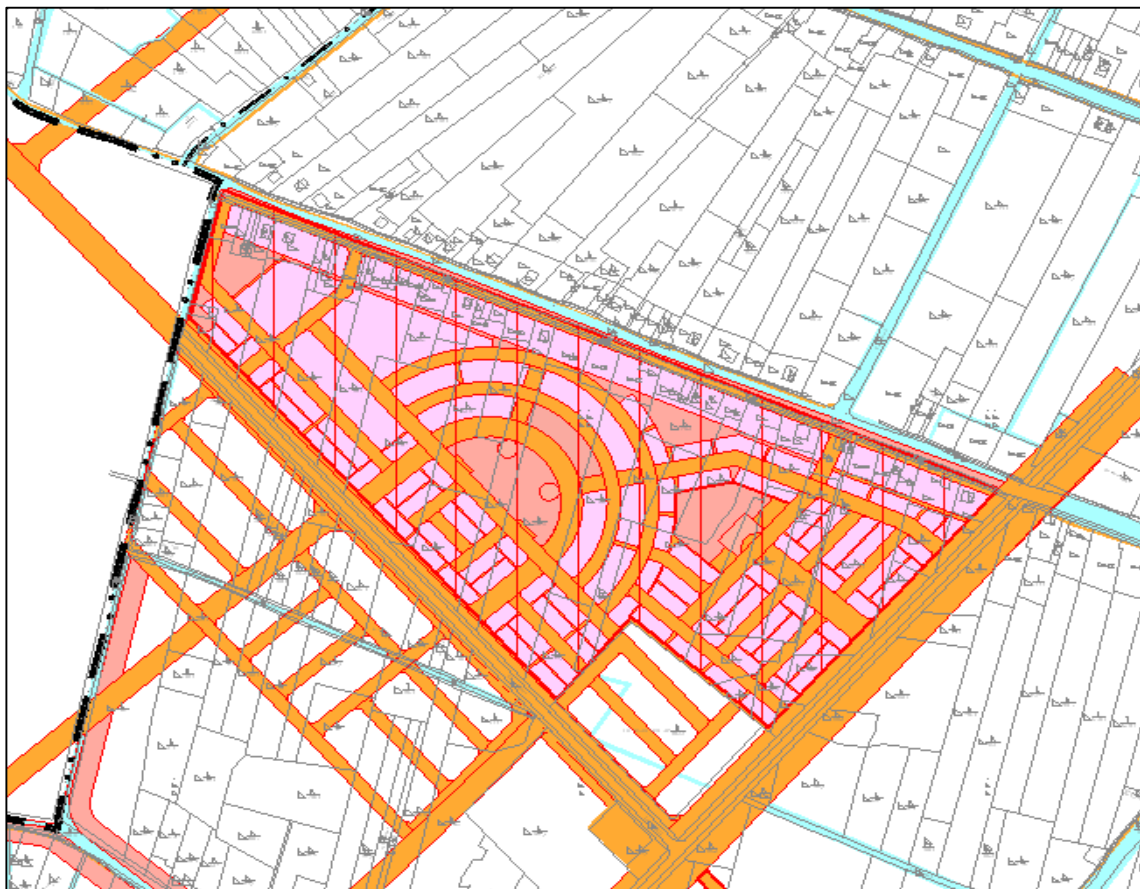
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CẢI TẠO, MỞ RỘNG ĐƯỜNG TỈNH 925B (ĐOẠN TỪ XÃ VỊ THỦY
ĐẾN VĨNH THUẬN TÂY)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THỦY, XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thủy, xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: xã Vị Thủy (tờ số 17), xã Vĩnh Thuận Tây (tờ số 7, 8)
- Diện tích công trình/dự án: 9,00 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGT

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
KHU ĐÔ THỊ MỚI ĐƯỜNG CÔNG VỤ BA LIÊN, HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



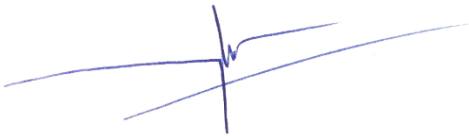
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 02
- Diện tích công trình/dự án: 37,11 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ONT, TMD, DGT, DKV, DYT, DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

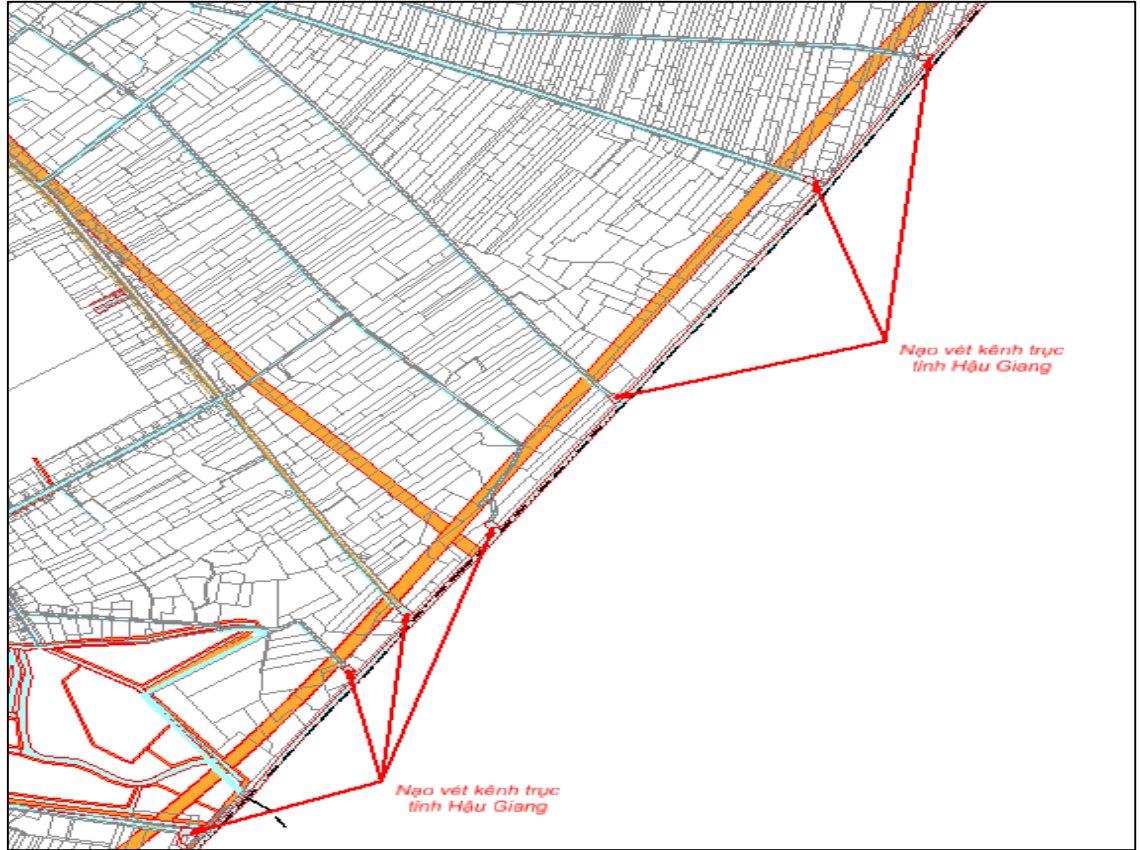
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
MỞ RỘNG, NÂNG CẤP ĐÔ THỊ VIỆT NAM - TIỂU DỰ ÁN
THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG
(TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN VỊ THỦY)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THỦY**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thủy
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 9
- Diện tích công trình/dự án: 1,64 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGT

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

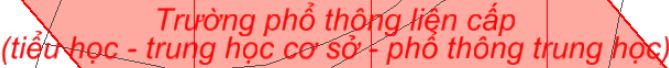
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NẠO VẾT KÊNH TRỤC TỈNH HẬU GIANG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THẮNG, XÃ VĨNH TƯỜNG**



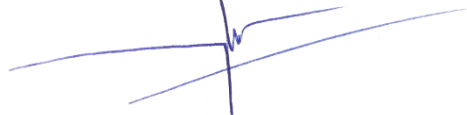
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thắng, xã Vĩnh Tường
- Số tờ bản đồ địa chính: xã Vị Thắng (tờ bản đồ số 03, 04), xã Vĩnh Tường (tờ bản đồ số 01, 04, 06, 08, 11)
- Diện tích công trình/dự án: 2,20 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DTL

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

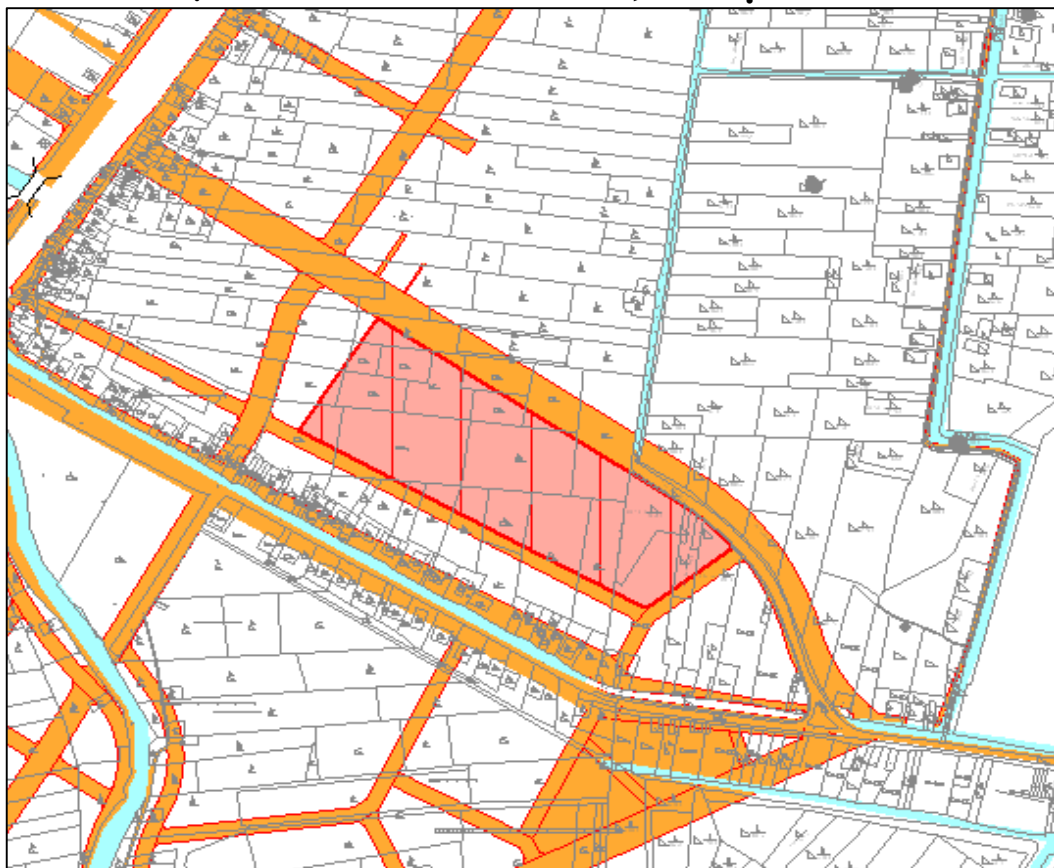
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG



- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHẬT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

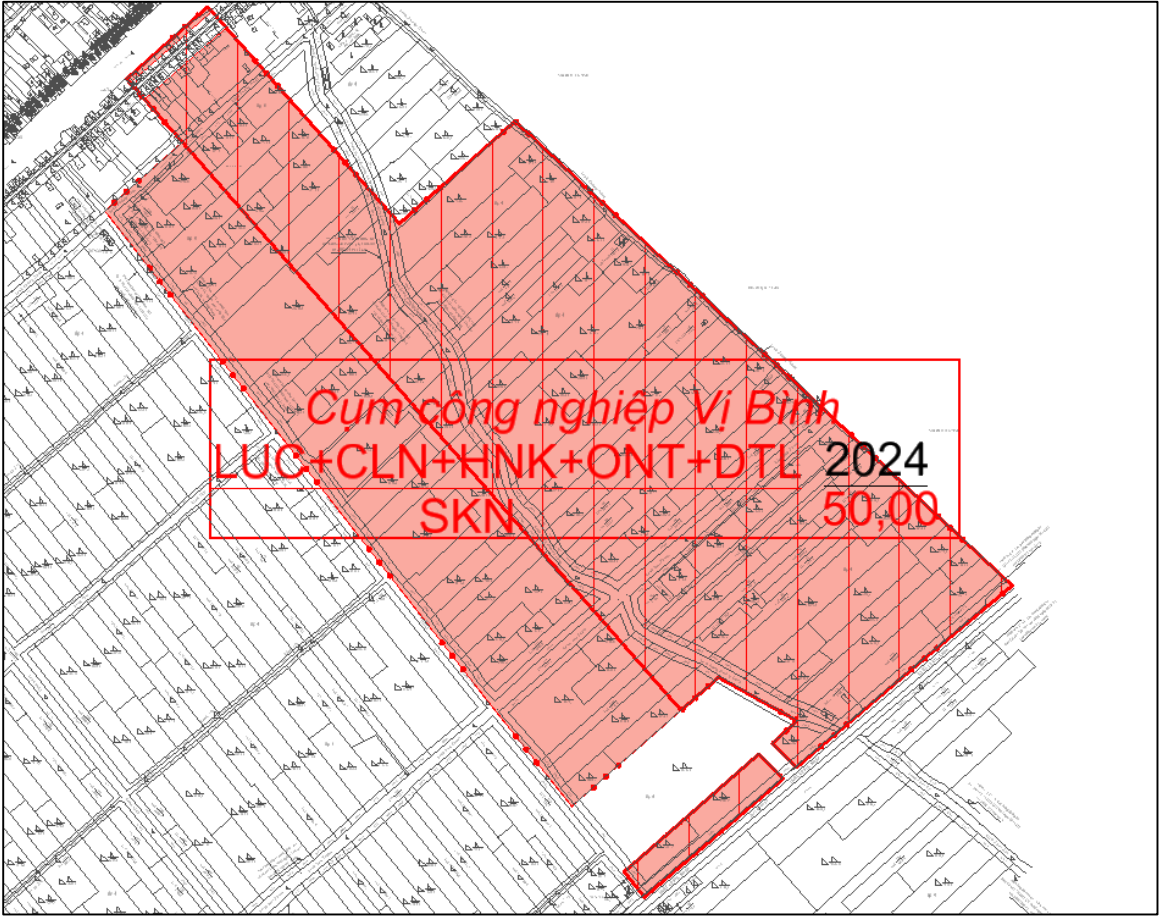
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG, CẢI TẠO TRUNG TÂM CÔNG TÁC XÃ HỘI
TỈNH HẬU GIANG
ĐỊA ĐIỂM: TT. NÀNG MAU, XÃ VỊ THẮNG**



- Bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau, xã Vị Thắng
- Số tờ bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau (01), xã Vị Thắng (01)
- Diện tích công trình/dự án: 6,01 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DXH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG	GIÁM ĐỐC
 NGUYỄN MINH NHỰT	 LÊ TIẾN DŨNG

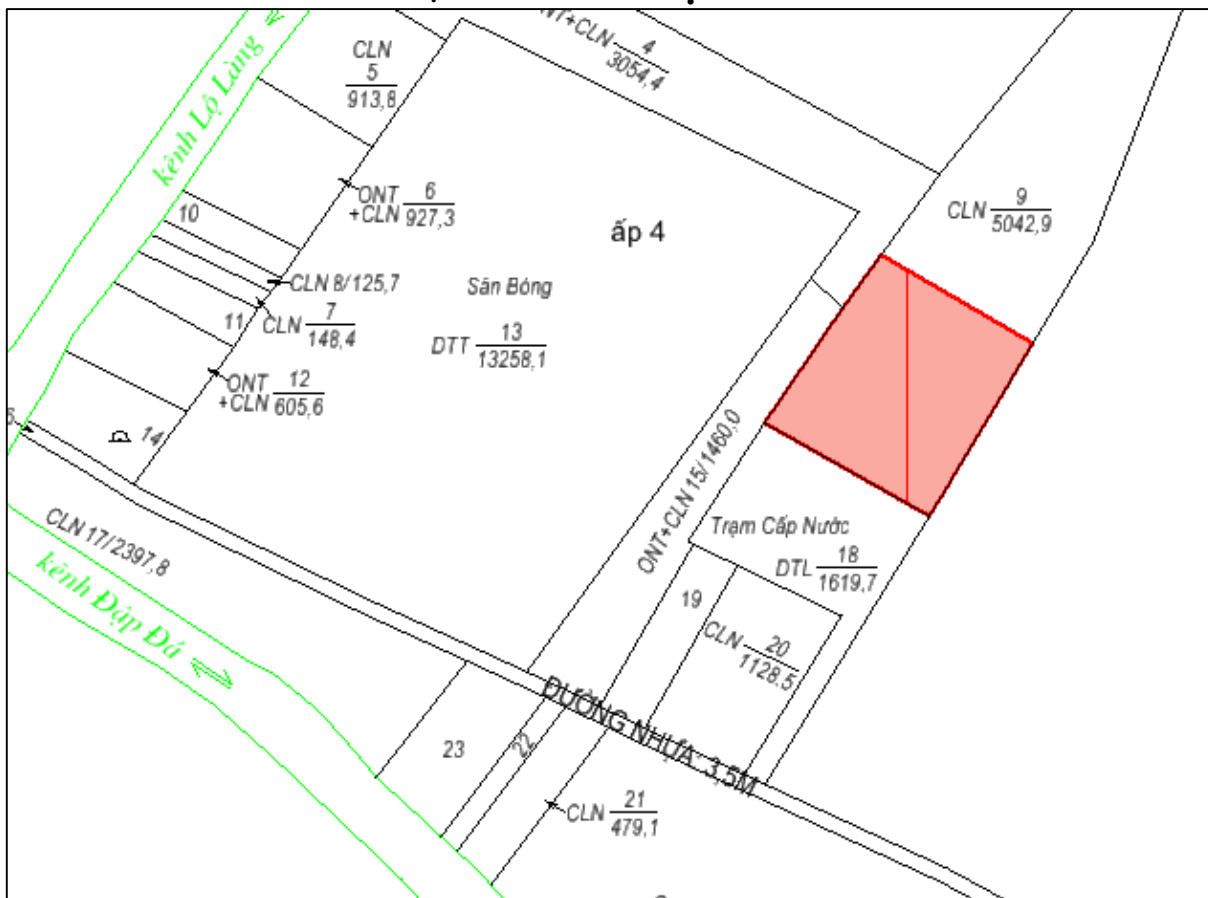
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CỤM CÔNG NGHIỆP VỊ BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH



- Bản đồ địa chính: Xã Vĩ Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 21, 22, 26, 27, 53
- Diện tích công trình/dự án: 50,00ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: SKN

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

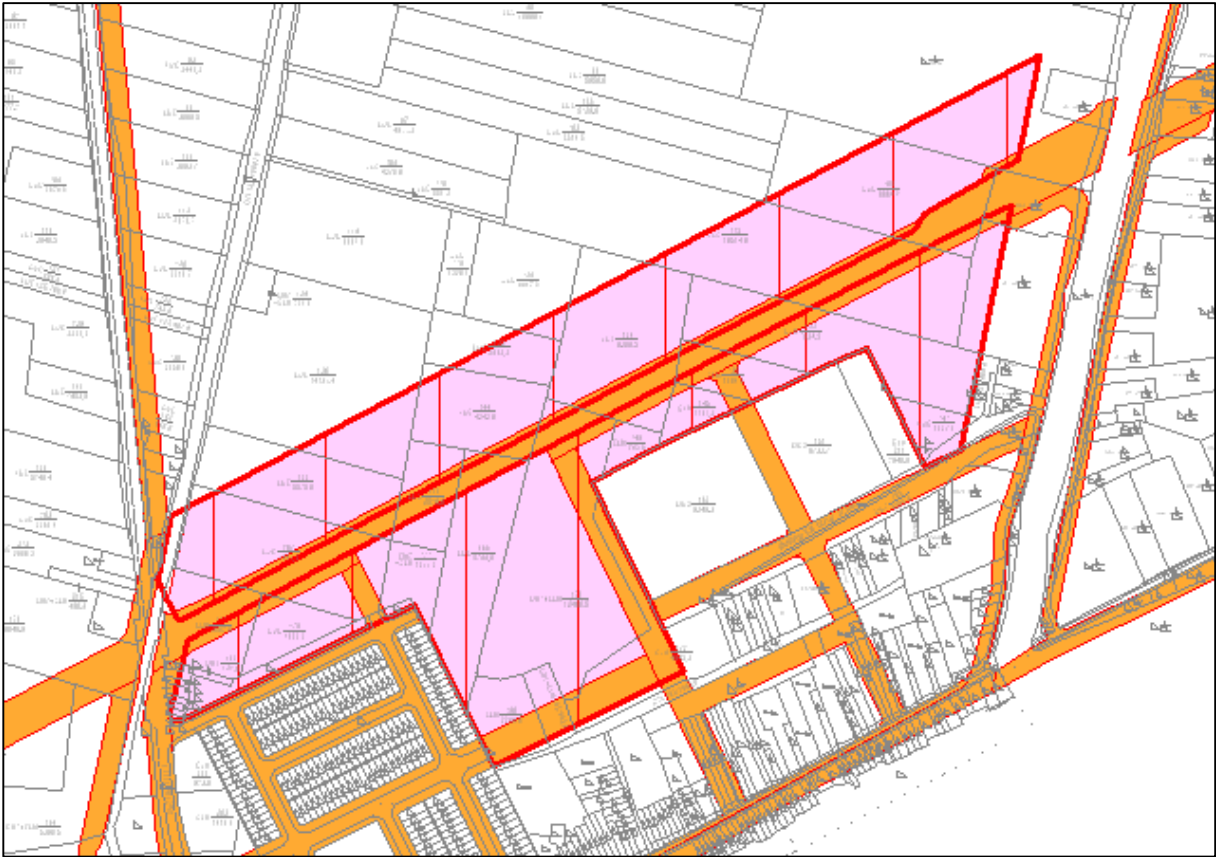
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NÂNG CẤP, MỞ RỘNG TRẠM CẤP NƯỚC TẬP TRUNG VỊ THỦY,
HUYỆN VỊ THỦY
(NÂNG CẤP CÔNG SUẤT TỪ 35M³/H LÊN 300M³/H)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THỦY**



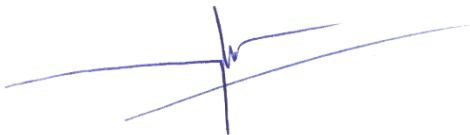
- Bản đồ địa chính: xã Vị Thủy
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 20 một phần thửa 9
- Diện tích công trình/dự án: 0,20 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: SKC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

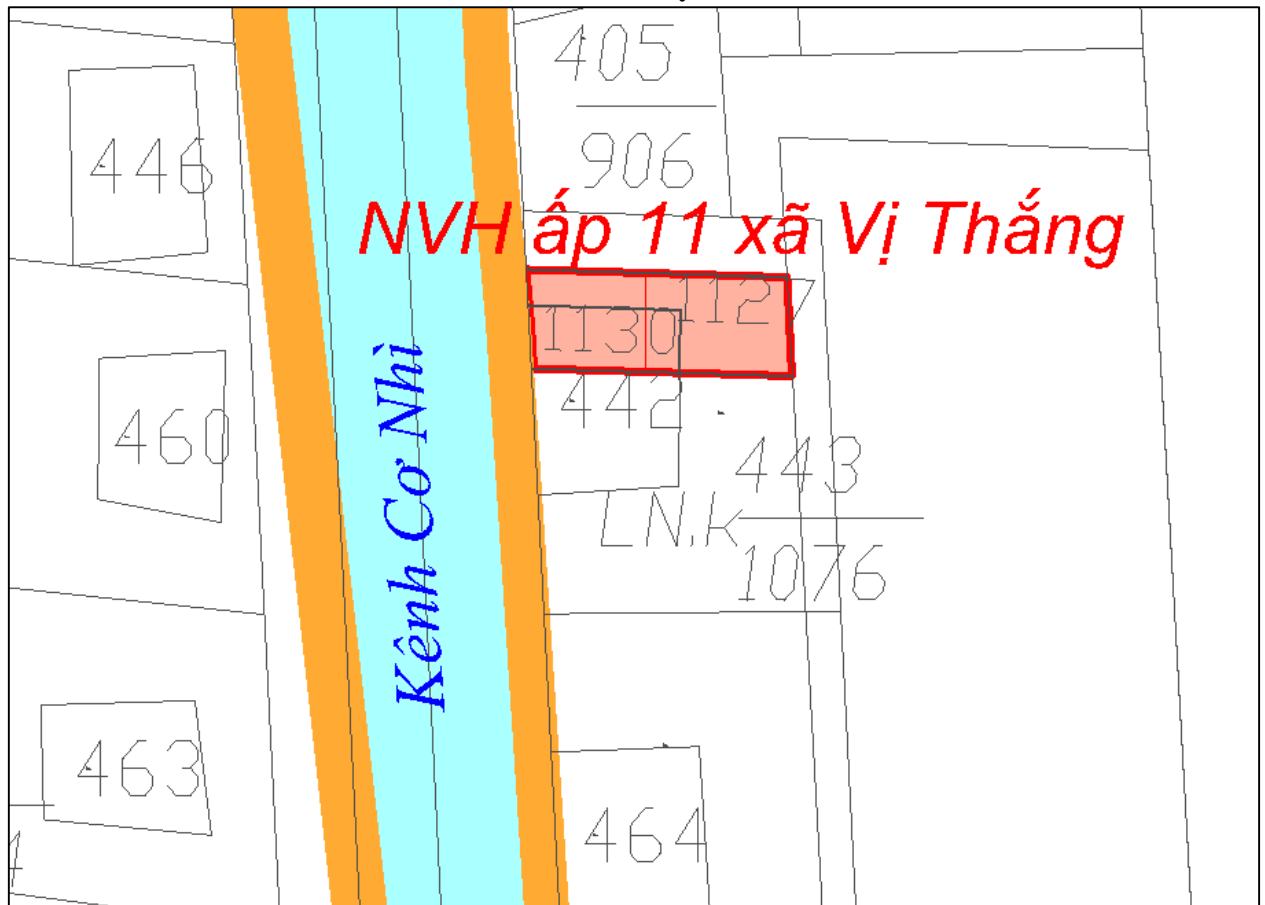
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ GPMB HAI BÊN ĐƯỜNG TỈNH 931 ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:
KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN MỚI XÃ VĨNH THUẬN TÂY,
HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



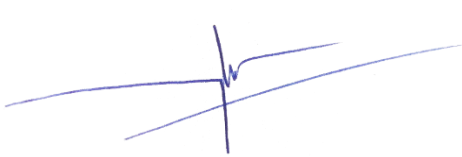
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 22
- Diện tích công trình/dự án: 9,03 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ONT, DGT, TMD, SKC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

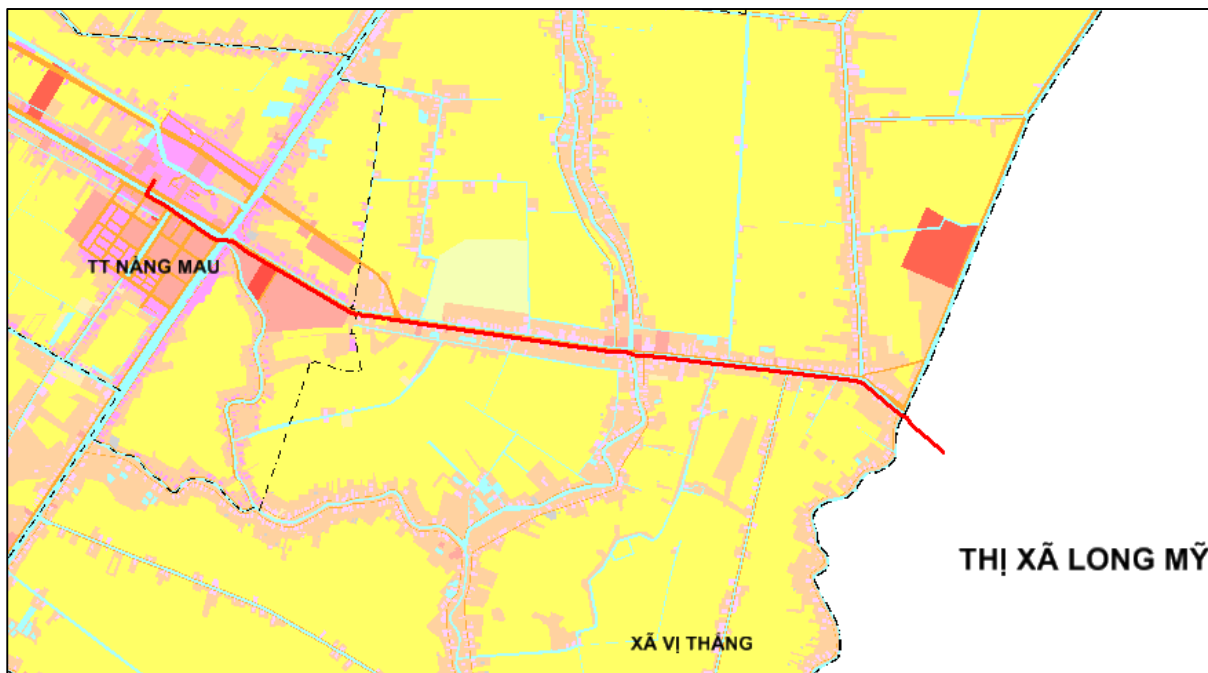
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 11, XÃ VỊ THẮNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THẮNG



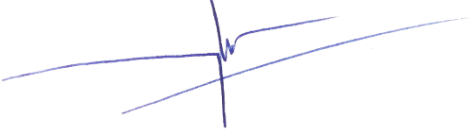
- Bản đồ địa chính: xã Vị Thắng
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 03 thửa 1127, 1130
- Diện tích công trình/dự án: 0,05 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

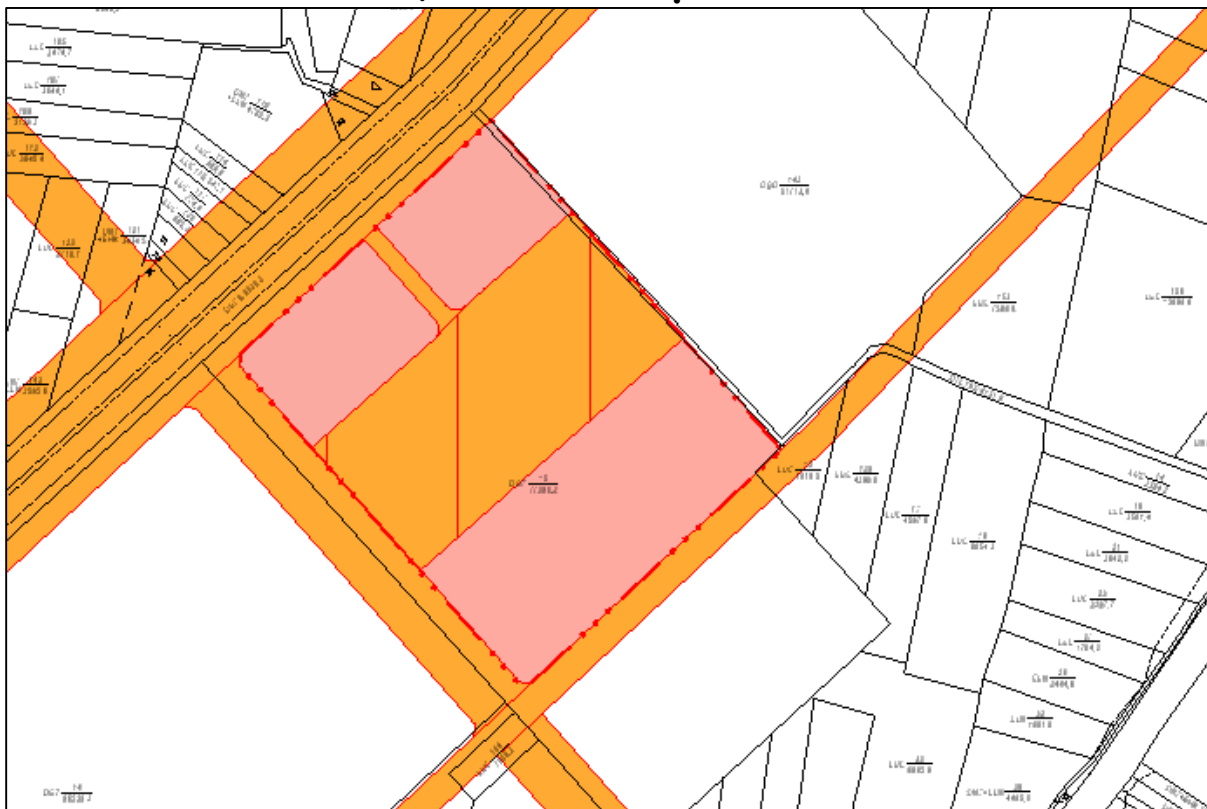
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐƯỜNG DÂY 22KV ĐẦU NỐI NHÀ MÁY ĐIỆN RÁC HẬU GIANG
VÀO TRẠM BIẾN ÁP 110KV VỊ THANH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THẮNG**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thắng
- Tờ bản đồ địa chính số: 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 67
- Diện tích công trình/dự án: 0,04 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DNL

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHẬT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRUNG TÂM SÁT HẠCH LÁI XE
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 08
- Diện tích công trình/dự án: 5,42ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGT, DKV, TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

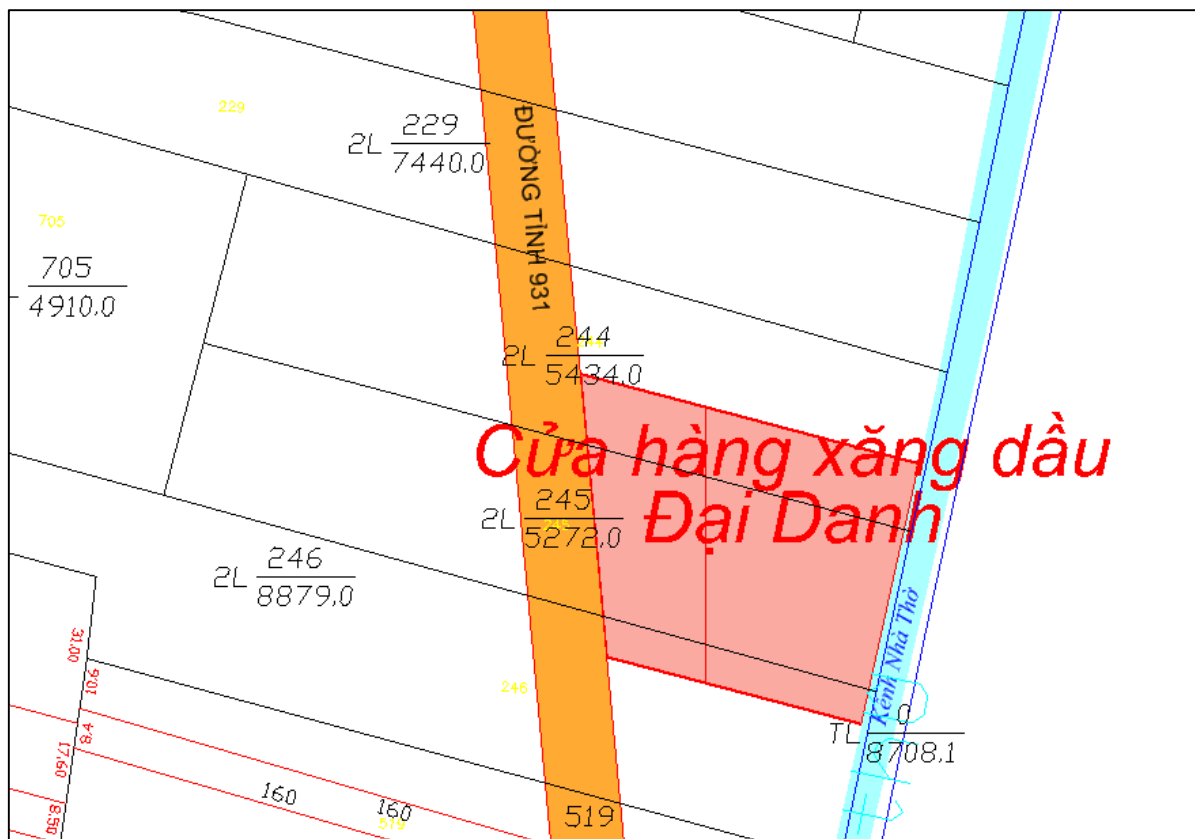
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 08
- Diện tích công trình/dự án: 1,40 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: NKH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHẬT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

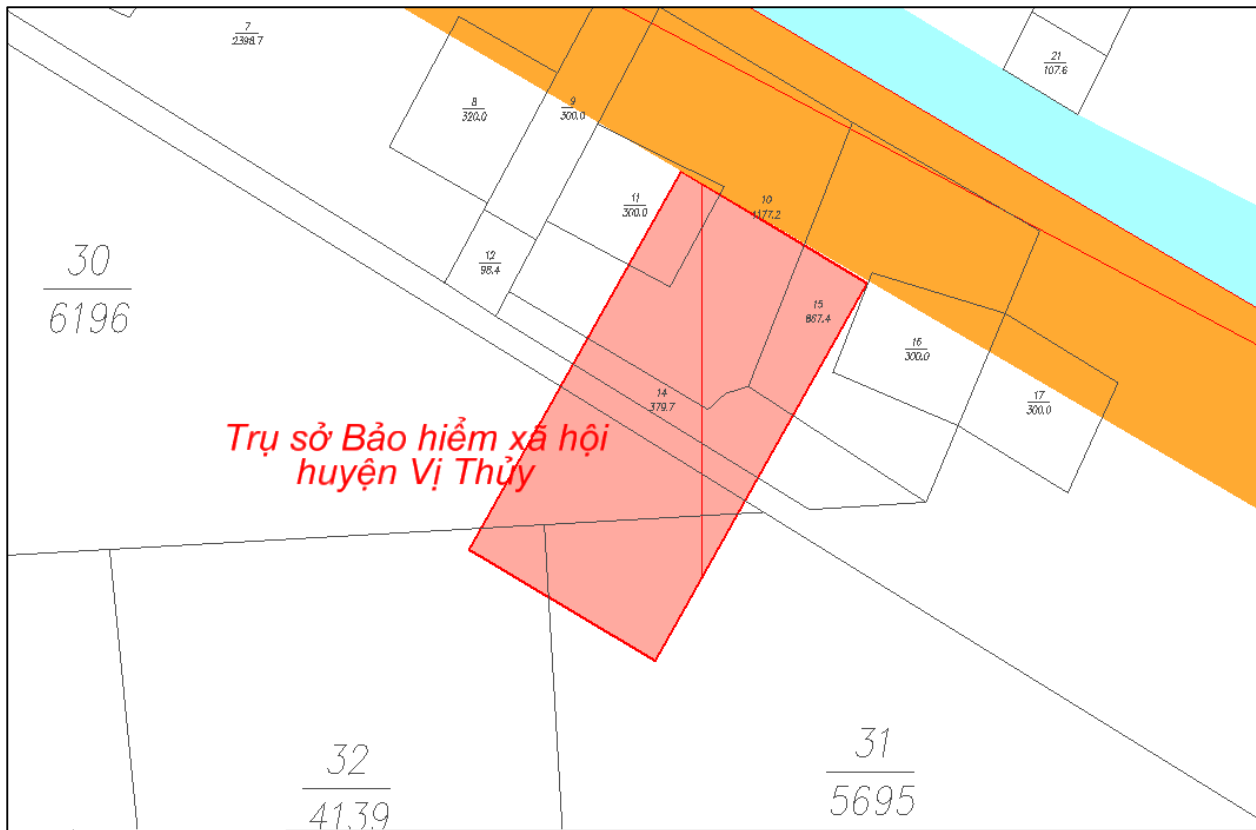
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CỬA HÀNG XĂNG DẦU ĐẠI DANH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



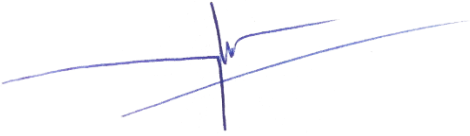
- Bản đồ địa chính: Xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 10
- Diện tích công trình/dự án: 0,39 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

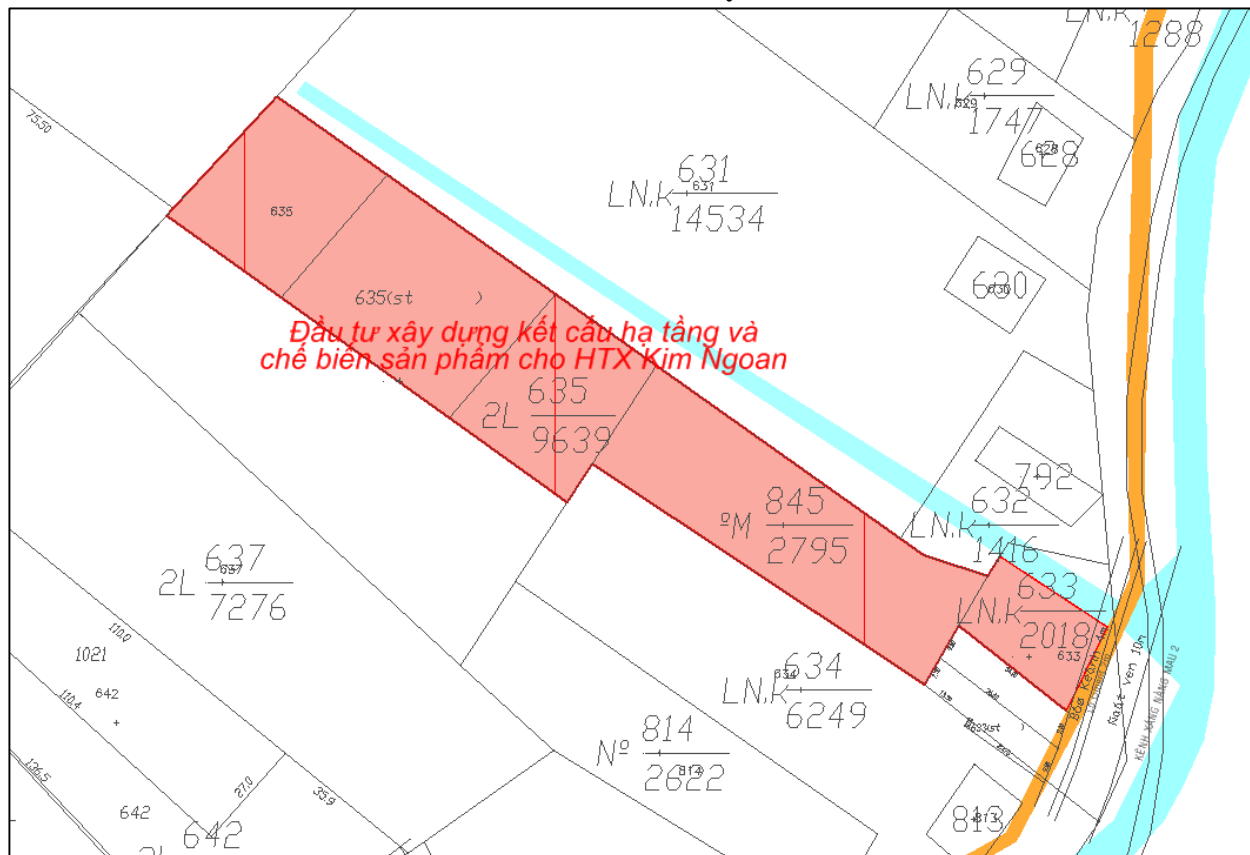
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRỤ SỞ BẢO HIỂM XÃ HỘI HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: TT. NÀNG MAU**



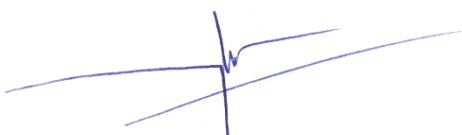
- Bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 13, 30
- Diện tích công trình/dự án: 0,18 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TSC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

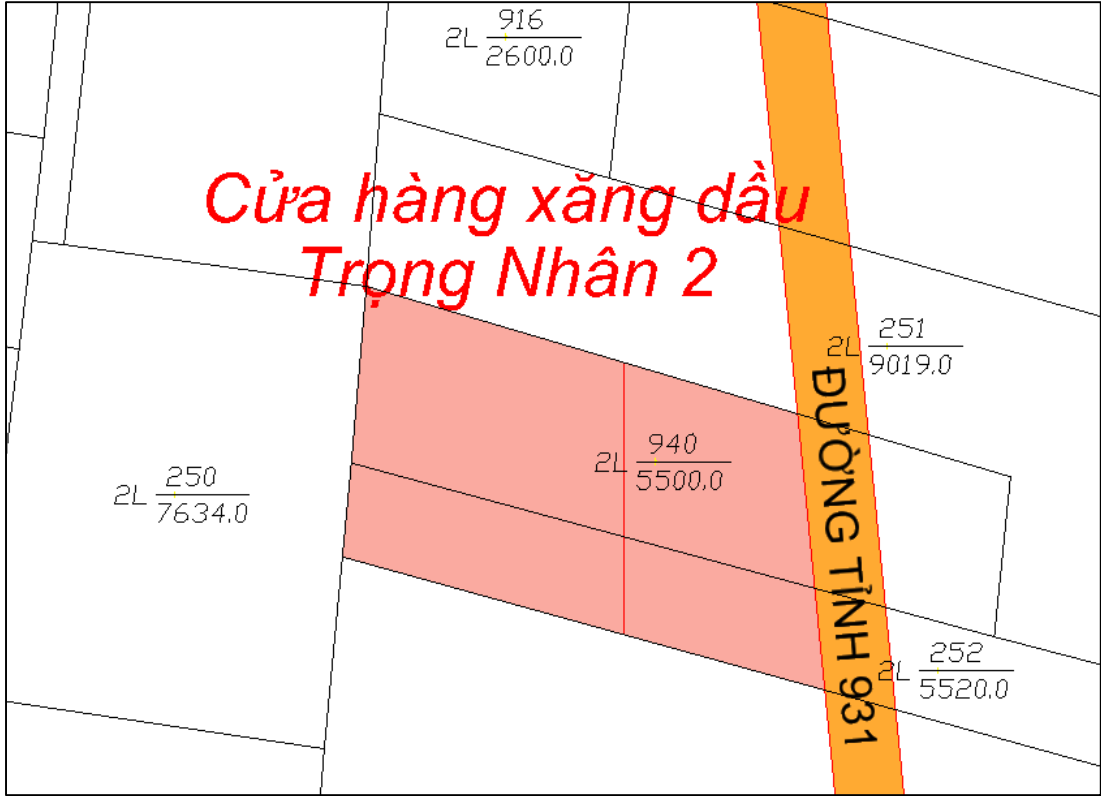
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM
CHO HTX KIM NGOAN
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THẮNG**



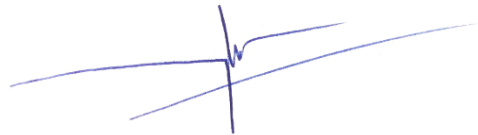
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thắng
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 3
- Diện tích công trình/dự án: 0,76 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CỬA HÀNG XĂNG DẦU TRỌNG NHÂN 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VINH THUẬN TÂY



- Bản đồ địa chính: xã Vinh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: Thửa 1024 và 1066 tờ bản đồ số 10 (cũ)
- Diện tích công trình/dự án: 0,38 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

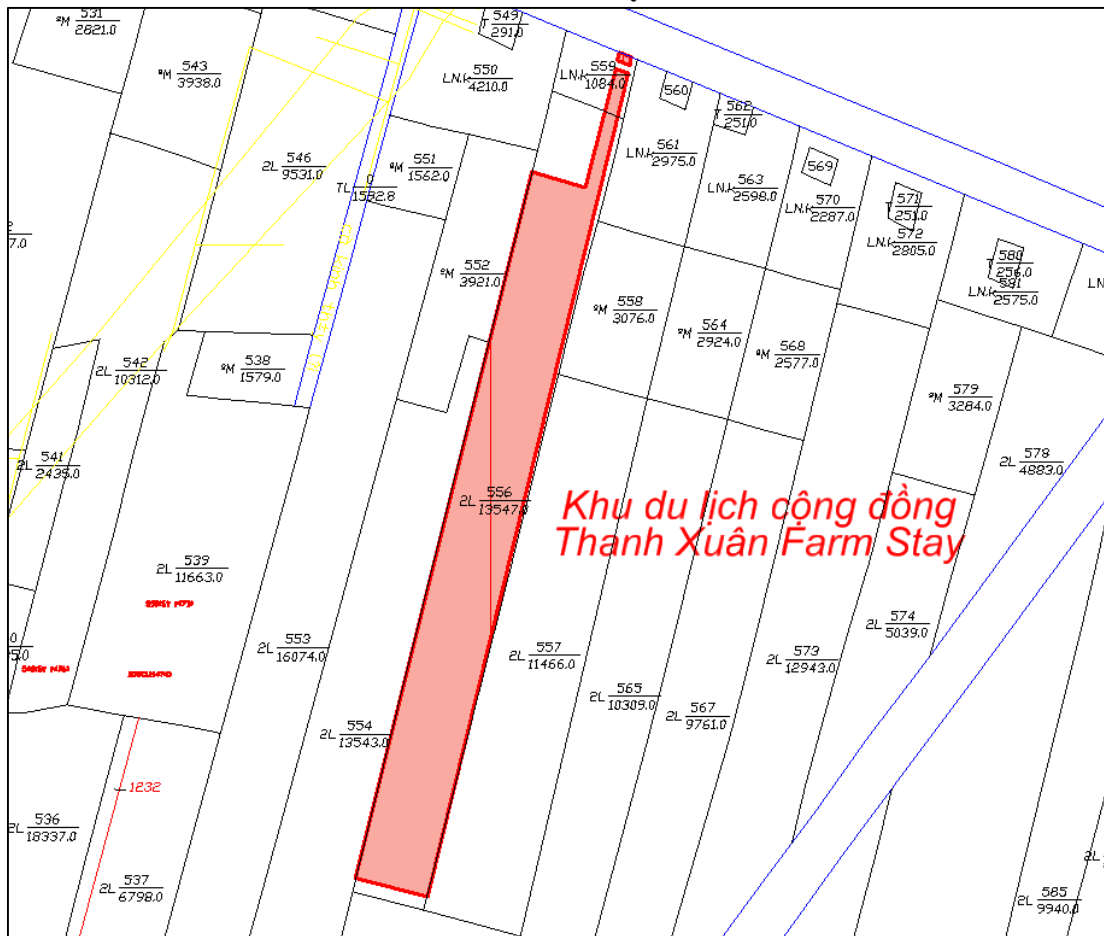
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CỬA HÀNG XĂNG DẦU TRÚ NHUNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THANH**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thanh
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 14
- Diện tích công trình/dự án: 0,14 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
KHU DU LỊCH CỘNG ĐỒNG THANH XUÂN FARM STAY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



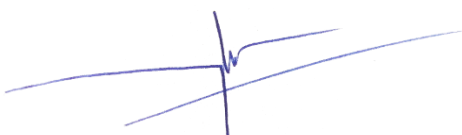
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 2
- Diện tích công trình/dự án: 1,30 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

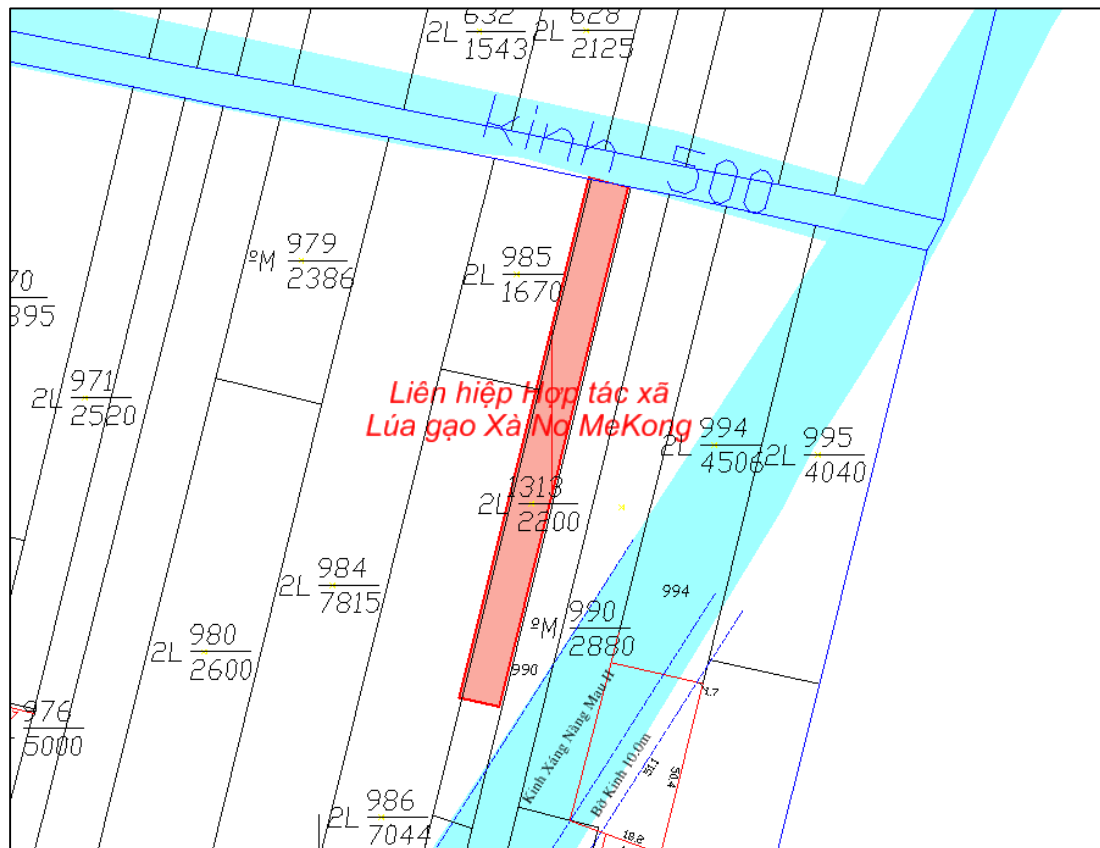
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
DỰ ÁN NUÔI TRỒNG, SẢN XUẤT, NHÂN VÀ LAI TẠO GIỐNG CÂY
TRỒNG, VẬT NUÔI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 1
- Diện tích công trình/dự án: 1,80 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: NKH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

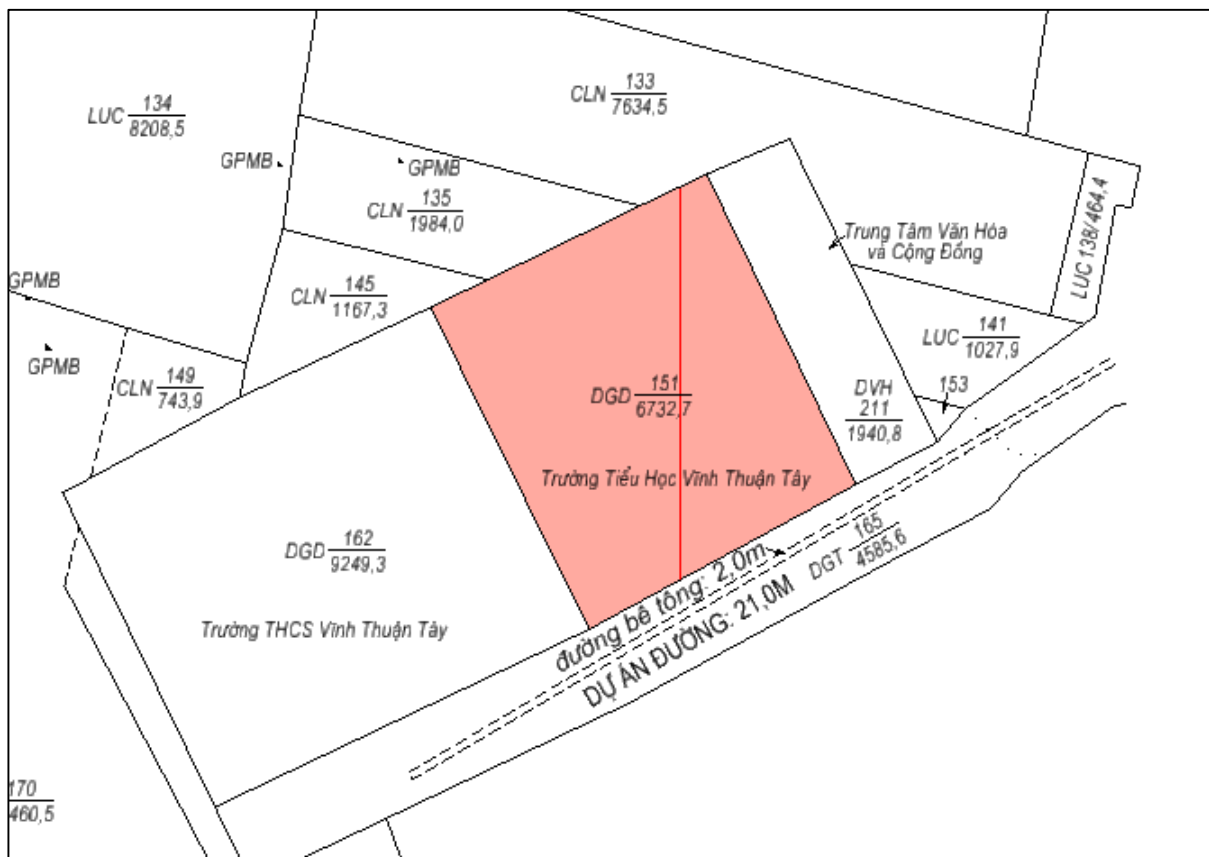
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ CHẾ BIẾN SẢN PHẨM
CHO LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ LÚA GẠO XÀ NÔ MÊ KÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH TƯỜNG**



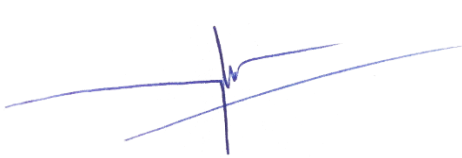
- Bản đồ địa chính: Xã Vĩnh Tường
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 4
- Diện tích công trình/dự án: 0,18 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

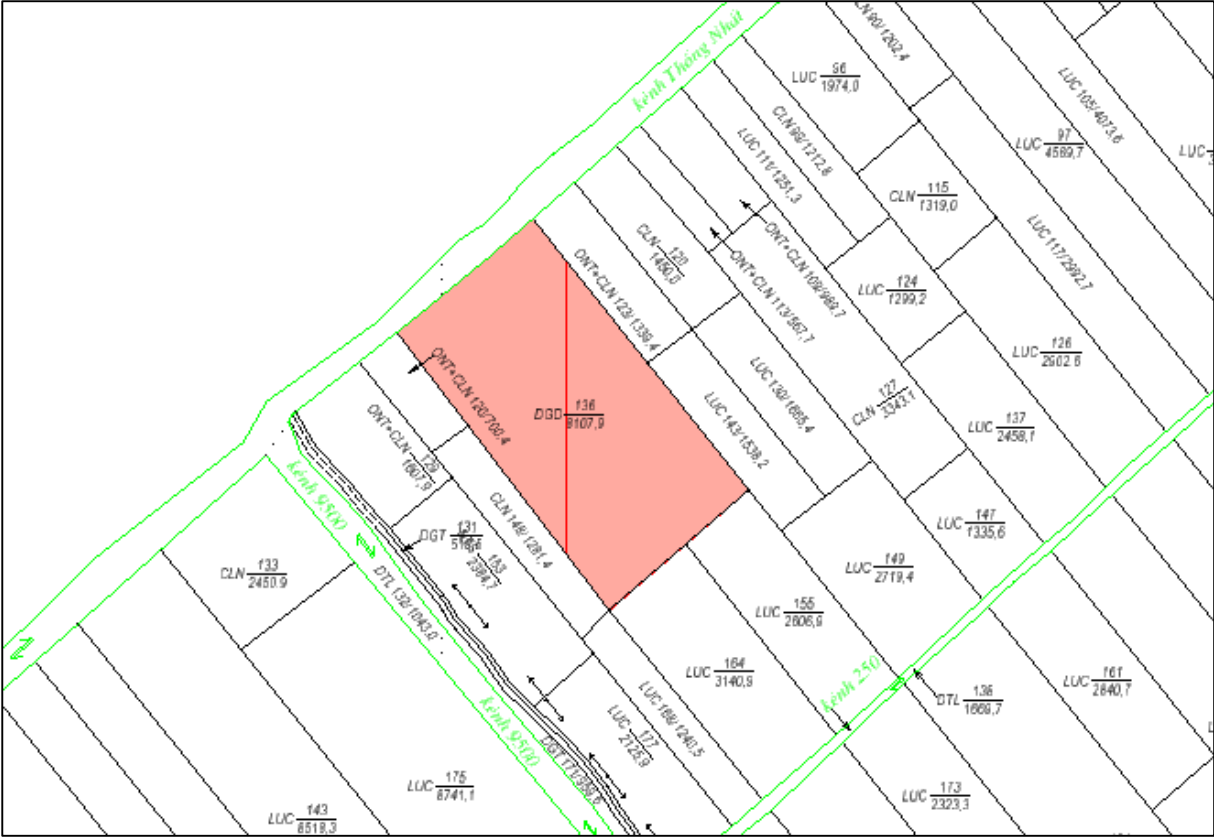
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH THUẬN TÂY 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



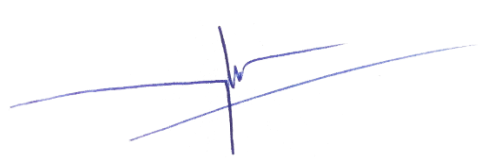
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 22
- Diện tích công trình/dự án: 0,80 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

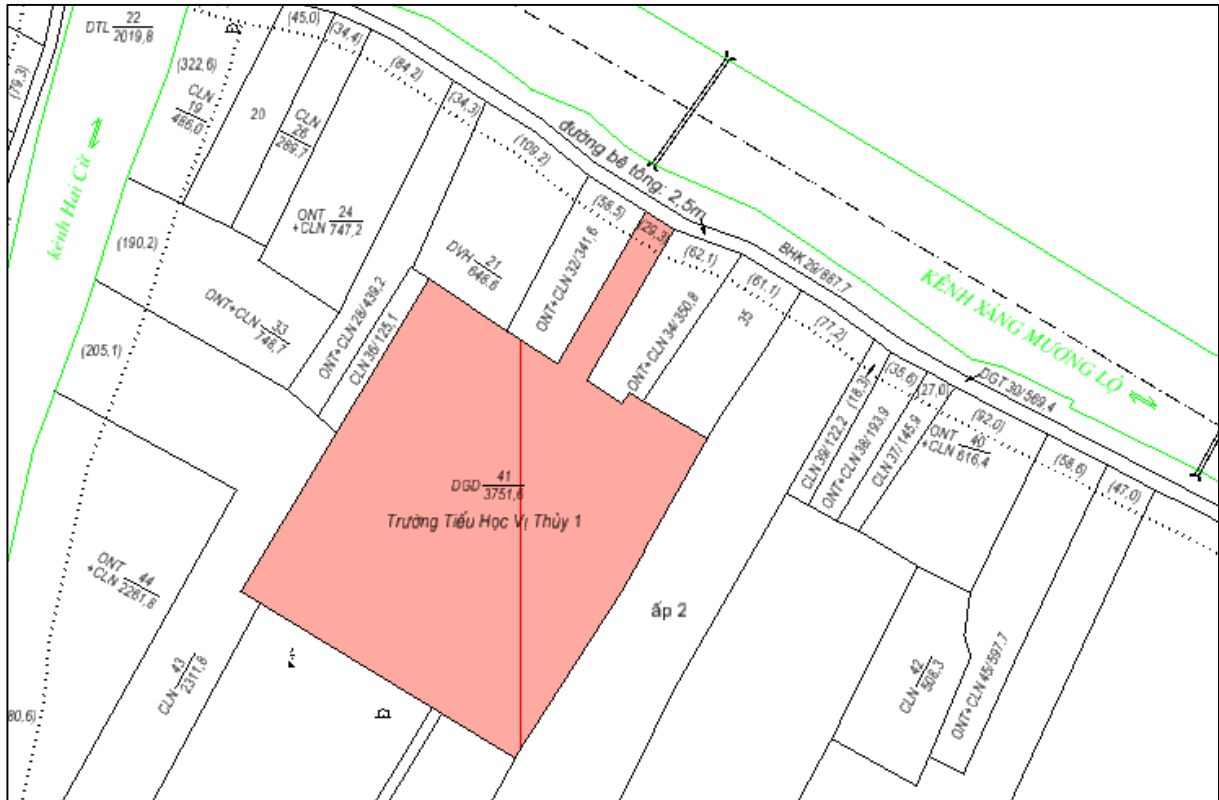
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG THCS VỊ BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH



- Bản đồ địa chính: xã Vị Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ số 26
- Diện tích công trình/dự án: 1,00 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

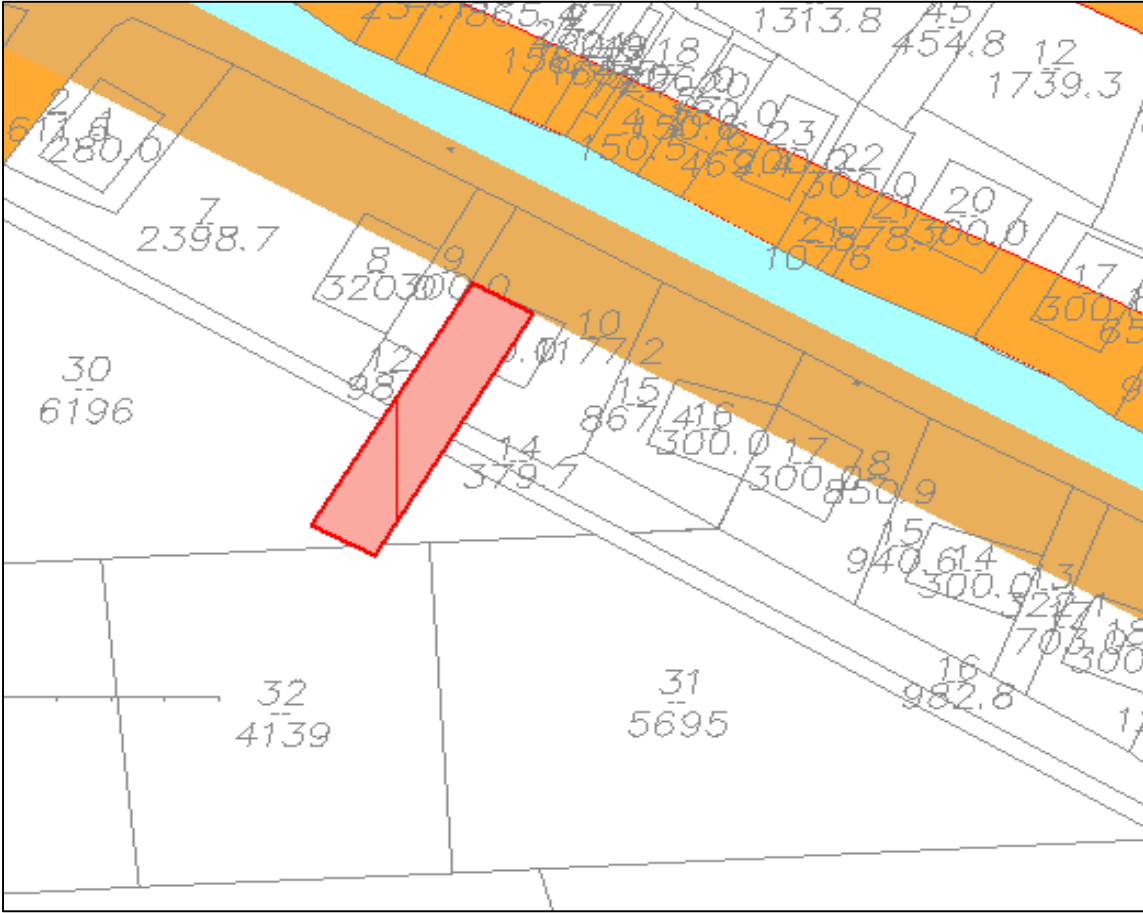
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG TIỂU HỌC VỊ THỦY 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THỦY**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thủy
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 25
- Diện tích công trình/dự án: 0,30 ha
- Loại đất hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRỤ SỞ LÀM VIỆC ĐỘI QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
ĐỊA ĐIỂM: TT. NÀNG MAU



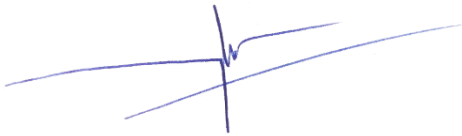
- Bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 13
- Diện tích công trình/dự án: 0,08 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DTS

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

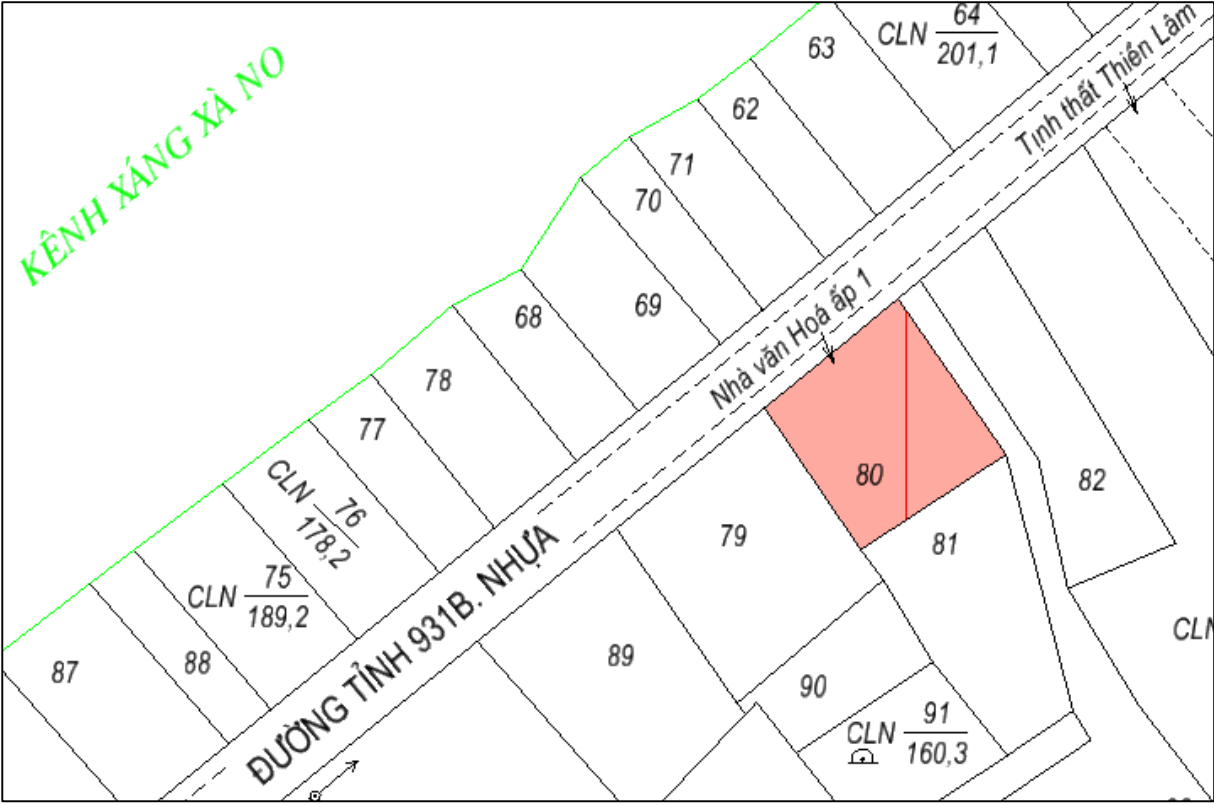
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAO ẤP 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH



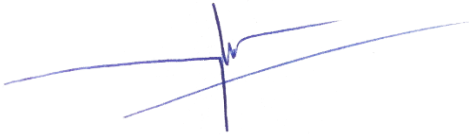
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 10
- Diện tích công trình/dự án: 0,09 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

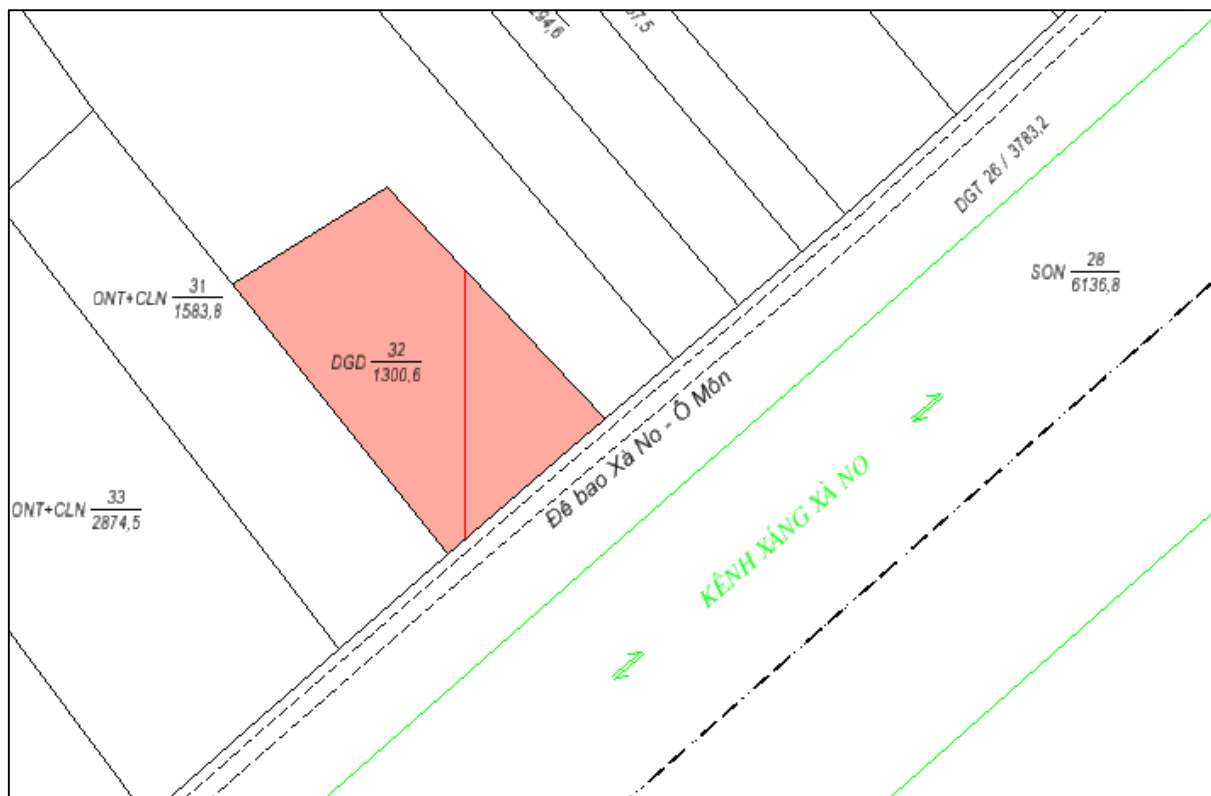
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 67
- Diện tích công trình/dự án: 0,03ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

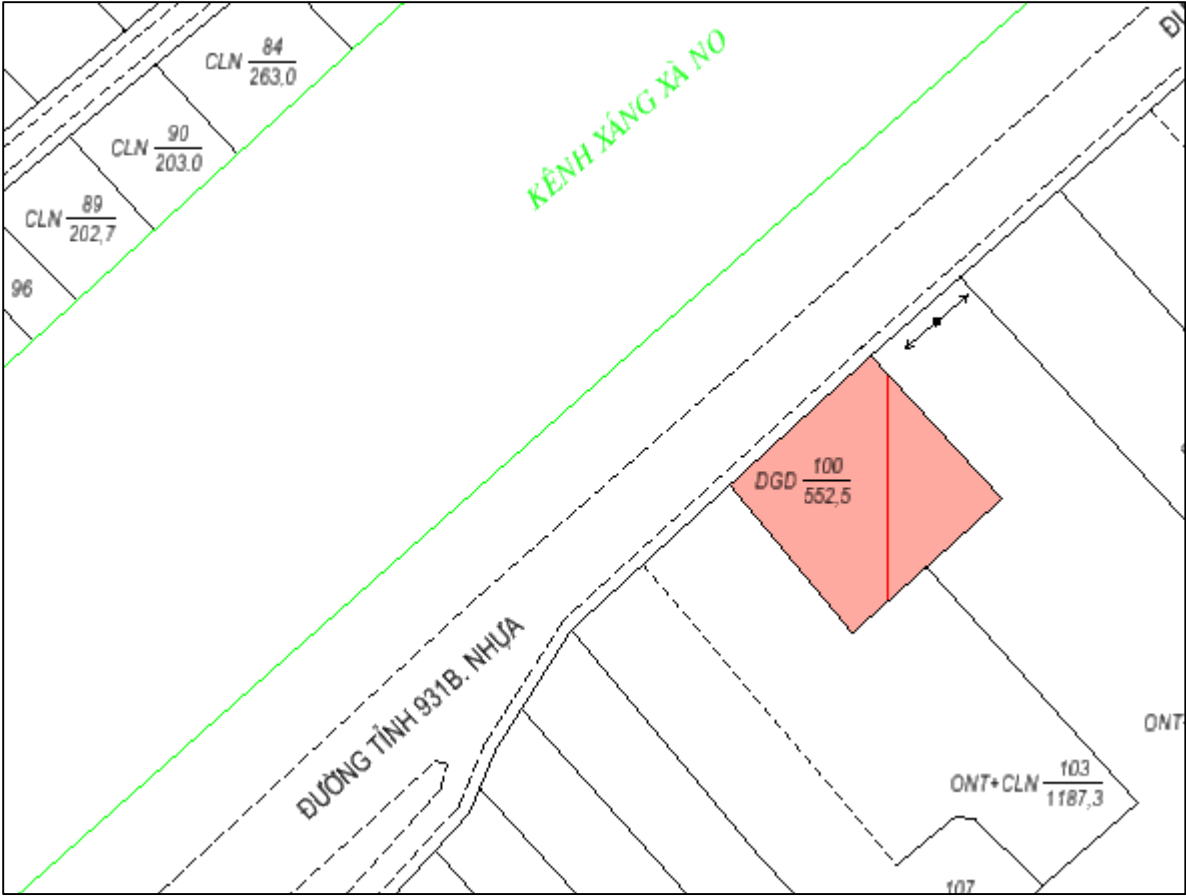
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 2
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 104
- Diện tích công trình/dự án: 0,19 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

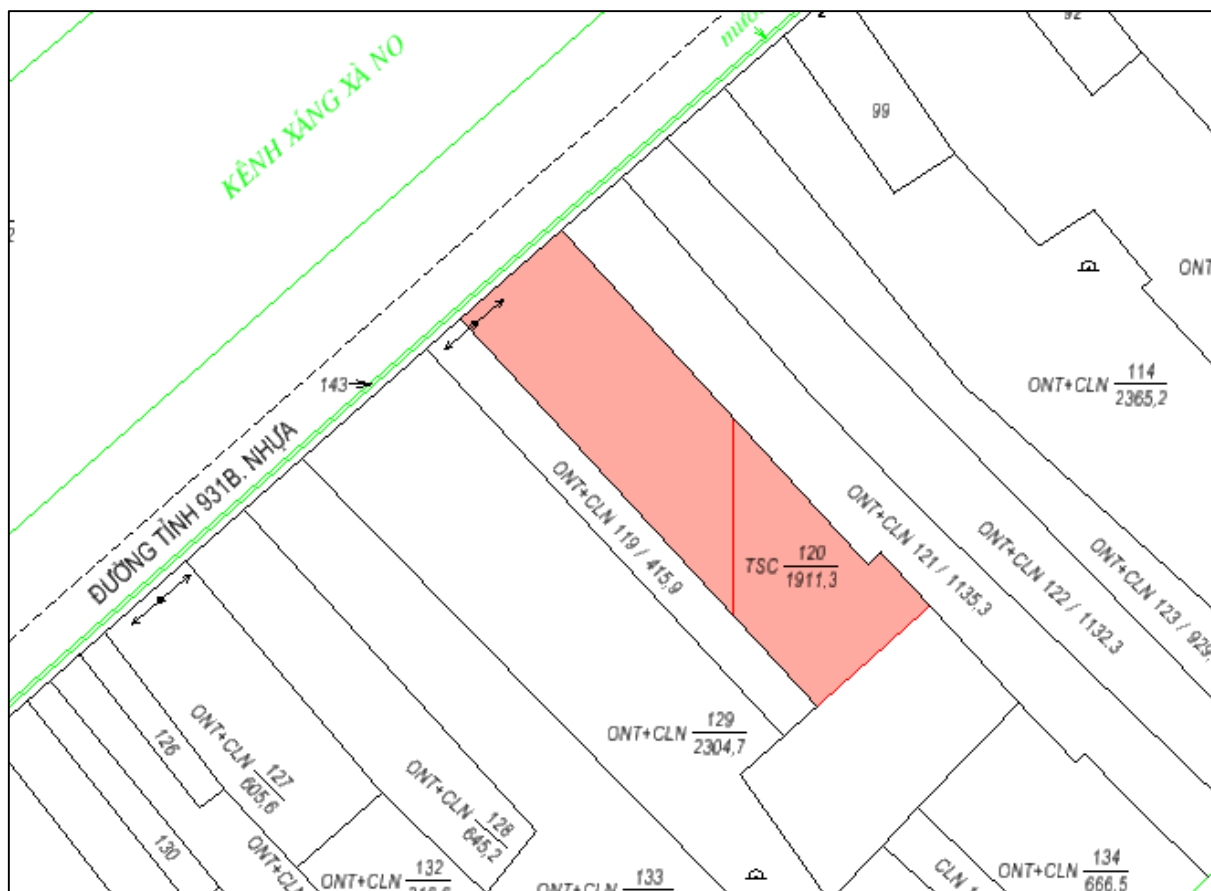
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



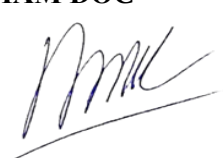
- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 5
- Diện tích công trình/dự án: 0,03ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

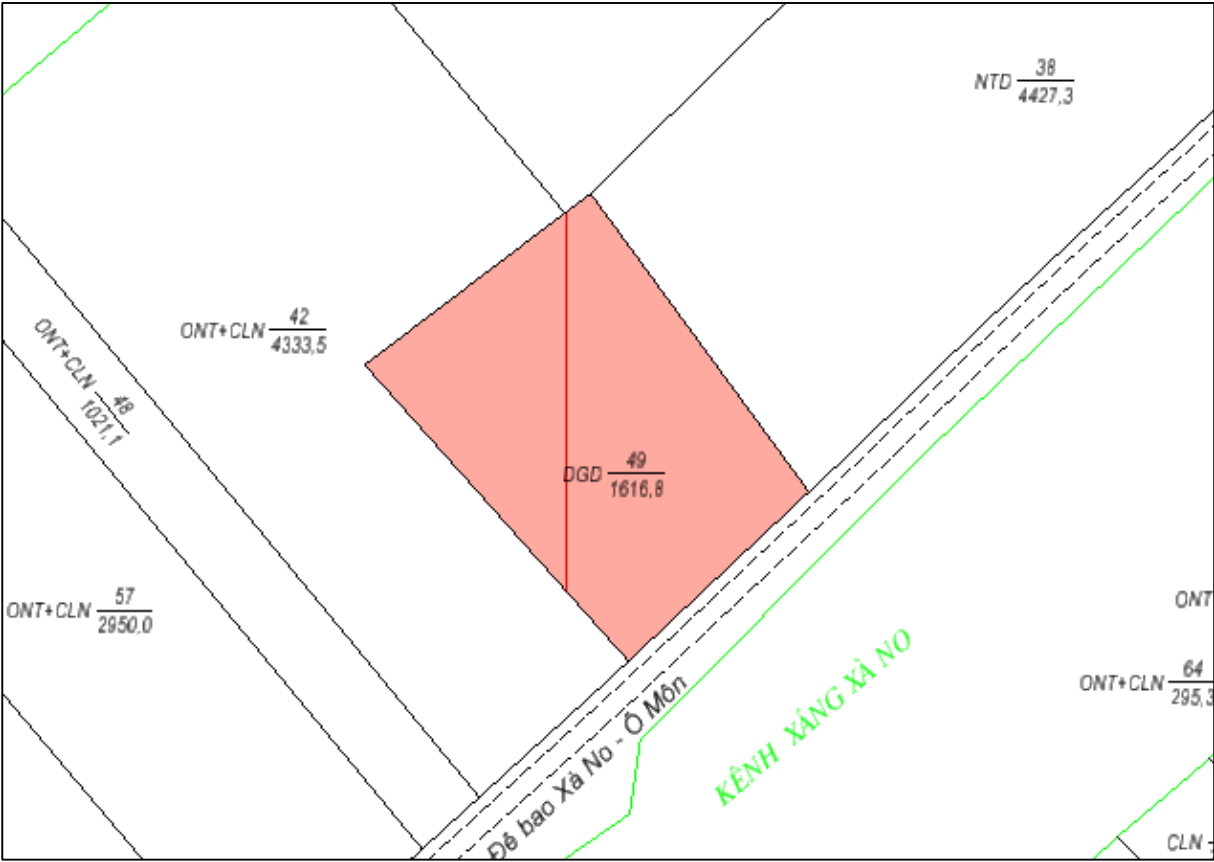
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 3A
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 84
- Diện tích công trình/dự án: 0,14 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

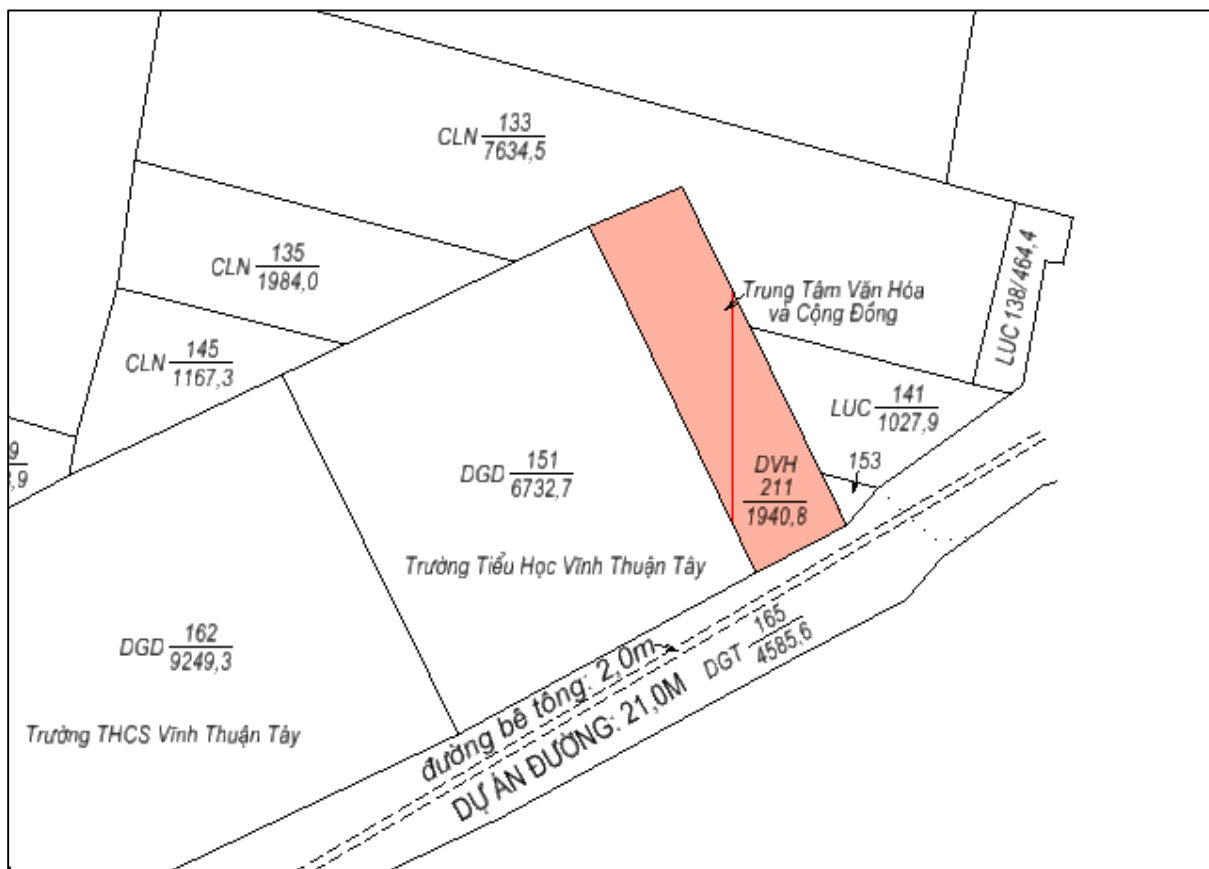
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA – KHU THỂ THAOẤP 7
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 11
- Diện tích công trình/dự án: 0,19 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

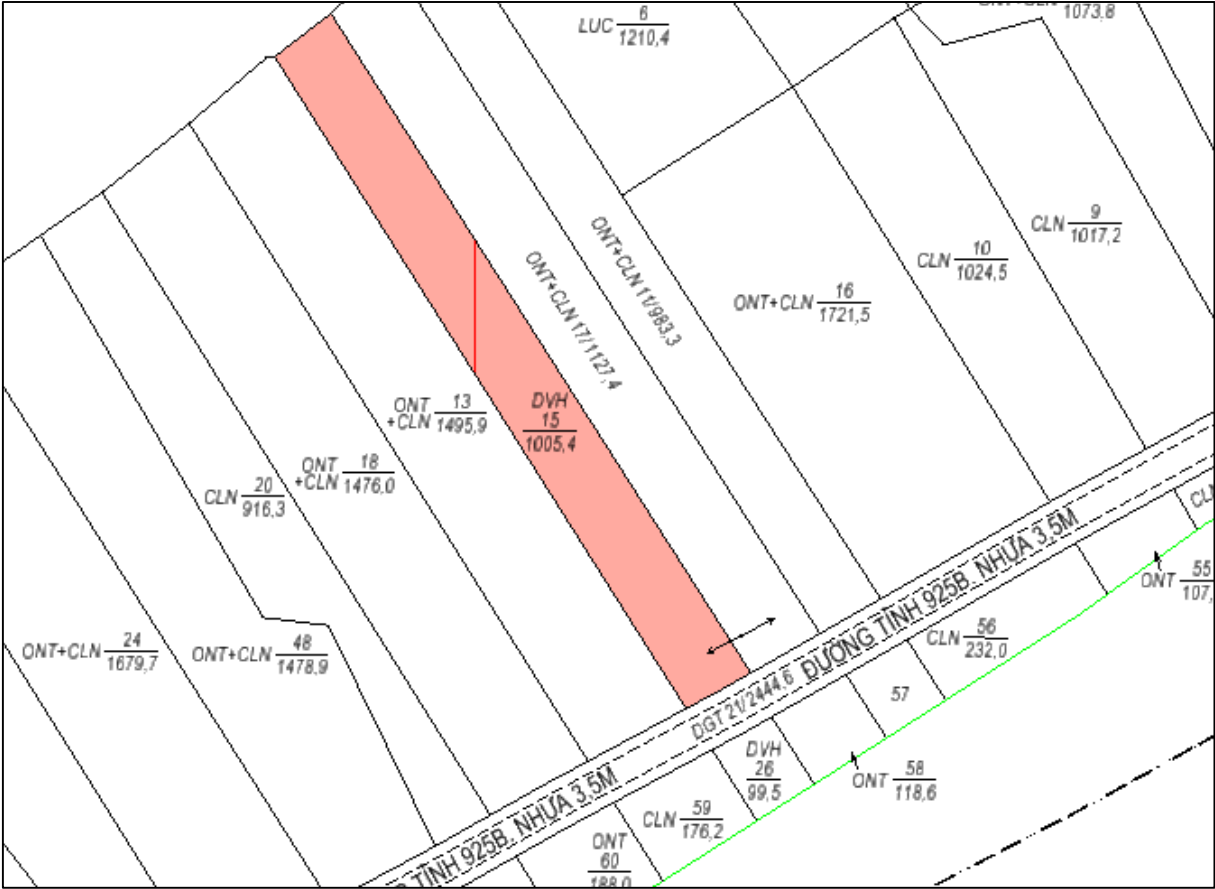
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRUNG TÂM VĂN HÓA VÀ HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG XÃ
VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY



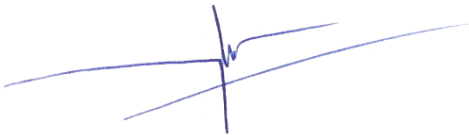
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 22
- Diện tích công trình/dự án: 0,20 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DVH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

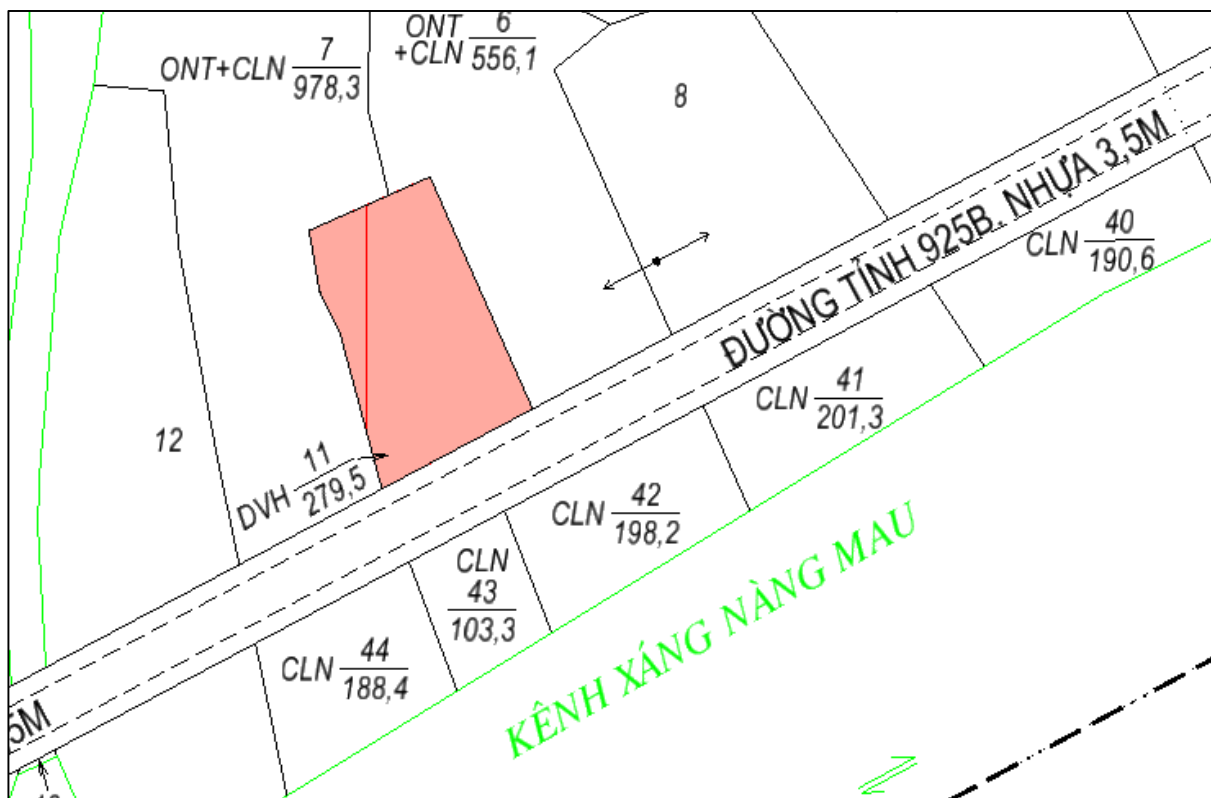
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAOẤP 1, XÃ VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY



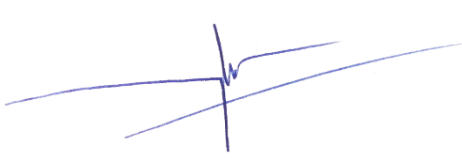
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 59
- Diện tích công trình/dự án: 0,25 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

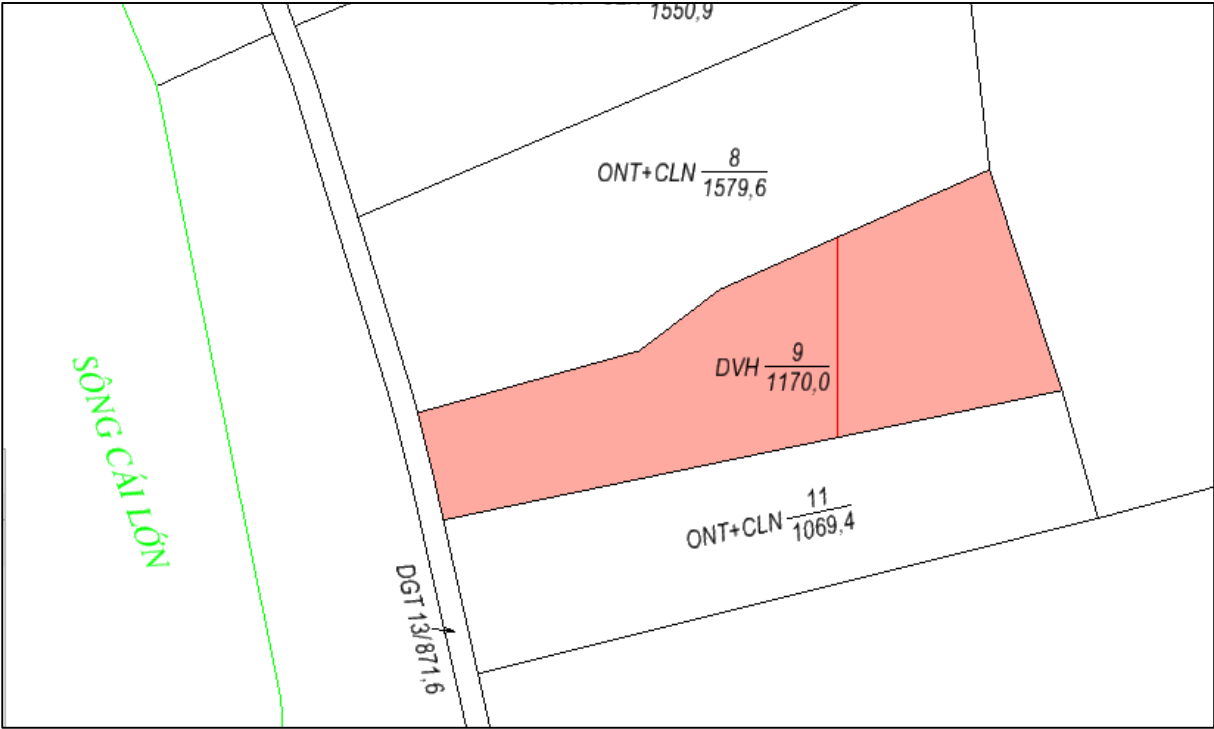
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 2, XÃ VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



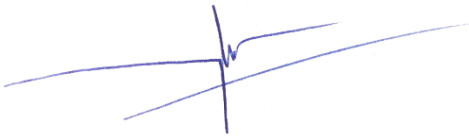
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 64
- Diện tích công trình/dự án: 0,05 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

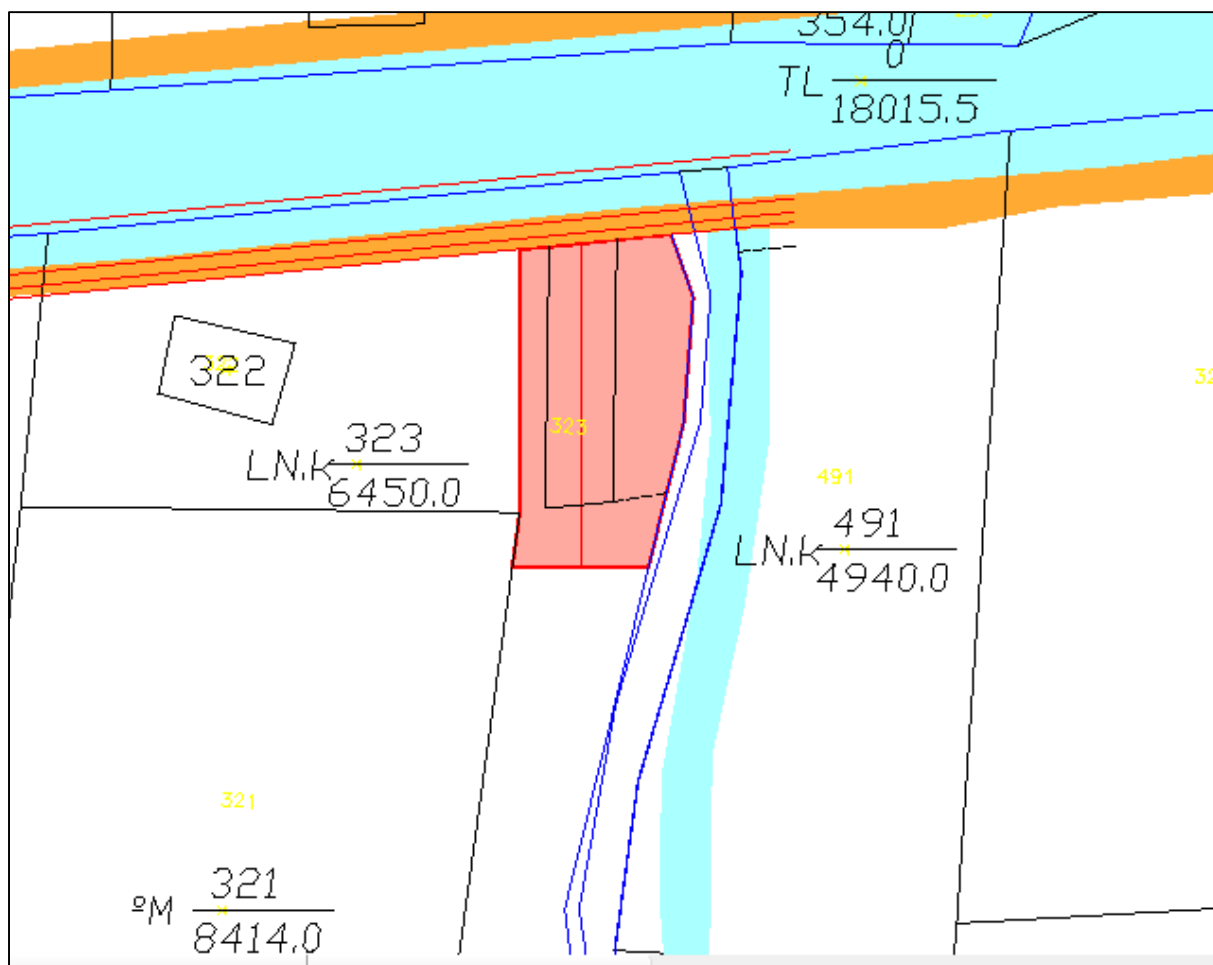
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAOẤP 4, XÃ VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 66
- Diện tích công trình/dự án: 0,25 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAOẤP 5, XÃ VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 03
- Diện tích công trình/dự án: 0,25 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHẬT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

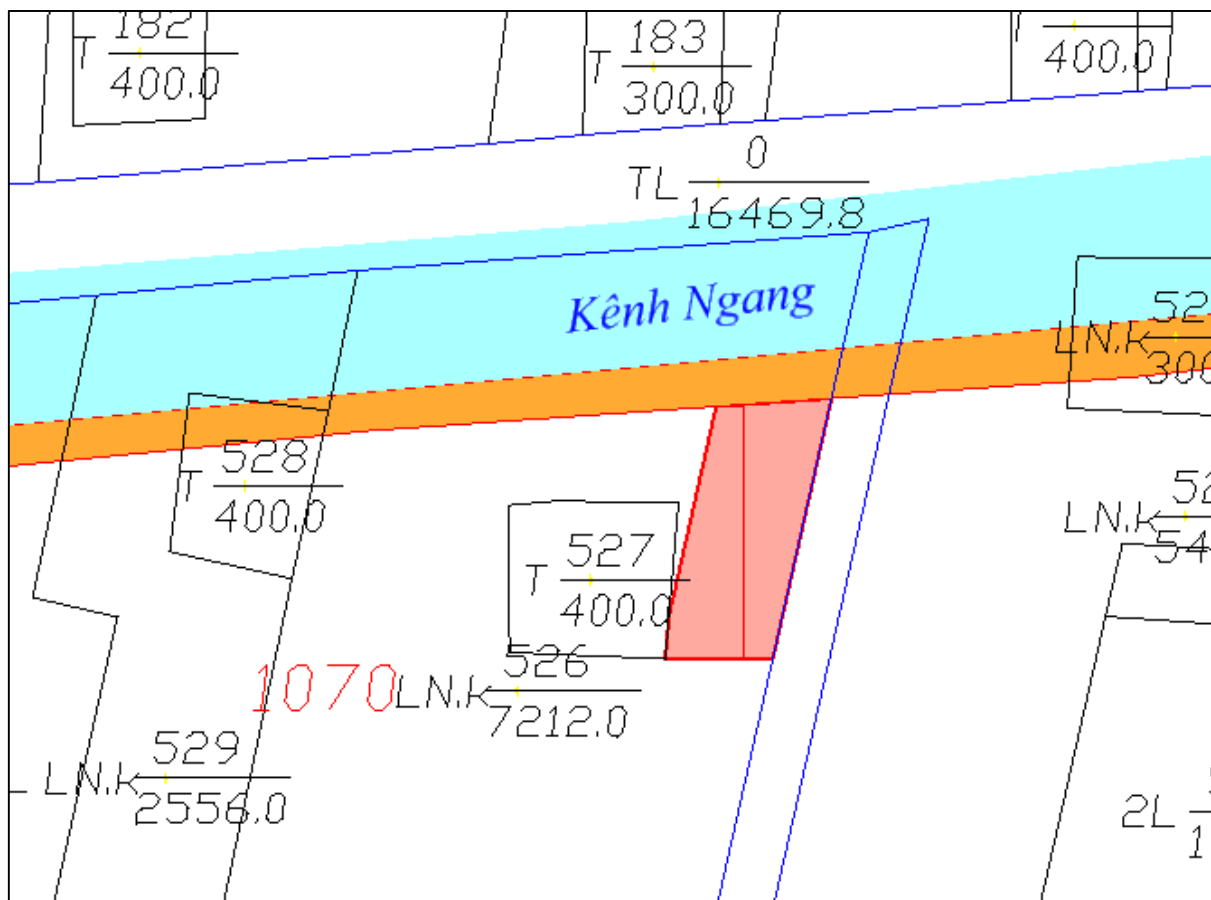
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 6, XÃ VINH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VINH THUẬN TÂY**



- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 41
- Diện tích công trình/dự án: 0,05 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

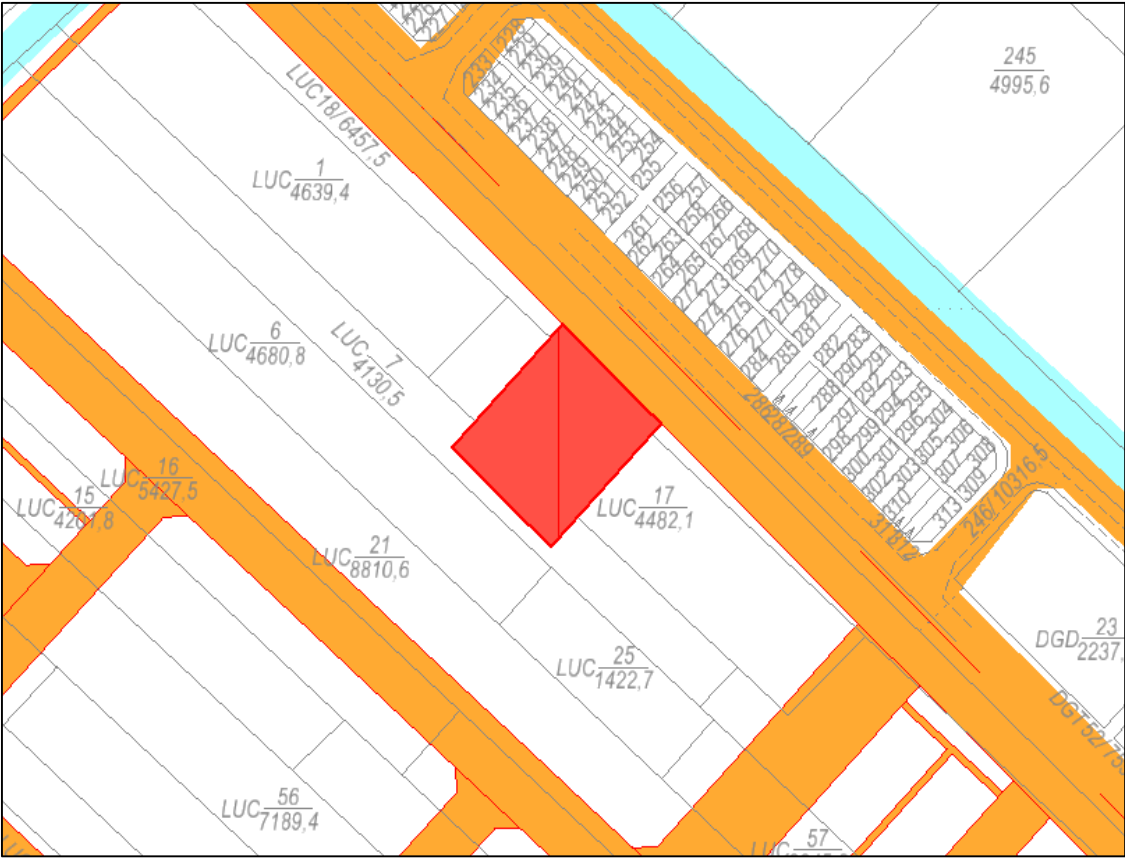
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ÁP 7, XÃ VĨNH THUẬN TÂY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VĨNH THUẬN TÂY**



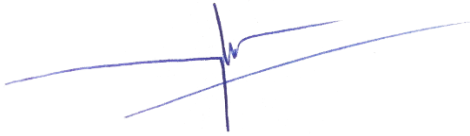
- Bản đồ địa chính: xã Vĩnh Thuận Tây
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 02
- Diện tích công trình/dự án: 0,05 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

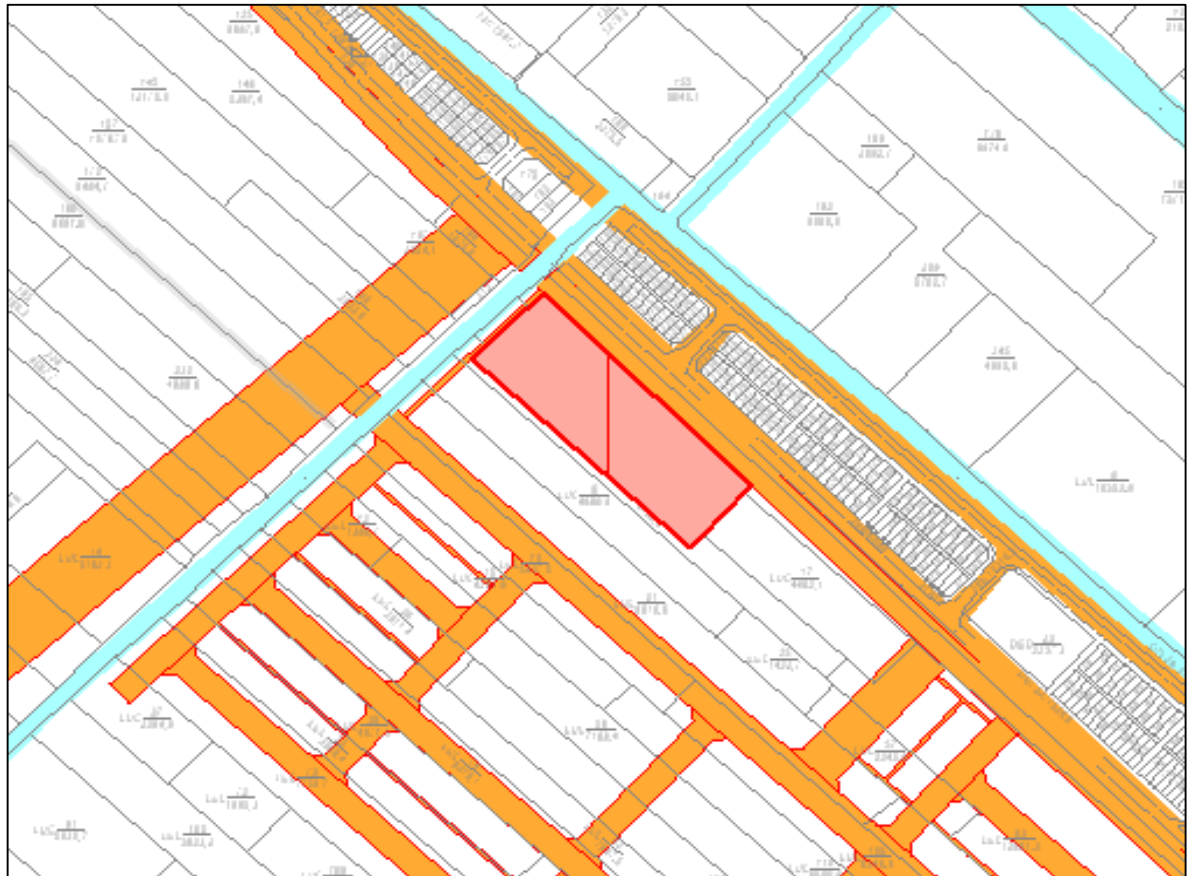
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CÔNG AN XÃ VỊ ĐÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG**



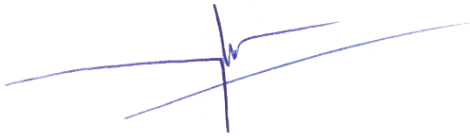
- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 12
- Diện tích công trình/dự án: 0,19ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: CAN

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

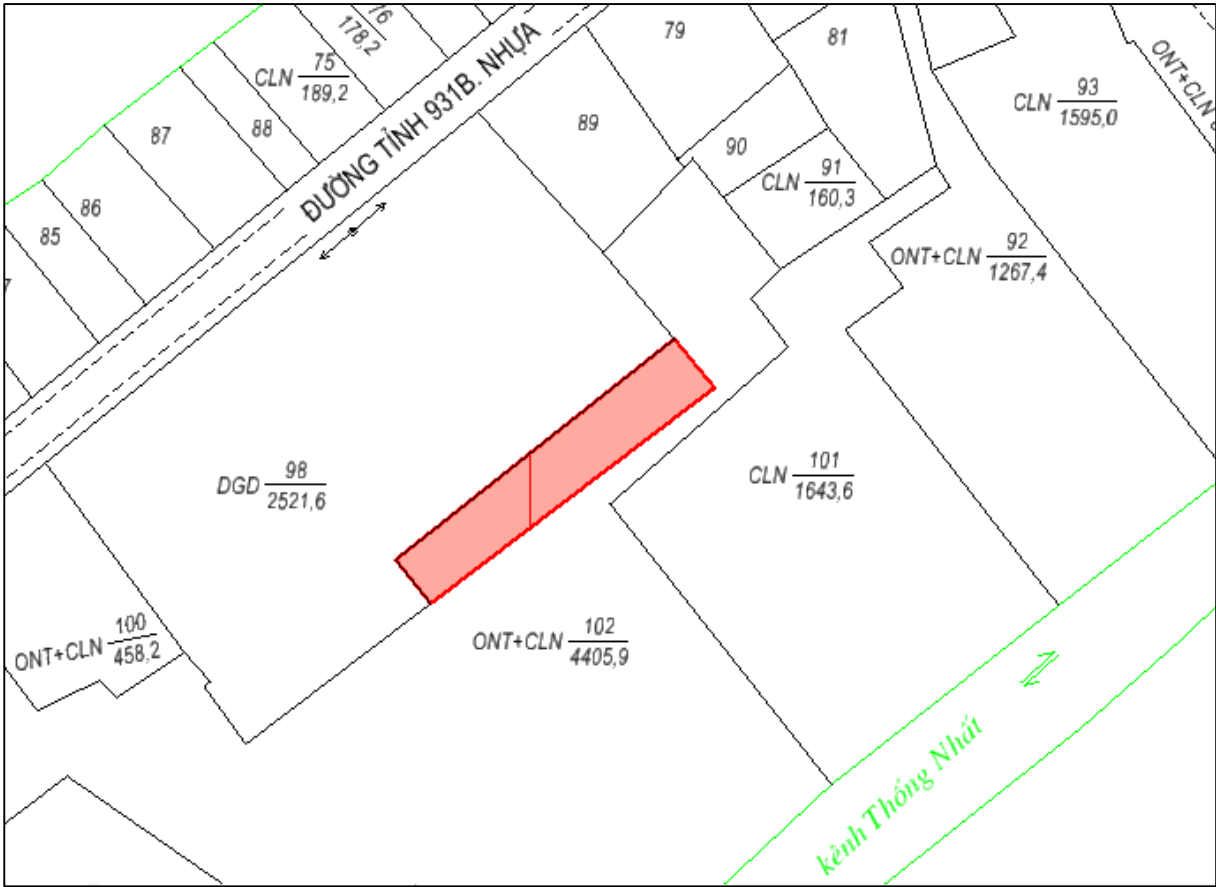
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG TIỂU HỌC VỊ ĐÔNG 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



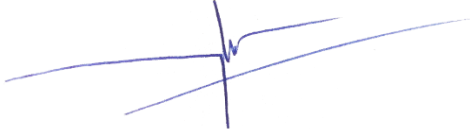
- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 12
- Diện tích công trình/dự án: 1,02 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

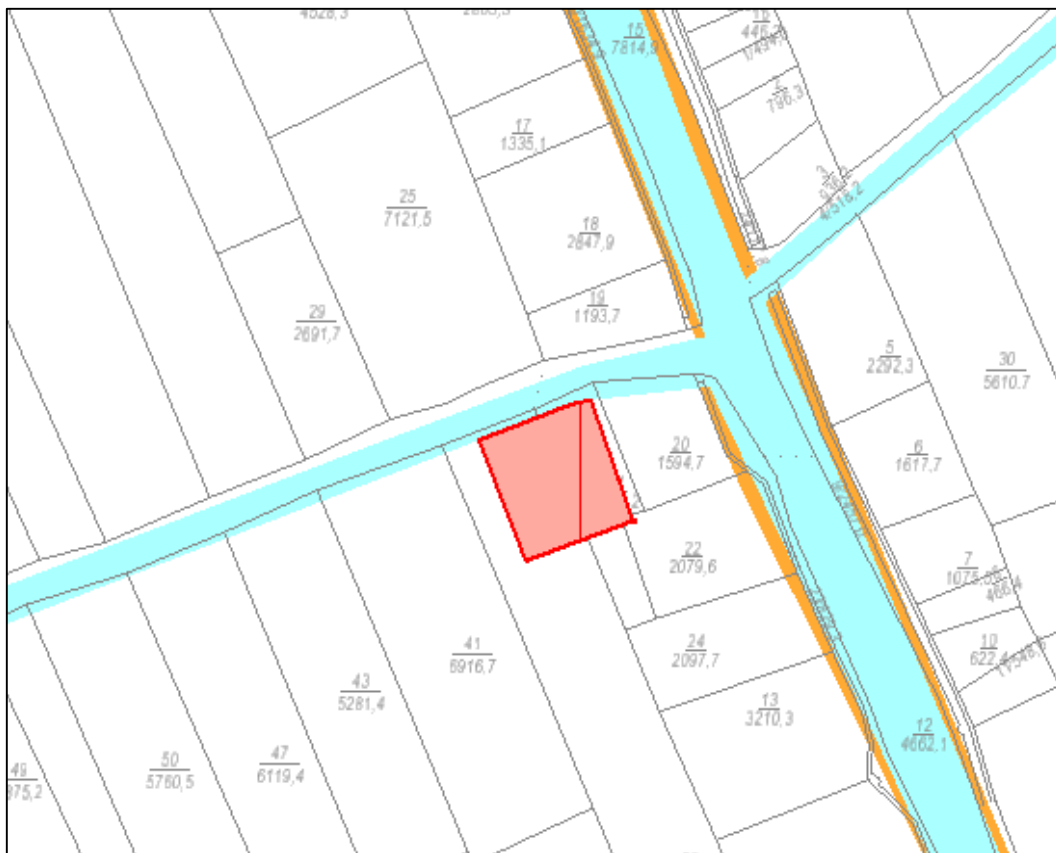
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG TIỂU HỌC VỊ ĐÔNG 3
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG**



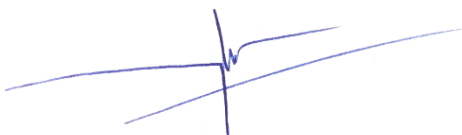
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 67
- Diện tích công trình/dự án: 0,10 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

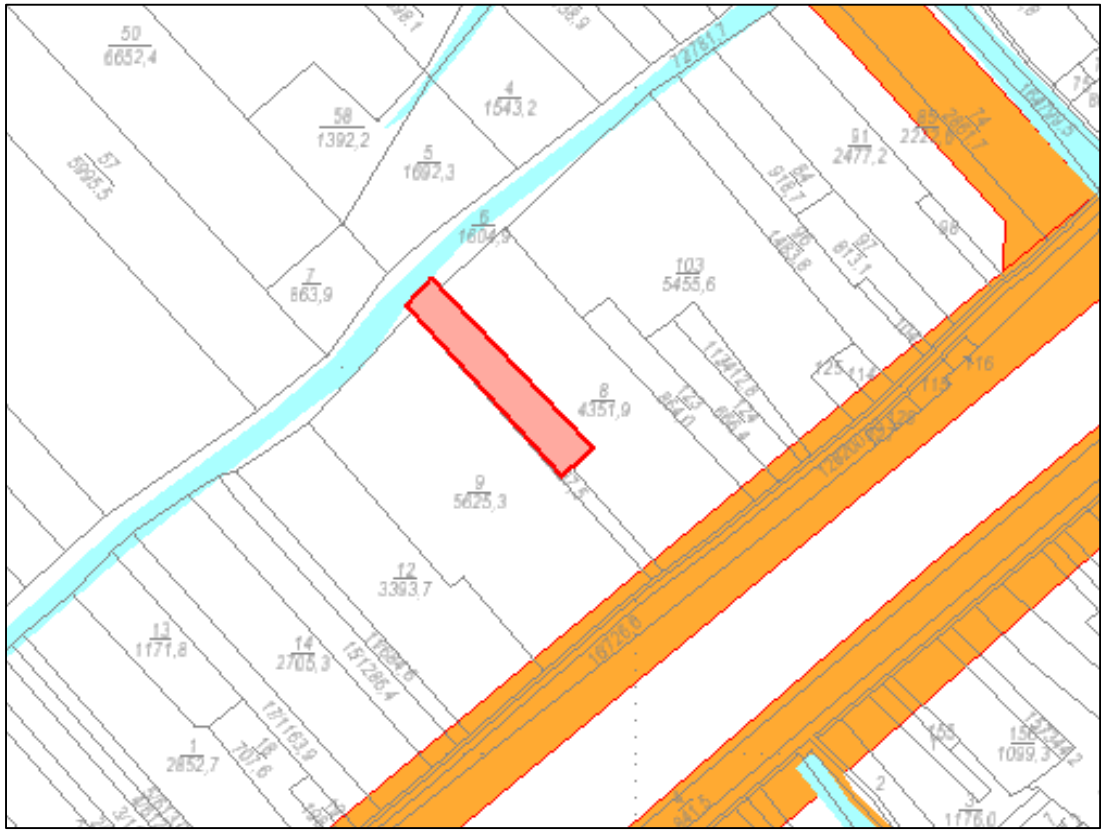
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG TIỂU HỌC VỊ ĐÔNG 4
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG**



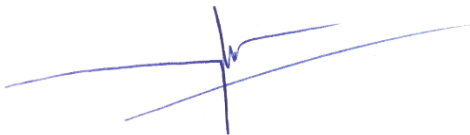
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 08
- Diện tích công trình/dự án: 0,20 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
<i>Vị Thủy, ngày tháng năm 2023</i>	<i>Ngày tháng năm 2023</i>
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

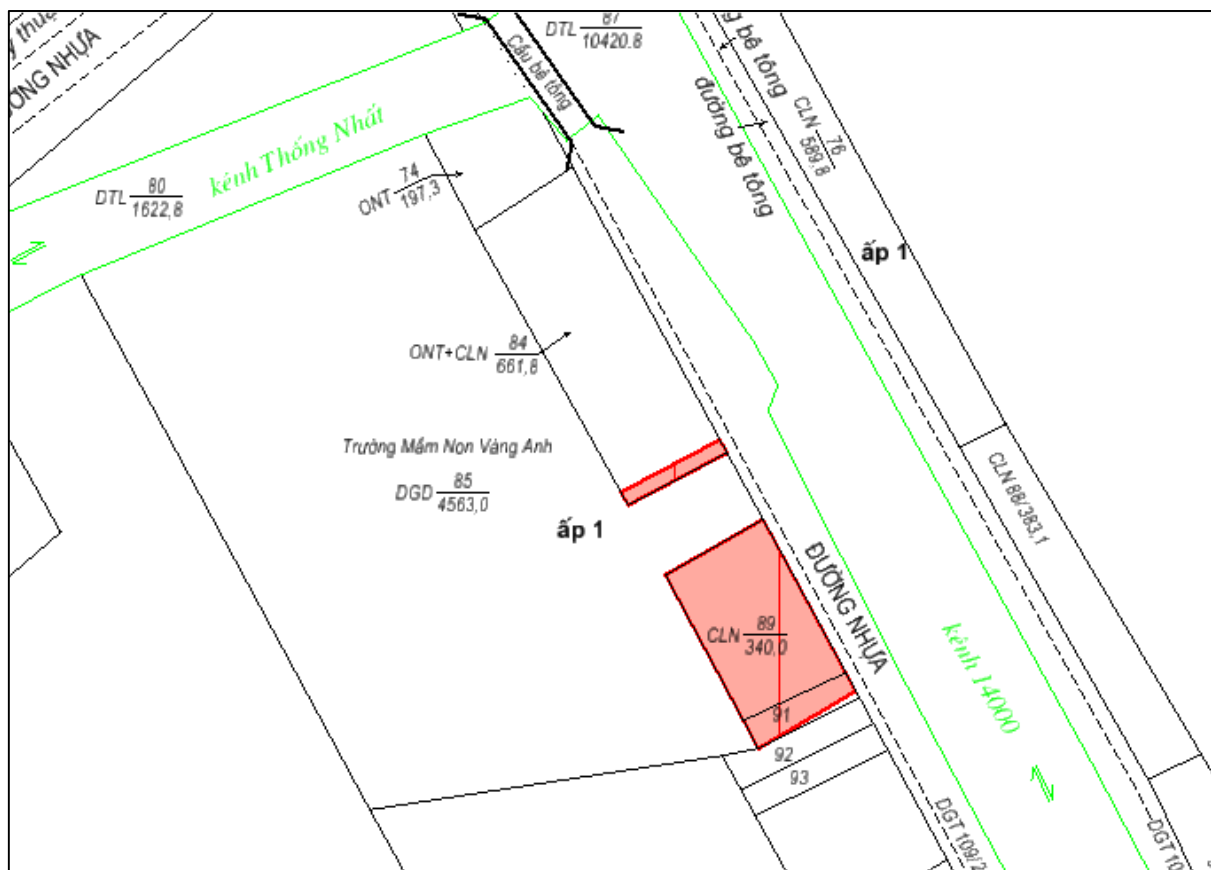
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG THCS VỊ ĐÔNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 06
- Diện tích công trình/dự án: 0,10ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRƯỜNG MẦM NON VÀNG ANH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THANH

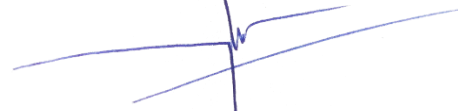


- Bản đồ địa chính: Xã Vị Thanh
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 14
- Diện tích công trình/dự án: 0,10 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

The map shows several land parcels with the following labels and area calculations:

- Parcel 192: $ONT+CLN \frac{204}{2063,6}$
- Parcel 198: $CLN \frac{194}{1042,8}$
- Parcel 199: $ONT+CLN \frac{207}{2227,7}$
- Parcel 200: $CLN \frac{1}{582,7}$
- Parcel 201: $ONT+CLN \frac{210}{1876,9}$
- Parcel 202: $ONT+CLN \frac{205}{366,4}$
- Parcel 203: $ONT+CLN \frac{206}{506,1}$
- Parcel 204: $CLN \frac{1}{582,7}$
- Parcel 205: $ONT+CLN \frac{207}{2227,7}$
- Parcel 206: $CLN \frac{1}{582,7}$
- Parcel 207: $ONT+CLN \frac{208}{2227,7}$
- Parcel 208: $CLN \frac{1}{582,7}$
- Parcel 209: $ONT+CLN \frac{209}{2227,7}$
- Parcel 210: $CLN \frac{1}{582,7}$

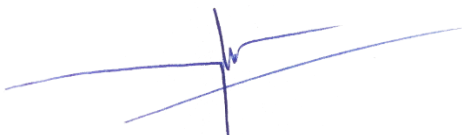
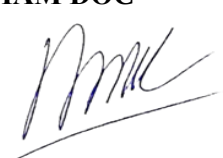
- | | |
|---|--|
| PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HUYỆN VỊ THỦY | CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ
VĨNH THỊNH |
| Vị Thủy, ngày tháng năm 2023 | Ngày tháng năm 2023 |
| TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN MINH NHẬT | GIÁM ĐỐC

LÊ TIÊN DŨNG |

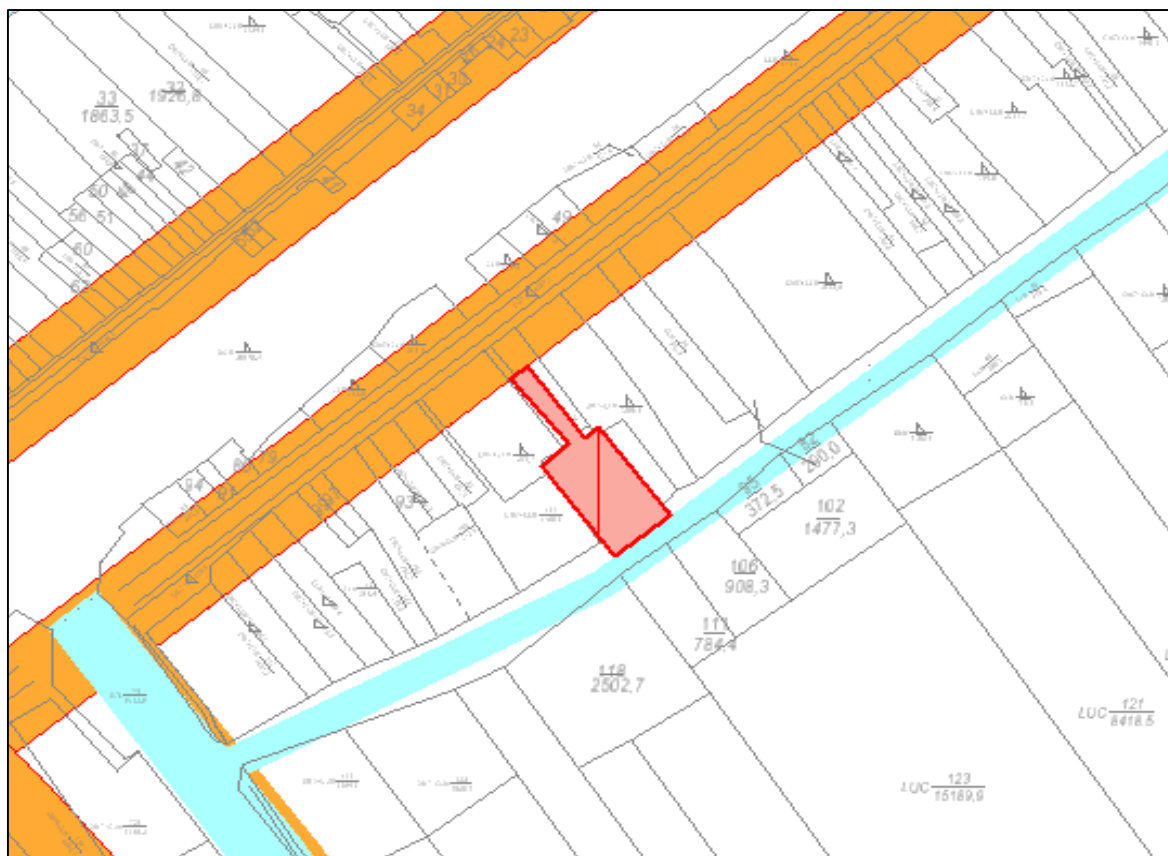
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRẠM CẤP NƯỚC TẬP TRUNG LIÊN XÃ VỊ ĐÔNG, VỊ THANH,
VỊ BÌNH HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THANH**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thanh
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 6
- Diện tích công trình/dự án: 0,09 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: SKC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

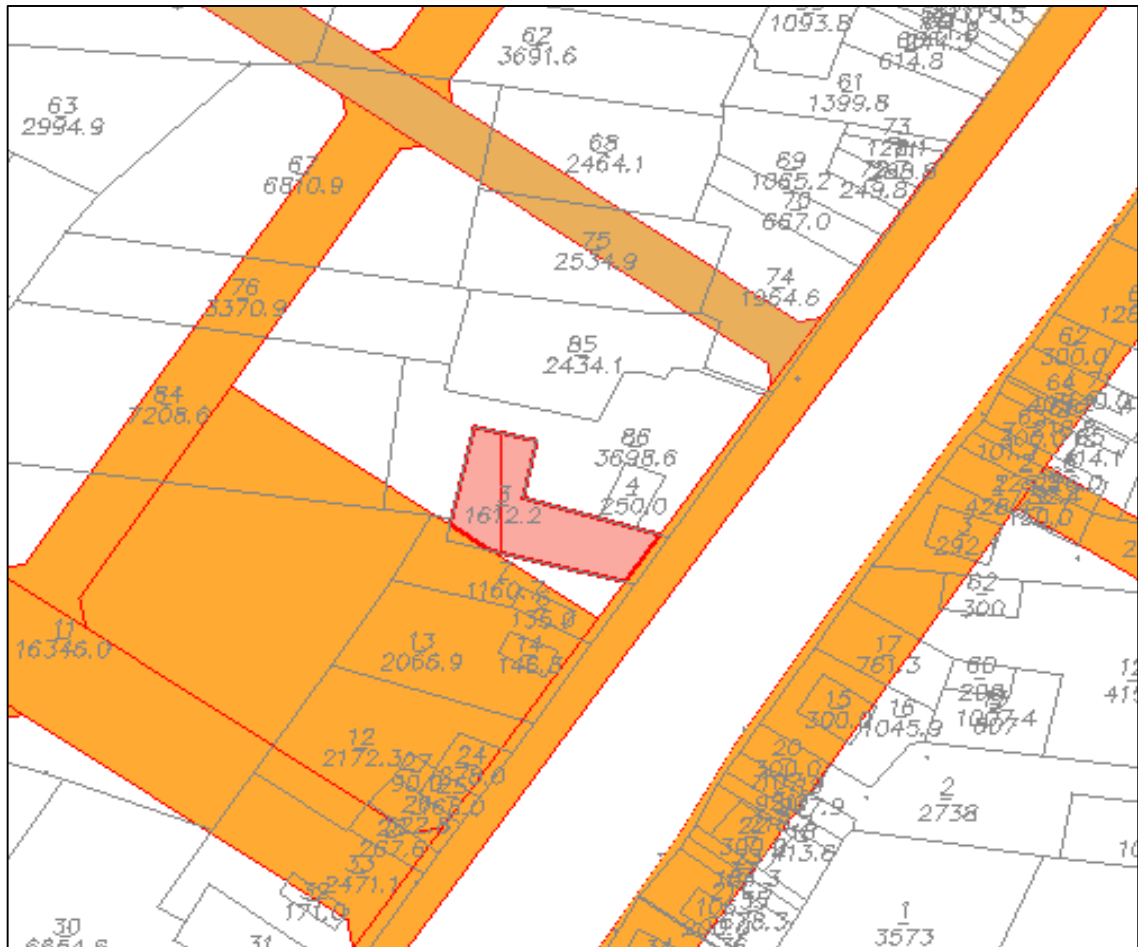
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRẠM CẤP NƯỚC TẬP TRUNG LIÊN XÃ VỊ ĐÔNG, VỊ THANH, VỊ
BÌNH HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THANH**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thanh
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 14
- Diện tích công trình/dự án: 0,10ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: SKC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

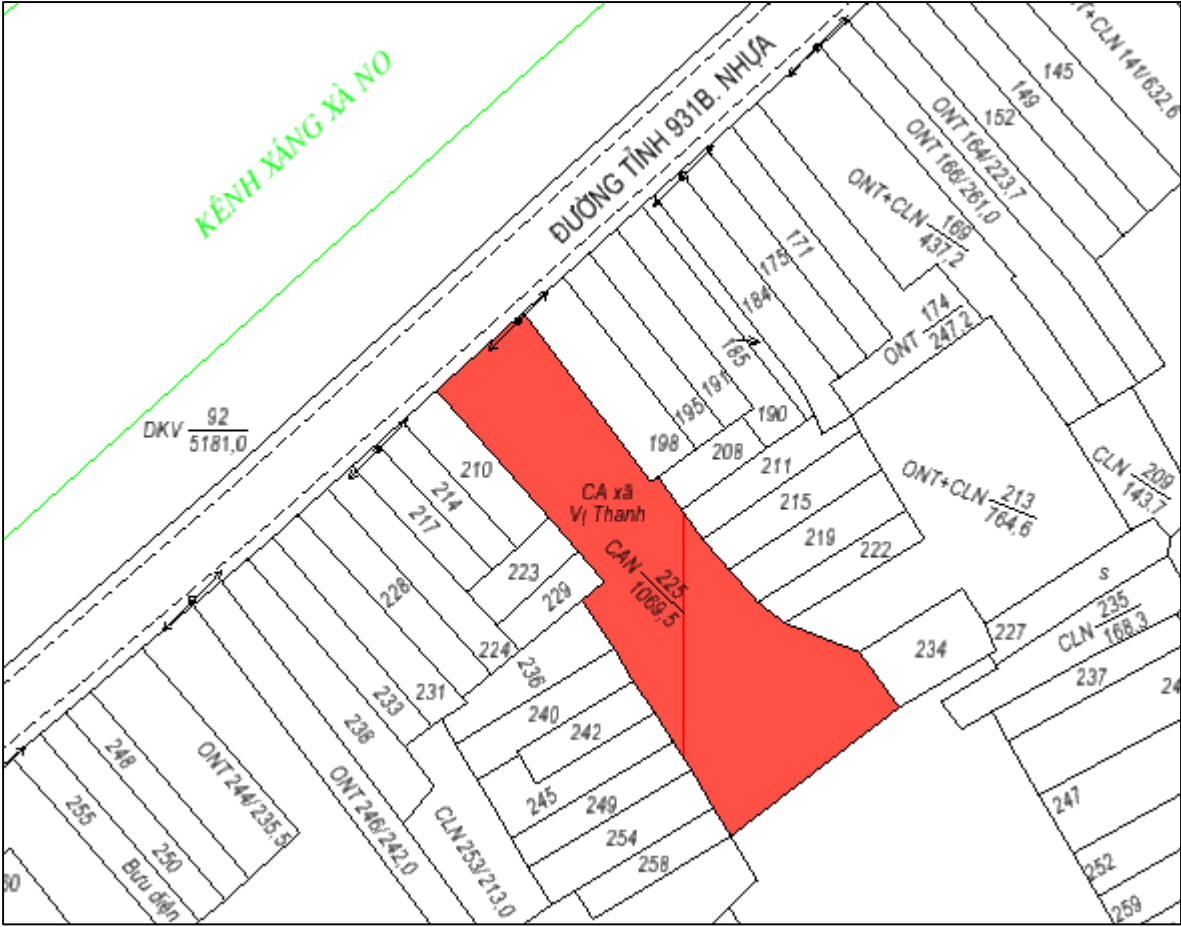
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ MÁY NƯỚC NÀNG MAU
ĐỊA ĐIỂM: TT. NÀNG MAU**



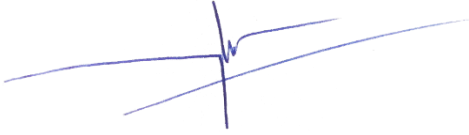
- Bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 5
- Diện tích công trình/dự án: 0,16ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: SKC

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

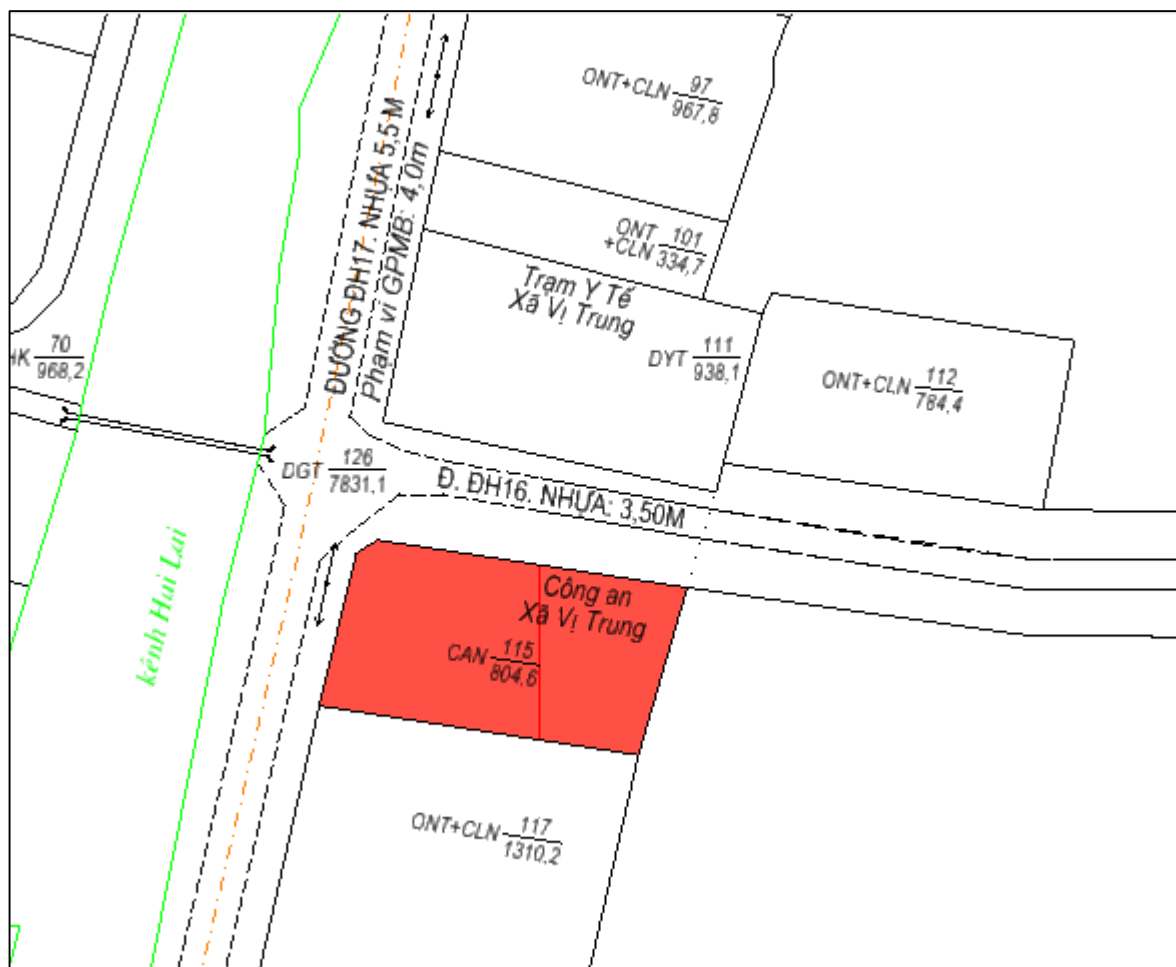
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CÔNG AN XÃ VỊ THANH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ THANH



- Bản đồ địa chính: xã Vị Thanh
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 75
- Diện tích công trình/dự án: 0,13ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: CAN

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

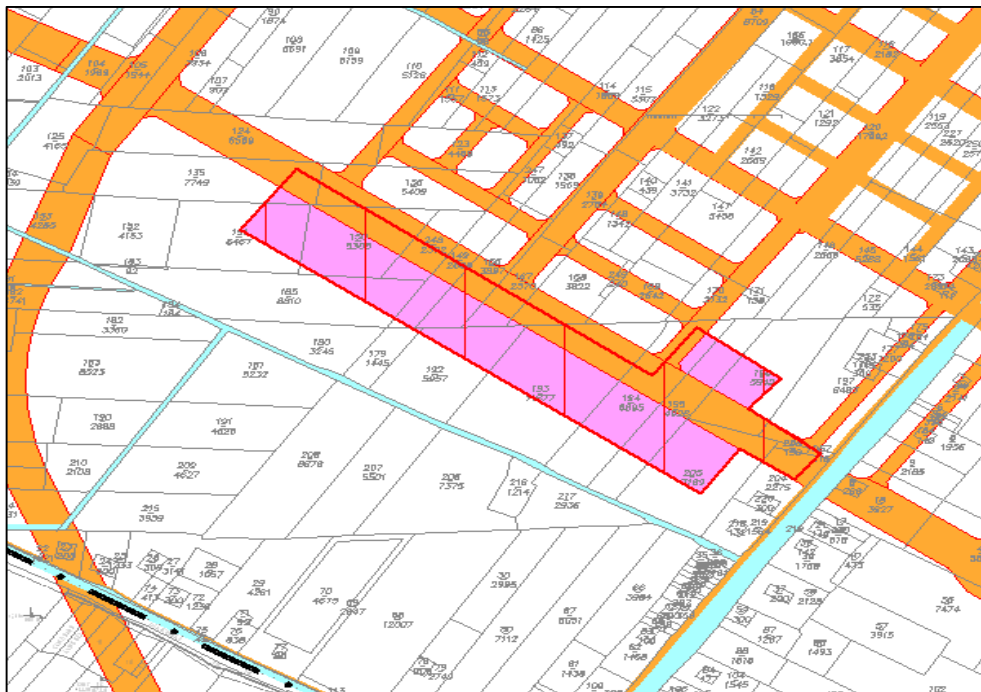
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
CÔNG AN XÃ VỊ TRUNG
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ TRUNG**



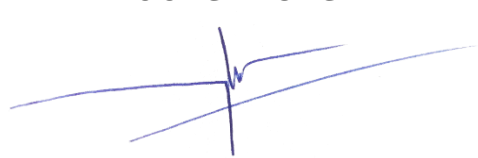
- Bản đồ địa chính: Xã Vị Trung
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 52
- Diện tích công trình/dự án: 0,85 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: CAN

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIÊN DŨNG

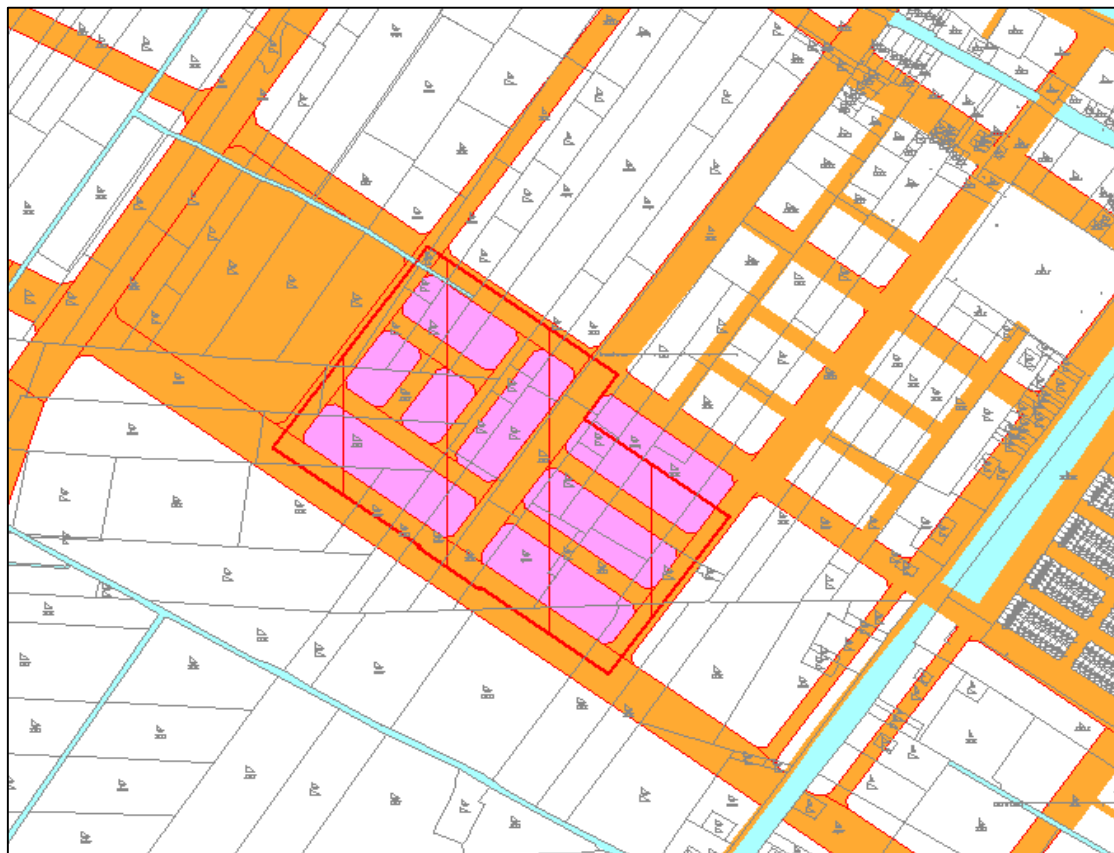
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
KHU TÁI ĐỊNH CƯ THỊ TRẤN NÀNG MAU PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY
DỰNG CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC - NAM PHÍA ĐÔNG,
GIAI ĐOẠN 2021-2025
ĐỊA ĐIỂM: TT. NÀNG MAU**



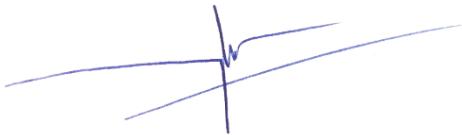
- Bản đồ địa chính: TT. Nàng Mau
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 10
- Diện tích công trình/dự án: 3,60 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ODT, DGT, DTL, DKV

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

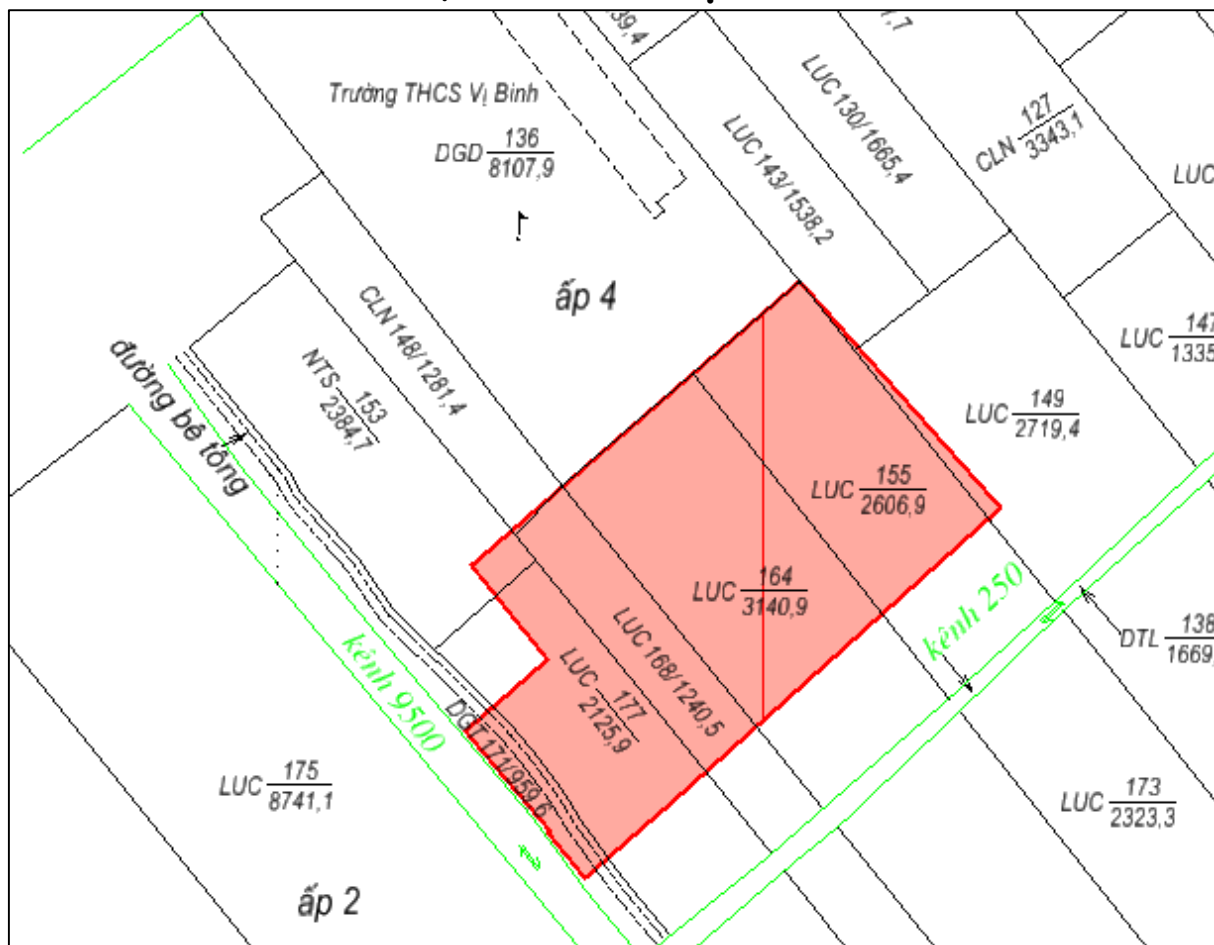
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
KHU TÁI ĐỊNH CƯ THỊ TRẤN NÀNG MAU, HUYỆN VỊ THỦY
ĐỊA ĐIỂM: THỊ TRẤN NÀNG MAU**



- Bản đồ địa chính: Thị trấn Nàng Mau
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 10
- Diện tích công trình/dự án: 5,32 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: ODT, DCH, DGT, TMD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

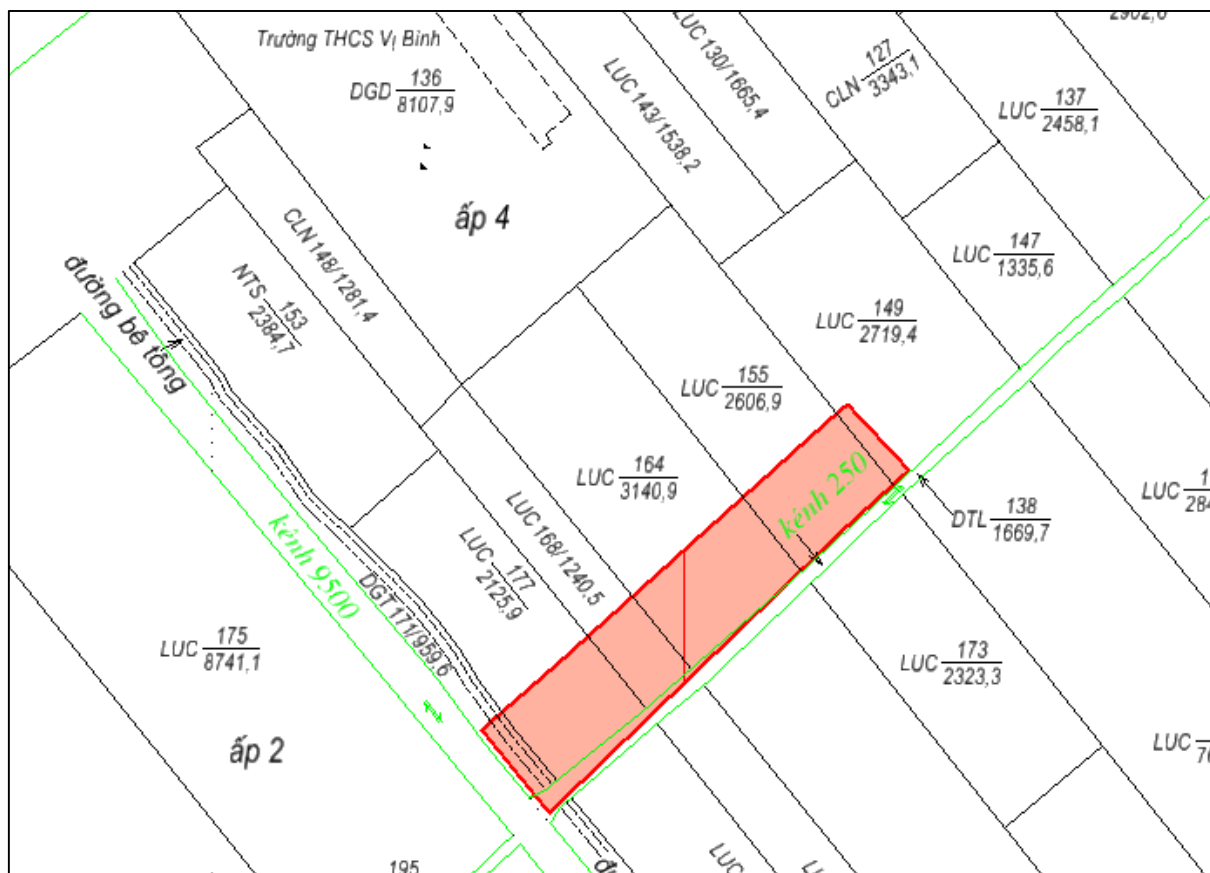
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NÂNG CẤP, SỬA CHỮA TRƯỜNG TIỂU HỌC VỊ BÌNH 1
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH**



- Bản đồ địa chính: xã Vị Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 26
- Diện tích công trình/dự án: 0,69 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DGD

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

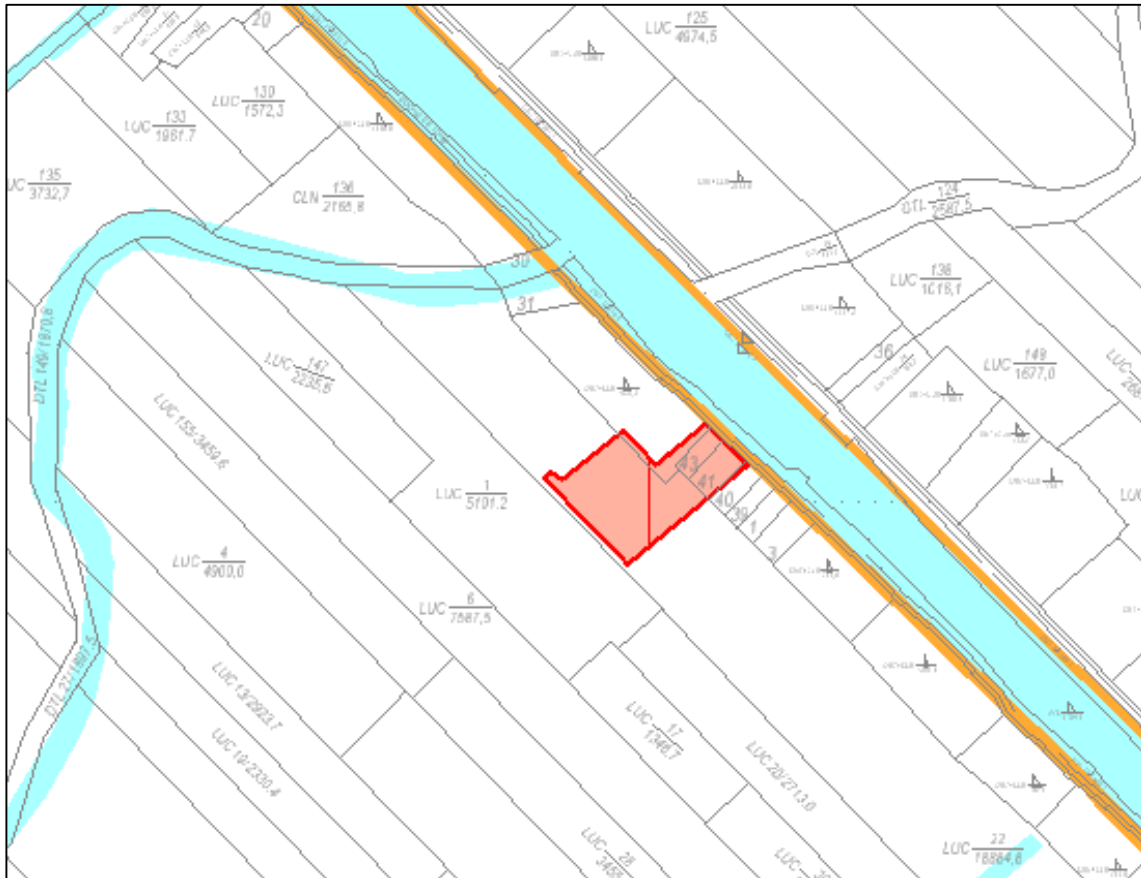
**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
TRUNG TÂM VĂN HÓA VÀ HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG XÃ VỊ BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 26
- Diện tích công trình/dự án: 0,29 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DVH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHẬT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

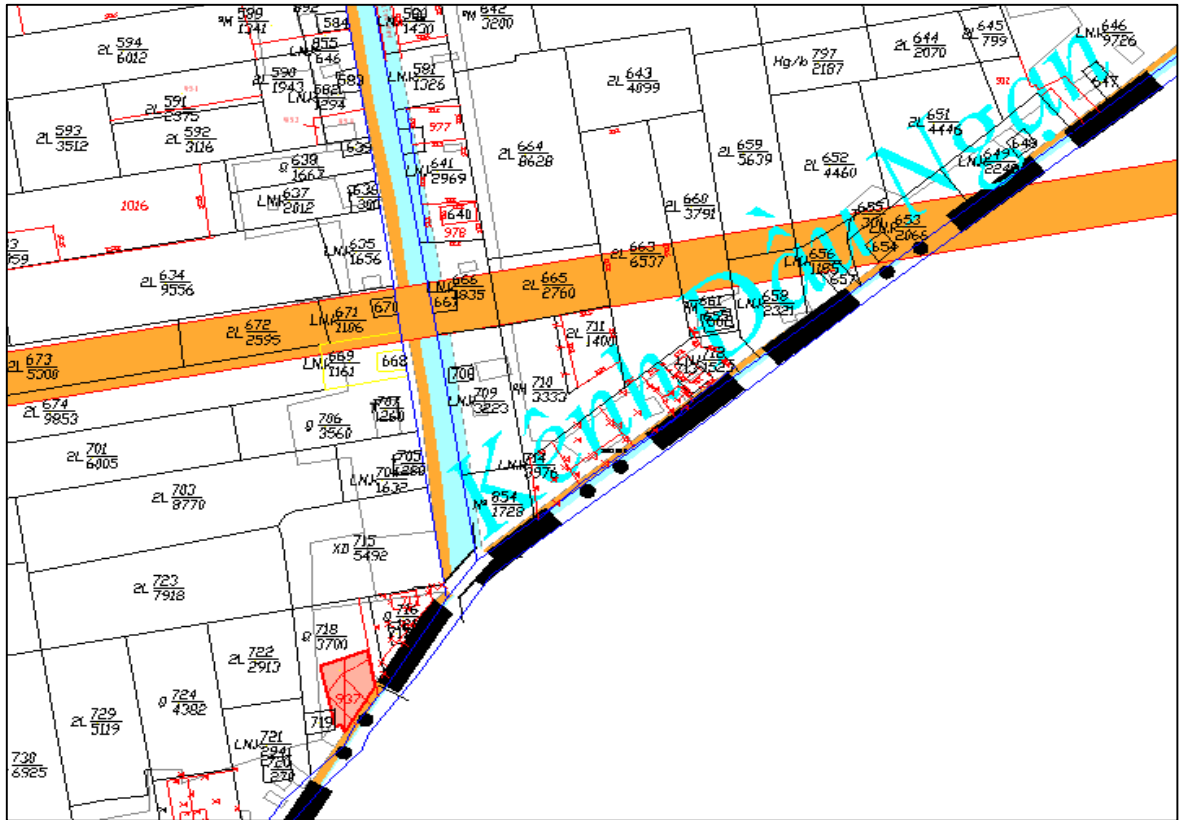
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAOẤP 9B
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ BÌNH



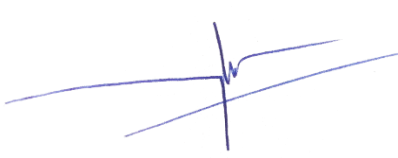
- Bản đồ địa chính: xã Vị Bình
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 3
- Diện tích công trình/dự án: 0,16 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

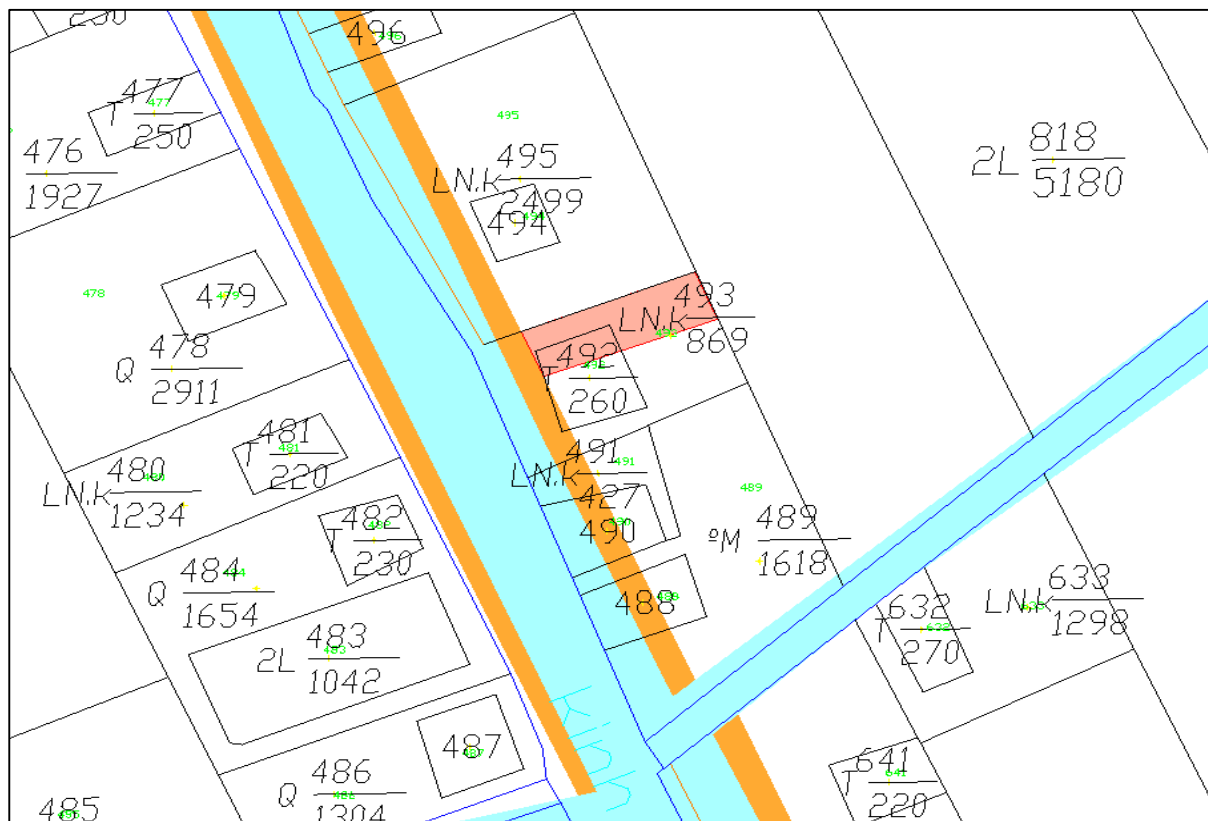
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA - KHU THỂ THAO ẤP 4
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 01
- Diện tích công trình/dự án: 0,10 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

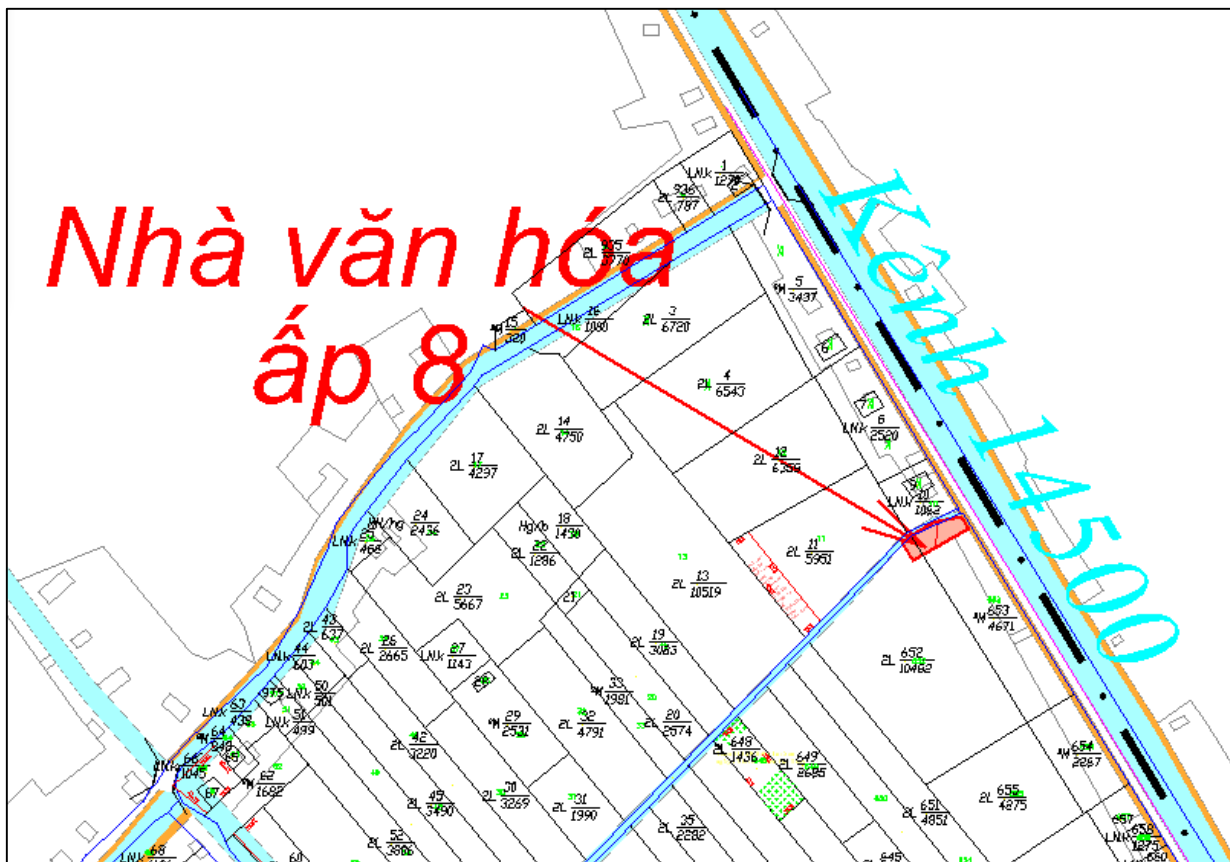
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 5
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



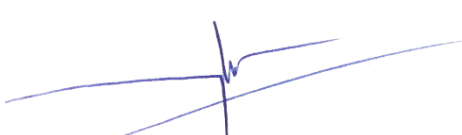
- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 8
- Diện tích công trình/dự án: 0,04 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

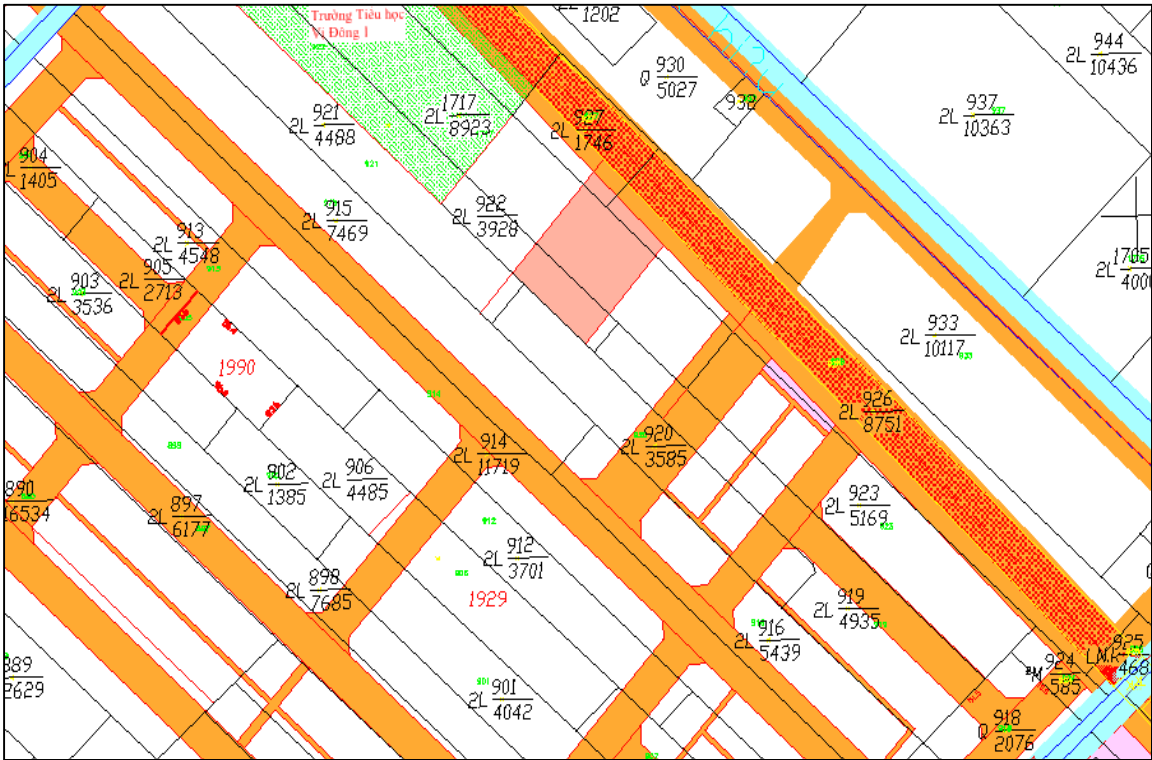
BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
NHÀ VĂN HÓA ẤP 8
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG



- Bản đồ địa chính: xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 11
- Diện tích công trình/dự án: 0,05 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DSH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG

**BẢN VẼ VỊ TRÍ, RANH GIỚI, DIỆN TÍCH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN:
XÂY DỰNG TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VỊ ĐÔNG**



- Bản đồ địa chính: Xã Vị Đông
- Số tờ bản đồ địa chính: tờ bản đồ số 12
- Diện tích công trình/dự án: 0,30 ha
- Loại đất quy hoạch sử dụng: DVH

PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HUYỆN VỊ THỦY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ VĨNH THỊNH
Vị Thủy, ngày tháng năm 2023	Ngày tháng năm 2023
TRƯỞNG PHÒNG  NGUYỄN MINH NHỰT	GIÁM ĐỐC  LÊ TIẾN DŨNG